

Dịch từ: Epoch Times - epochtimes.com
Nguồn: epochtimesviet.com

Thiên Cổ Anh Hùng

Tào Tháo

10.2024

*Tổ nghiên cứu nhân vật anh hùng thiên cổ của văn hóa
Thần truyền huy hoàng 5.000 năm.*

Nguồn: epochtimesviet.com / Dịch từ: epochtimes.com

MỤC LỤC

Lời nói đầu 2

Chương 1: Kế thừa dự ngôn, minh chủ xuất hiện

1. Kế thừa dự ngôn, minh chủ xuất hiện 8
2. Giương cờ nghĩa, diệt bạo loạn, phò ấu chúa 19
3. Phục hưng Đạo giáo, quần hùng quy về Họ Tào, thuận theo vận mệnh mà được hưng khởi 25

Chương 2: Thuận thiên diễn “Nghĩa”

1. Thuận ý Trời, nghênh đón Hiến Đế, bảo vệ nhà Hán ..32
2. Chinh phạt Trương Tú, thảo phạt Viên Thuật, tiến đánh Lữ Bố 40
3. Diệt Viên Thiệu 50
4. Thảo phạt Viên Tử chinh phục Ô Hoàn 63
5. Tào Thừa Tướng bại trận Xích Bích, sự thật nguyên bản 80
6. Xây đài Đồng Tước – Hưng thịnh Kiến An 94
7. Trận chiến Đồng Quan – sau đó được phong làm Ngụy Công – tạo thành thế chân vạc 103
8. Tấn phong Ngụy Vương, mất Hán Trung, bại Quan Vũ .. 115
9. Đại nghiệp thành công vẫn không xưng Đế, lưu danh thiên cổ 125

Chương 3: Binh pháp Tào Tháo

“Tôn Tử lược giải” hay còn gọi là “Tôn Tử chú”	144
“Ngụy Vũ quân lệnh”	148
“Bộ chiến lệnh”	148
“Thuyền chiến lệnh”	150
“Bại quân lệnh”	150

Chương 4 : Bút pháp như Thần

“Khí xuất xướng” Kỳ 1:	154
“Khí xuất xướng” Kỳ 2:	156
“Khí xuất xướng” Kỳ 3:	158
“Thu hồ hành” Kỳ 1:	160
“Thu hồ hành” Kỳ 2	162
“Mạch thượng tang”	165
“Tinh liệt”	167
“Bảo đao phú” (cùng lời tựa)	169

Chương 5: Một nhà văn lớn

Lời kết	176
---------------	-----

Ngụy Vũ Đại Đế - Tào Tháo

Chân nhân hạ thế chấn càn cương
Bất loạn phản chính đại nghĩa chương
Tiên thát vũ nội quân uy thịnh
Vận trù diễn mưu binh pháp dương
Thi phú cứu thiên khai thương vũ
Đồng tước tam đài khởi nhạc chương
Đạo giáo sơ manh xảo phù trì
Thiên cổ phong lưu thiên cơ tàng.

Diễn nghĩa:

Chân nhân hạ thế chấn càn cương
Đẹp loạn phản chính biểu dương đại nghĩa.
Đại quân uy vũ chinh phục thiên hạ
Hồng dương binh pháp vận trù diễn mưu.
Thơ phú khai mở bầu trời cứu thiên
Đồng Tước Tam Đài mở ra chương nhạc.
Khéo phù trợ Đạo giáo buổi ban đầu
Phong lưu thiên cổ ẩn giấu thiên cơ.

Lời nói đầu

Trăm năm đời người, so với dòng sông lịch sử dài lâu của nhân loại thật không gì đáng kể, chỉ tựa như chớp mắt. Đối với lịch sử văn minh 5000 năm này, bấy nhiêu đó cũng chỉ là khoảnh khắc thoáng qua, tựa như bóng câu trôi qua cửa sổ. Những gì đã trải qua là để nhân loại phân biệt thật giả, nhận rõ thiện ác, bồi dưỡng các năng lực, tư tưởng, và hành vi ứng đối nên có trong đời. Đó là quá trình kiến tạo to lớn và lâu dài về tinh thần và ý niệm của những bậc tinh anh trong lịch sử, hoàn toàn không phải là điều chỉ trong một sớm một chiều hay một kiếp một đời là có thể tạo nên.

Sáng Thế Chủ thông qua năm tháng lâu dài tuế nguyệt ấy đã cho con người vốn mang hình tượng của Thần Phật nhưng không có tư tưởng và năng lực của Thần Phật, từng chút từng chút một bồi dưỡng nên các loại nội hàm tư tưởng, các loại năng lực và hành vi, bao gồm cả điều mà nhân loại gọi là “hiện tượng tự nhiên” như gió, tuyết, mưa, sấm, sét. Rất nhiều điều nhân loại cần có như tư tưởng, tình cảm, văn hóa, hay đạo lý tu luyện... đều là thông qua một hoặc nhiều triều đại với biết bao chúng sinh đã tham dự vào mà hoàn thành nên.

Thời đại Tam Quốc sắp bước dài hơn trăm năm, đã có biết bao sinh mệnh đến nhân gian kết duyên, ví như Tào Tháo, Gia Cát Lượng, Chu Du, Lưu Bị cho đến Tôn Quyền. Năm anh hùng thiên cổ này đã dẫn dắt chúng sinh của họ mà biểu diễn và giải thích nội hàm

của “Nghĩa”, vì hậu thế mà lưu lại câu chuyện thiên cổ truyền kỳ khắc cốt ghi tâm.

Họ cũng để lại cho người đời sau hiểu rõ thế nào là “Nghĩa”, ví như thuận thiên trị quốc, quân thần dũng cảm, anh hùng kết bái, trọng nghĩa khinh lợi, xả thân vì nghĩa, “cử nghĩa binh, hưng nghĩa sư” (phát động binh quyền, giơ cao ngọn cờ chính nghĩa)... Mỗi một câu chuyện về chữ Nghĩa xúc động lòng người ấy đều được khắc sâu trong tư tưởng hậu thế. Hễ nhắc đến nghĩa, người ta liền lập tức nhớ đến chữ Nghĩa trong thời đại Tam Quốc này.

Ngụy Vũ Đại Đế Tào Tháo là ngôi sao đế vương mang theo điềm lành, là chân nhân hạ thế, “bát loạn trị thế” (đẹp loạn lạc đem đến thái bình), thuận theo ý Trời mà diễn “Nghĩa”.

Tào Tháo khí chất hùng hồn, lòng thần nhiên với tao loạn của thế gian. Ông từng nói: “Thiết sử quốc gia vô hữu cô, bất tri đương kỷ nhân xưng đế, kỷ nhân xưng vương”, ý nói: “Nếu như quốc gia không có ta, không biết đã có mấy người xưng đế, mấy người xưng vương rồi!” (Trích sách “Nhuộng huyền tự minh bản chí lệnh” – Tào Tháo, còn gọi là “Thuật Chí Lệnh”).

Tào Tháo một tay hoạch định chiến lược, chế ngự binh quyền, ưu lo cho nguy bại của quốc gia, thương xót cho khổ nguy của bách tính, lĩnh nghĩa quân, chém phản nghịch, binh chinh thiên hạ, vương giả trị quốc khiến đất trời rung chuyển, hiển lộ oai phong của bậc anh hùng có khả năng an trị thời loạn thế. Tào Tháo ngày bàn bạc sách lược quân sự, đêm luận kinh thư, tài năng thiên phú, nghĩa tựa trời xanh, triển hiện hào khí rực sáng chấn động cổ kim.

Ông biết rõ Trời giúp nhà Hán nhưng vẫn bình thản định thiên hạ, lấy việc nhỏ thành đại sự mà răn mình, noi theo cổ nhân thà chết mà giữ nghĩa. Cứu tế thương sinh, sửa sang chính quyền nhà Hán, chế áp cường hào, hưng thôn điền, tu sửa thủy lợi, minh bạch phép tắc, xem trọng lễ tiết, cần kiệm, lại tận lực bảo hộ Hán triều được duy trì thêm mấy thập kỷ.

Tào Tháo thuận thiên diễn “Nghĩa”, công đức lưu mãi tận nghìn thu, không màng đến danh tiếng bản thân. Ông được người đời sau bình phẩm là anh hùng khí khái, về thư pháp thì nét bút cứng cáp, mạnh mẽ. “Chữ khắc nơi nào cần nặng tự khắc nặng, nơi nào cần nét dày tự khắc dày, các nơi đều không ảnh hưởng nhau, mà đều không thể giả mạo được, vậy nên gọi là anh hùng chân chính”.

Tào Tháo lấy lời anh hùng, khẩu khí vô cùng anh dũng: “Rồng có thể biến lớn biến nhỏ, có thể lên cao, có thể ẩn xuống thấp. Khi biến lớn thì hưng mây gọi mưa, lúc biến nhỏ lại tự ẩn giới tàng hình. Nổi lên cao tự bay vượt giữa trời đất, ẩn xuống thấp tự nép mình vào trong sóng nhỏ. Tự biết rõ sự biến hóa của khí trời xuân vượng, long thời, mà như người đắc chí tung hoành tứ hải. Rồng tuy là động vật, nhưng có thể so với anh hùng cái thế. Được xưng tụng là anh hùng, lòng hoài chí lớn, bụng đầy diệu kế, chứa đựng sự cơ trí của vũ trụ, tự thông suốt ý chí của trời đất vậy”.

Tào Tháo cũng cấm tuyệt cúng tế bừa bãi và thói dâm ô trong quan dân, diệt trừ loạn quỷ linh thể thấp, dẹp tan Hoàng Cân (Khăn Vàng), đề bạt Thiên Sư (đạo trưởng), trợ giúp Đạo giáo, thúc đẩy Đạo giáo phát triển hưng khởi, đề cao đạo đức và nếp sống của thể nhân.

Tào Tháo thống lĩnh ngự quân, chinh chiến sa trường, cầm trường mâu ngăm thơ, thành văn. Tuy là người đời sau bêu xấu điều này, nhưng không thể không tán thưởng ông là một thần tử có tài năng trị quốc, là nhà quân sự hiếm có, nhà văn học lớn trong lịch sử Trung Hoa cổ đại.

Nền tảng văn chương của Tào Tháo biểu hiện trong tính tình trầm bổng bi thương, độc nhất mà siêu việt, thâm trầm mà hào sảng, anh tuấn mà sảng khoái, khai sáng nên phong cốt Kiến An. Văn chương của ông toát ra cái khí chất đại khí hùng quân, dung nạp vũ trụ, thiên cổ truyền ca, thực là thi sĩ chân chính trong lịch sử vậy!

Tào Tháo còn viết nên nhiều sách võ học lớn như “Mạnh Đức tân thư”, “Tôn Tử lược giải”... lại đem tinh túy dụng binh lưu lại cho thế nhân. Trong đó đạo lý binh pháp lưu lại sau này được các binh gia trong các triều đại lịch sử tán thưởng khen ngợi không ngừng.

Trong lịch sử nhân loại có rất nhiều kinh sách chính sử, dã sử, truyền thuyết dân gian, văn học nghệ thuật, những gì gọi là trung - gian, thiện - ác nhân đó mà được lưu truyền thiên cổ. Tuy nhiên không phải tất cả những truyền thuyết này đều chuẩn xác. Rất nhiều điều lưu truyền trong lịch sử như các luận thuật, nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử cũng không nhất định là chính xác.

Những tiểu thuyết, hý kịch vì để lưu truyền rộng rãi đã trải qua sự thay đổi về nội dung, xử lý về nghệ thuật, do đó cần người đọc cẩn trọng lựa chọn mà đánh giá, quy kết. Hơn ngàn năm trước trở lại đây, có rất nhiều tiểu thuyết, hý kịch đều là theo cùng một khuôn mẫu, đem Ngụy Vũ Đế Tào Tháo mô tả thành nhân vật phản

diện, gian hùng, ngang ngược...Từ sự an bài của Sáng Thế Chủ trên phạm vi xã hội, trong lịch sử rộng lớn cho đến nội hàm thâm sâu, loạt bài viết này mong mỗi phần nào làm minh bạch lại lịch sử, tái hiện chân thực hình ảnh anh hùng thiên cổ Ngụy Vũ Đại Đế Tào Tháo.

Chương 1: Kế thừa dự ngôn, minh chủ xuất hiện

Năm 221 TCN, “thiên cổ nhất đế” Tần Thủy Hoàng san bằng sáu nước, thống nhất Trung Nguyên, kiến lập nên hoàng triều chính thống đầu tiên – Đại Tần. Nhưng chỉ 15 năm ngắn ngủi sau đó, nhà Tần mau chóng sụp đổ, huy hoàng mười mấy năm bỗng chốc vùi lấp dưới tro tàn.

Phong vân lại nổi lên, chiến hỏa một lần nữa cháy đỏ rục trời, mở ra thời đại mới. Hán – Sở giao tranh, quần hùng đồng khởi, cuối cùng Hàn Tín phò tá Lưu Bang đánh bại Tây Sở Bá vương Hạng Vũ mà khép lại bức màn sân khấu, mở ra cơ nghiệp hơn 400 năm cho nhà Hán. Những gì còn lại của Hạng Vũ bại vong đều chuyển hết cho Hàn Bang, nay thuộc đất nước Hàn khi xưa.

“Hậu Hán thư – Đông Di liệt truyện – Thần Hàn” và *“Tam Quốc Chí”* có ghi chép: *“Thần Hàn... kỳ ngữ ngôn bất dữ Mã Hàn đồng... hữu tự Tần nhân, phi đán Yên Tề chi danh vật dã”*, nghĩa là: Người nước Hàn của Thần Hàn tuy là người của nước Tần, nhưng không phải là người nước Yên hoặc nước Tề vùng duyên hải biển Bột Hải, bởi vì ngôn ngữ người ấy sử dụng không phải của vùng nước Tề, nước Yên. Các nhà nghiên cứu nhân loại học cận đại đã phát hiện: Nhân chủng của dân tộc Hàn và vùng duyên hải đông nam Trung Quốc – Chiết Giang (nước Sở) khá giống nhau. Hiện nay, rất nhiều thành thị của Hàn Quốc ở các vị trí quanh vùng sông

Hán Hàn Quốc và các thành thị ở quanh sông Hán của thời đại nước Sở là cùng một vùng. Ví dụ, các vùng Đan Dương, Tương Dương, Hán Dương (nay là Seoul), hồ Động Đình và thượng nguồn của sông mẹ Hàn Quốc với sông Hán, sông mẹ của nước Sở năm đó có cùng một tên gọi – Thái Bạch Sơn.

Hoàng đế của triều đại mới là Lưu Bang cùng Lữ Hậu mưu tính hại Hàn Tín, cùng Vị Ương tắm máu anh hùng, để lại một nỗi oan thiên cổ. Sau đó, Hán Vũ Đế nắm trong tay thiên hạ mà kế tục uy vũ của Tần Thủy Hoàng, khai mở triều cương, mở rộng lãnh thổ, nam chinh bắc chiến, uy vũ hùng phong, thống nhất Tây Vực. Đó cũng là đỉnh cao của nhà Hán.

1. Kế thừa dự ngôn, minh chủ xuất hiện

Năm 106 TCN, vào niên hiệu Nguyên Phong năm thứ 5, Hán Vũ Đế viết bài “Thu Phong từ” nói rằng: “Con cháu tông thất, ai có thể ứng với điều này: Trong sáu bảy bốn mươi hai đời sau, thay thế nhà Hán trở thành đường cao?”.

Trong sách “*Thái bình ngự lãm*”, quyển 88 “Hoàng Vương”, bộ 13 “Sấm Xuân Thu” có câu: “*Đại hán giả, đương đồ cao dã*” (thay thế nhà Hán là chỗ cao ở trên đường). Đến thời mạt triều Đông Hán, danh sĩ Chu Thụ đến từ vùng Ba Tây, Lãng Trung, đã nghiên cứu lời sấm truyền này. Lúc đó có người hỏi: “Sấm Xuân Thu viết có người thay thế triều Hán là chỗ cao ở trên đường, nghĩa là gì?”. Chu Thụ trả lời: “Chỗ cao ở trên đường chính là Ngụy vậy”. Kiến An năm thứ 18 (năm 213), Tào Tháo được tấn phong làm Ngụy công, sau lại thăng làm Ngụy

vương. Kiến An năm thứ 25 (năm 220), Ngụy vương băng hà, Thế tử Tào Phi lên nối ngôi. Tháng 10 năm 220, Tào Phi ép Hán Hiến Đế nhường ngôi, xưng làm Ngụy đế, lại truy phong cho cha mình là Tào Tháo làm Ngụy Võ Đế. Những sự kiện ấy hoàn toàn ứng nghiệm với các câu sấm truyền “*Đại Hán giả đương đồ cao dã*”, “*đương đồ cao dã, Ngụy dã*”.

Nhưng chưa hết, trước đó vào thời Hán Hoàn Đế, trên trời có ngôi sao Hoàng Tinh (sao Đế Vương) chiếu xuống vùng đất giữa biên giới nước Sở và Tống. Liêu Đông Ân Qùy viết: “Năm mươi năm sau sẽ có vị chân nhân nổi lên giữa vùng Tiều, Phái, khí thế mạnh mẽ không gì cản nổi”. “*Tống thư*” quyển 27 chép rằng: Sau này, khi Tào Tháo đánh bại Viên Thiệu, phạm là trong vòng năm mươi năm thiên hạ thực sự không có kẻ địch.

Năm 176, dưới thời Hán Linh Đế, năm Hi Bình thứ 5, sao Hoàng Long xuất hiện tại huyện Tiều, đại phu quang lộc Kiêu Huyền hỏi Thái sử lệnh Đan Dương: “Điềm này là cát tường ư?”. Đan Dương trả lời: “Ở nơi ấy sẽ có vị vương giả chấn hưng đất nước. Không đến 50 năm sau là lúc rồng phục sinh lần nữa, những sự việc này của thiên tượng là vĩnh hằng không đổi, đây chính là điềm báo” – (Trích từ “*Mật Ký*” – bản ghi chép bí mật của Ân Đãng, người quận Ngụy).

Đến năm Kiến An thứ 25 (năm 220) Hoàng Long lại xuất hiện. Tào Thực sáng tác bài “*Long kiến biểu*”, viết rằng: “Thần nghe nói rằng phượng hoàng xuất hiện trở lại ở Nghiệp Nam và đôi Hoàng Long xuất hiện ở Thanh Tuyền. Thánh đức chí lý. Phượng hoàng sống trong rừng và rồng sống trong ao hồ là những gì người

bình thường có thể quan sát được.” (“*Tào Tử kiến tập*” do Tào Thực viết, Tổng biên tập).

Năm 196, Kiến An năm đầu tiên, Thái sử lệnh thị trung Vương Lập quan sát thiên tượng mà biết việc hưng suy, nói rằng: “Trước đây sao Thái Bạch đóng ở Thiên Quan, gặp sao Huỳnh Hoạch. Kim, Hoả giao nhau, tượng trời ất đổi. Vận Hán cáo chung rồi, đất Tấn, Ngụy tất có người nổi lên vậy”. Bùi Tùng Chi trong “*Tam Quốc Chí*” viết: Vương Lập sau này nói với Hoàng đế rằng: “Mệnh trời lúc đến lúc đi, ngũ hành không thịnh mãi, thay hành Hoả là hành Thổ, kế thừa vận Hán là nhà Ngụy vậy, người có thể yên thiên hạ chính là họ Tào vậy”.

Tháng Hai năm Trinh Quán thứ 19 (năm 645), Đường Thái Tông Lý Thế Dân thảo phạt Cao Ly, ông đã đi qua vùng An Dương và đích thân viết một bài văn tế để tỏ lòng thành kính với Ngụy Vũ Đế: “Vũ Đế đã lấy cái thế hùng vũ trong thời thế gian nan, là bậc rường cột vững chãi, tạo lập thời cơ, có công khuông phù chính nghĩa, xưa nay hiếm thấy”, “Chẳng bao lâu triều đại nhà Hán chia thành Tam Quốc. Sự khởi đầu xuất hiện của Hoàng Tinh cho thấy đây là mệnh của hoàng đế, chân nhân tái xuất, cũng là Thiên ý sắp đặt để con người hành theo”. (Trích trong “*Toàn Đường văn*”, quyển 10 – Văn tế của Đường Thái Tông tế Ngụy Thái Tổ Vũ Hoàng Đế).

Thiên triều Đại Hán trải qua hơn 300 năm, đặt định nền tảng căn bản, truyền rộng ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa “nội Đạo ngoại Nho”, “thiên nhân hợp nhất” ra bên ngoài. Sáng Thế Chủ đã an bài hoàn thành sứ mệnh, vở kịch lớn sắp sửa hạ màn, nhà Hán giờ như nổ mạnh hết đà, cực thịnh rồi suy, triều chính không thể



Chân dung Tào Tháo (Ảnh: Epoch Times)

chấn chỉnh, mối họa hoạn quan, quyền thần làm loạn, thiên tai nhân họa, dân chúng lầm than. Đến đây, thiên triều nhà Hán khí số đã tận rồi.

Lúc này, Thiên ý an bài xuất hiện một vị anh hùng cái thế chuyển sinh đến thế gian, người ấy mang sứ mệnh lớn, tiếp tục thành tựu nên đại nghiệp. Tào Tháo, tự Mạnh Đức, là người nước Bái huyện Tiêu (hiện nay là đất Bạc, tỉnh An Huy, Trung Quốc), sinh năm 155 trong một gia đình hoạn quan, cận thần hiền hách vào những năm cuối thời Đông Hán. Tổ phụ Tào Đằng lúc còn trẻ làm Hoàng Môn thị lang, vào thời Hán Thuận Đế thì được thăng lên chức Đại trường thu, vốn là chức vị hoạn quan lớn nhất trong hậu cung. Thuận Đế băng hà, Xung Đế, Chất Đế tại vị đều không đến một năm, Tào Đằng thuyết phục Lương Ký nghênh đón Lưu Chí đang sống bên ngoài lập làm Hoàn Đế, nhờ vậy ông được phong làm Phí Đình Hầu. Tào Tung được Tào

Đặng nhận làm con nuôi, ban đầu làm Tư lệ hiệu úy, lại được đề bạt làm Đại tư nông, Đại hồng lư, về sau làm quan tới Thái úy.

Tào Tháo là con trai trưởng của Tào Tung, thời niên thiếu vô cùng lanh lợi, thích hành hiệp trượng nghĩa, tinh thông cưỡi ngựa, bắn cung, kết làm bằng hữu với Viên Thiệu, Trương Mạc... Thuở thiếu niên ông đã từng hành thích kẻ ác, nhưng việc không thành. Lớn lên ông am hiểu kinh sách, yêu thích binh pháp, sau đó còn chú thích 13 quyển binh thư của Tôn Vũ, lấy tên là “Năng minh cổ học” (có thể thông hiểu tri thức xưa).

Khi Tào Tháo 12 tuổi, Trưởng sử Hà Ngung nói: “Nhà Hán sắp diệt vong, người có thể an định thiên hạ ắt hẳn là vị này”. Thái úy Kiêu Huyền nổi tiếng là biết nhìn người, rất nhiều người khi ấy đều đến bái yết ông để được chỉ giáo. Năm Tào Tháo 15 tuổi, Kiêu Huyền nói với ông rằng: “Hiện nay thiên hạ sắp loạn, chỉ có cậu với tài năng xuất thế mang theo thiên mệnh mới có thể cứu vãn được. Có thể bình định thiên hạ, e rằng chỉ có cậu. Ta già rồi, xin đem vợ con phó thác lại cho cậu”. Kiêu Huyền sau đó đem vợ con, thân nhân của mình giao phó cho Tào Tháo. Thanh danh Tào Tháo ngày càng nổi hơn. Con trai của Tư lệ hiệu úy Lý Ưng, Đông Bình tướng Lý Toản trước khi lâm chung cũng nói: “Thời cuộc sắp xảy ra chiến loạn, anh hùng trong thiên hạ không ai vượt qua Tào Tháo”.

Triều đình từng phong Tào Tháo làm Đông Quận thái thú. Tuy nhiên khi ấy quyền thần chuyên quyền, triều chính đảo lộn, hoàng tộc buông thả, phóng túng. Tào Tháo xét rằng không thể nhìn sắc mặt người khác mà hành xử, lại càng không thể vứt bỏ nguyên tắc bản

thân để lấy lòng người. Ông mấy lần làm trái lệnh triều đình, lo sợ bị giá họa, bèn không tiếp nhận chức Thái thú, chỉ lui về làm Túc vệ. Về sau, Tào Tháo được phong làm Nghị Lang, song vẫn thường lấy lý do bệnh tật mà thoái thác. Chẳng bao lâu, ông cáo biệt về quê, xây nhà bên ngoài thành. Mùa xuân, mùa hạ luyện tập võ nghệ, đọc kinh thư. Mùa thu, mùa đông đi săn bắn, lấy những việc ấy làm vui, thực giống như rồng ẩn náu bên trong sóng cả nhưng vẫn nuôi chí lớn vậy.

Trong thời gian này, Tào Tháo sáng tác hai bài thơ bày tỏ lý tưởng kinh bang tế thế của mình. Trong đó, bài “Độ Quan Sơn” ngôn từ thẳng thắn, xem trọng nhân tài, coi con người là trân quý nhất giữa trời đất, lại đưa ra kiến giải hết sức mới mẻ: Vua chúa, quân chủ được lập nên là để phục vụ cho nhân dân, vì nhân dân. Ông cũng bày tỏ lòng ngưỡng mộ tới các vị minh quân cổ đại như Nghiêu, Thuấn, Vũ, không muốn làm dân lao碌, khổ sở vì các cuộc chiến chinh, muốn giảm bớt hình phạt, cắt giảm thuế, xem trọng việc tiết kiệm.

Dưới đây là hai bài “Độ Quan Sơn” và “Đối tửu”:

Độ Quan Sơn

*Thiên địa gian, nhân vi quý
Lập quân mục dân, vi chi quỹ tắc
Xa triệt mã tích, kinh vĩ tứ cực
Truất trác u minh, lê thứ phần tứ
Ư thước hiền thánh, tổng thống bang vực
Phong kiến ngũ tước, tỉnh điền hình ngục
Hữu phiên đan thư, vô phổ xá thực*

*Hiêu đào phủ hầu, hà hữu thất chức
Ta tai hậu thế, cải chế dịch luật
Lao dân vi quân, dịch phú kỳ lực
Thuấn tất thực khí, bần giả thập quốc
Bất cập Đường Nghiêu, thái chuyên bất chước
Thế thán Bá Di, dục dĩ lệ tục
Xỉ ác chi đại, kiệm vi cộng đức
Hứa Do Thôi Nhượng, khả hữu tụng khúc
Kiêm ái thương đồng, sơ giả vi thích.*

Diễn nghĩa:

Vượt qua Quan Sơn

*Vạn vật sinh ra trong trời đất, con người là quý giá không gì so sánh được.
Thiết lập quân chủ để quản lý bách tính, trở thành quy tắc quy củ chính thường cho xã hội.
Quy chuẩn giao thông xe cộ, mở mang quốc thổ đi khắp mọi nơi.
Quyết định tài vận tốt hay xấu, nắm được vượng khí của con người.
Ca ngợi các bậc hiền triết và các bậc quân vương cai quản đất nước.
Phân phong chức tước cho các chư hầu, xây dựng chế độ “tình điền” ban hành luật pháp.
Đốt bỏ sách vở ghi chép để xóa bỏ hình phạt, và không truy cứu các tiền án tiền sự.
Cao Đào thời vua Thuấn, Phủ Hầu thời nhà Chu, làm quản ngục sai ở chỗ nào?
Thật đáng tiếc khi hậu thế đã thay đổi tất cả các hệ*

thống và phương pháp.

Thúc đẩy dân chúng ra sức phục vụ hoàng đế, lao dịch khổ sở bắt dân chúng phải chịu.

Ngu Thuấn ra lệnh cho đồ dùng sơn mài, điều này làm dấy lên cuộc nổi dậy của các nước.

Không giống như sự tiết kiệm và đơn giản của Đường Nghiêu, sử dụng cây Tạc để làm xà nhà và không cần chạm trổ.

Khi người người ngưỡng mộ Bá Di và hy vọng sẽ cải thiện chính khí xã hội.

Xa xỉ là tội ác lớn nhất, và đức tính tiết kiệm là điều không thể mong mỏi.

Hứa Do từ chối thụ nhận thiên hạ, lẽ nào cần làm ra đạo lý?

Chỉ cần thực hành bác ái và sự hòa hợp, thì dù xa lạ đến đâu cũng sẽ hòa mục và thân thiết.

Bài thứ hai là “Đối tửu”, ý tứ trong thơ vẽ nên một bức tranh thời thái bình đẹp đẽ. Đó là một xã hội lý tưởng mà Tào Tháo theo đuổi: Bậc vua chúa hiền minh, bề tôi trung lương, nhân dân có lễ nghĩa, lương thực sung túc, hình pháp nghiêm minh, mưa thuận gió hoà, nhà tù bỏ không, ân huệ thấm nhuần khắp nơi, người người hưởng phúc thọ dài lâu.

Đối tửu

Đối tửu ca, thái bình thời, lại bất hô môn

*Vương giả hiền thả minh, Tể tướng cổ quảng giai
trung lương*

Hàm lễ nhượng, dân vô sở tranh tụng

*Tam niên canh hữu cứu niên trữ, thương cốc mẫn
doanh*

Ban bạch bất phụ đới

Vũ trạch như thử, bách cốc dụng thành

Khước tẩu mã, dĩ phần kỳ thổ điền

*Tước Công Hầu Bá Tử Nam, hàm ái kỳ dân, dĩ truất
trắc u minh*

Tử dưỡng hữu nhược phụ dữ huynh

Phạm lễ pháp, khinh trọng tùy kỳ hình

Lộ vô thập di chi tư

Linh ngữ không hư, đông tiết bất đoạn

Nhân hào điệt, giai đắc dĩ thọ chung

Ân trạch quảng cập thảo mộc côn trùng.

Diễn nghĩa:

Hát về rượu

*Hát về rượu, khi thiên hạ thái bình, quan lại sẽ
không đến trước cửa nhà dân mà lớn tiếng đòi địa
tô, thuế má.*

*Vua tài đức, sáng suốt, tế tướng và các quan phụ tá
đều là bậc lương trung.*

*Mọi người đều lễ phép và nhường nhịn lẫn nhau,
giữa người với người sẽ không có tranh chấp kiện
tụng.*

*Ba năm trồng trọt có thể tích trữ lương thực chín
năm; chín năm tiết kiệm, thóc lúa có thể trữ đầy
vựa, đó là biểu hiện cho dân giàu nước mạnh.*

*Người già cả tóc bạc không cần xách vác đồ nặng,
mưa thuận gió hòa nên mùa màng bội thu.*

Chiến mã không cần ra chiến trường nữa, mà ra đồng vận chuyển phân bón.

Những người được phong Tước, Công, Hầu, Bá... có thể quý trọng người của mình, trừ bỏ tà ma, ban thưởng và tuyển chọn những người tài đức.

Các chư hầu và quan lại đều yêu quý dân chúng như cha và anh em.

Nếu ai đó vi phạm lễ nghi và luật pháp, thì hình phạt được xác định tùy theo mức độ nghiêm trọng của tội phạm.

Bằng cách này không có hành vi trộm cắp hay nhặt của rơi, nhà tù sẽ trống không, không cần xử tử tù khi mùa đông đến.

Con người có thể sống lâu trường thọ, đức độ của bậc quân vương là vô biên, có thể lan khắp các loài cây cỏ và côn trùng.

Tào Tháo một mình gánh vác làm chính trị trong thời đại loạn, chinh đốn ngay chính lại thói đời. Năm 177, tức Hi Bình năm thứ ba, Tào Tháo 20 tuổi, được đề cử làm Hiếu liêm, phong làm Bộ úy ở bắc Lạc Dương. “Tào Man truyện” chép rằng Tào Tháo khi mới nhậm chức đã cho sửa sang nha huyện, làm roi ngũ sắc, treo ngoài cửa chùeng hơn mười cây. Ai dám phạm vào cấm lệnh, bất kể là cường hào, đều dùng gậy đánh đến chết không tha. Kiến Thạc là hoạn quan được Linh Đế cung chiều, có người chú phạm lệnh cấm, giữa đêm đi lại ngoài đường. Tào Tháo hạ lệnh lập tức xử tử. Kinh sư chấn động, không còn người nào dám tái phạm, danh tiếng họ Tào vang xa.

Năm 185, tức năm Trung Bình thứ hai, Tào Tháo được phong làm Tế Nam tướng quốc (ngày nay là khu vực Sơn Đông). Xứ này có khoảng hơn mười huyện. Trưởng sử trong huyện đều dựa dẫm vào giới quyền quý, tham ô hối lộ, xem thường luật pháp. Trước đó, nhiều tướng đến nhậm chức nhưng đều bỏ ngoài tai không tra hỏi. Duy chỉ có Tào Tháo vừa cầm quyền liền như sấm lôi gió giật, tức thì khởi tấu triều đình, xin cách chức tám vị Trưởng sử, lại cấm tuyệt việc tế lễ nhằm nhí. Cả vùng Tế Nam chấn động, tham quan ô lại rối rít chạy trốn sang các quận khác.

Chính tà phân minh, ở Tế Nam khi ấy rất thịnh hành những chuyện thờ cúng các loại ô uế, loạn bát nháo. Trước đó Thành Dương Cảnh vương là Lưu Chương vì có công lao nên được vua cho lập đền thờ. Ở Tế Nam khi ấy có tới hơn 600 đền miếu thờ. Các thứ ô uế xuất hiện tràn lan trong miếu đền, tà linh phụ thể chiếm cứ các loại tượng thần bằng đất, gây hoạ loạn thế gian. Tào Tháo vừa đến liền cho đập huỷ tượng thần đã bị ô uế trong miếu, phá hết các đền thờ loạn bậy, trừ bỏ các loại cúng tế và hành vi gây loạn đi ngược lại với chính đạo trong dân chúng, tiêu huỷ các loại tà linh loạn quỷ. Chính giáo lại hưng thịnh, cả quận lại được thanh bình.

Khi còn rất trẻ tuổi, trong buổi mới nhập quan trường Tào Tháo đã có được phong độ và khí chất mạnh mẽ, dũng cảm, quả quyết của bậc vương giả trị thế. Sau đó khi nắm giữ chức Thừa tướng triều Hán, Tào Tháo lại diệt trừ hết những loại thờ cúng ô uế dâm tục.

2. *Giương cờ nghĩa, diệt bạo loạn, phò ấu chúa*

Năm thứ 6 Trung Bình (tức năm 189), Hán Linh Đế băng hà. Hoàng tử Lưu Biện mới 14 tuổi lên ngôi, tức là Hán Thiếu Đế, tôn mẫu thân Hà hoàng hậu làm Hoàng Thái hậu. Hà Thái hậu lâm triều nhiếp chính, phong Viên Ngỗi làm thái phó và Hà Tiến (anh trai mình) làm Tham lục Thượng thư. Hà Tiến và Viên Thiệu lập mưu tận diệt hoạn quan, trừ bỏ mối họa hậu cung nhưng Thái hậu không nghe. Bè đảng của Thiệu lại đưa kế chiêu mộ anh hùng khắp bốn phương dẫn binh tiến về kinh thành để uy hiếp Thái hậu. Hà Tiến cũng nhắm mắt mà ủng hộ kế sách này.

Tào Tháo nghe vậy liền bật cười, nói: *“Cái họa hoạn quan xưa nay đều có, chỉ là Chúa thượng sủng ái chúng nên mới đến nông nỗi này. Nếu như muốn trừng trị thì giết ngay kẻ cầm đầu là được, chỉ cần dùng một viên cai ngục là đủ, hà tất phải triệu mời tướng ở ngoài về. Nếu muốn một mẻ bắt sạch, khó tránh khỏi rút dây động rừng, việc tất bại lộ. Ta thấy việc này trước sau gì cũng sẽ thất bại”*. (Tư trị thông giám, quyển 59)

Hà Tiến triệu Đồng Trác về kinh. Trác chưa vào đến nơi thì Hà Tiến đã bị bè lũ hoạn quan Trương Nhượng giết rồi. Khi Trác đến, phế Thiếu Đế xuống làm Hoàng Nông Vương mà lập Trần Lưu Vương Lưu Hiệp lên làm Hán Hiến Đế. Kinh đô đại loạn, Thái hậu khóc nghẹn, quần thần đau xót không dám nói nửa câu. Sau đó, Đồng Trác âm thầm cho người hạ sát Thái hậu và Thiếu Đế. Năm thứ 6 Trung Bình (năm 189), tháng 11, Đồng Trác lên làm Tướng quốc, gặp vua không cần bẩm báo

tên họ, vào triều không cần phải quỳ, được phép mang kiếm lên thượng điện, thay vua phê duyệt triều chính.

Đổng Trác phong Tào Tháo làm Kiêu kỵ Hiệu úy. Tào Tháo đoán rằng Đổng Trác cuối cùng cũng sẽ bại vong nên không theo Trác, thay đổi tên họ chạy trốn khỏi Lạc Dương. Đổng Trác liền phái quân truy đuổi, thông báo truy nã. Khi Tào Tháo đi qua huyện Trung Mâu (tỉnh Hà Nam ngày nay) thì bị một viên đình trưởng bắt giữ. Sau có người ngầm biết công lao to lớn của Tào Tháo nên đã mở lời với huyện lệnh xin phóng thích ông.

Tào Tháo đi về Trần Lưu (thuộc Diễn Châu ngày nay), dốc hết gia tài, tập hợp nghĩa binh, thảo phạt Đổng Trác. Tào Tháo dựng cờ chiêu binh, trên đó có ghi hai chữ “Trung nghĩa”, tập hợp được năm nghìn nhân mã. Nhạc Tiến, Lý Điển, anh em Hạ Hầu Đôn, Hạ Hầu Uyên, anh em Tào Hồng, Tào Nhân cũng đầu quân theo, về sau đều là đại tướng dưới trướng Tào Tháo.

Sơ Bình, năm 190, tháng Giêng mùa xuân, các châu quận Quan Đông cũng ồ ạt khởi binh thảo phạt Đổng Trác, hưởng ứng cùng quân Tào, gồm có Hậu tướng quân Viên Thuật, Ký Châu mục Hàn Phức, Thứ sử Dự Châu Khổng Trụ, Thứ sử Duyện Châu Lưu Đại, Thái thú Hà Nội Vương Khuông, Thái thú Bột Hải Viên Thiệu, Thái thú Trần Lưu Trương Mạc, Thái thú Đông Quận Kiêu Mạo, Thái thú Sơn Dương Viên Di, Tế Bắc tướng Bào Tín. Quân mã tập hợp lại có đến mấy vạn người, suy tôn Viên Thiệu làm minh chủ, Tào Tháo làm Phấn Vũ tướng quân. Chúng hào kiệt một lòng về với Viên Thiệu, quyết tru diệt Đổng Trác. Duy chỉ có Tế Bắc tướng Bào Tín cho rằng Tào Tháo mới là người xuất

chúng, có khả năng dẹp được đại loạn. “Kẻ có trí lược chẳng kể xuất thân, người có thể thu gom kẻ anh hùng để dẹp trừ họa loạn quay về chính đạo, là ngài vậy. Nếu chẳng phải là người được như thế, dẫu có cường mạnh tất cũng thất bại. Ngài chỉ nên đợi thời mà hành động!”.

Tháng hai năm ấy, Đổng Trác thấy quân liên minh thế lực quá mạnh, bèn dời Thiên tử về đóng đô tại Trường An. Trách đóng quân ở thành Lạc Dương, rồi thiêu rụi cung thất. Bấy giờ, Viên Thiệu vì e sợ quân Đổng Trác còn mạnh nên không dám truy kích. Tào Tháo khuyên rằng: “Ta cất nghĩa binh để đánh kẻ bạo loạn, đại quân đã đủ, các ngài còn chờ gì nữa? Tuy nhiên các tướng lĩnh đều không nghe theo. Tào Tháo một mình dẫn quân Tây tiến, đến Huỳnh Dương, Biện Thủy thì đánh nhau với quân Đổng Trác. Giữa rừng tên bắn, ngựa của Tào Tháo bị thương. Lúc đó Tào Hồng liền nhường ngựa của mình cho Tào Tháo. Tào Tháo kiên quyết không lấy, Hồng rằng: “Thiên hạ có thể không có Hồng, nhưng không thể không có ngài”.

Tào Tháo về đến Toan Tảo, nhìn thấy hơn 10 vạn liên quân đang ngày ngày vui vẻ rượu chè, không ôm chí tiến thủ. Ông lại một lần nữa hiến kế sách:

“Các ông hãy nghe kế của ta, để Bột Hải dẫn quân Hà Nội đến Mạnh Tân, các tướng ở Toan Tảo giữ Thành Cảo, chiếm Ngao Thương, ngăn Hoàn Viên, Thái Cốc, chặn hết chỗ hiểm yếu. Lại cho Viên tướng quân dẫn quân Nam Dương hành quân đến Đan, Tích, tiến vào Vũ Quan, khiến Tam Phụ chấn động. Ba quân đều giữ tường cao hào sâu, chớ giao chiến, làm nghi binh, tỏ rõ hình thế lớn trong thiên hạ, lấy lẽ thuận trừ nghịch tặc thì có thể bình định được vậy. Nay cất binh làm việc nghĩa,

lại ôm mối ngờ vực mà trì hoãn chẳng chịu tiến lên, làm thiên hạ thất vọng, trộm nhục thay cho các ông!”.

Nhưng cuối cùng kế sách vẹn toàn ấy của Tào Tháo lại bị gạt sang một bên. Các tướng vẫn còn sợ đánh với Đổng Trác nên không dám tiến công, ngược lại lại vì tranh giành lợi ích mà tàn sát lẫn nhau. Viên Thiệu bức ép Hàn Phúc nhường lại Ký Châu, và sau đó chiếm lĩnh luôn Ký Châu Mục.

Viên Thiệu, Hàn Phúc muốn lập U Châu mục của phương bắc là Lưu Ngu làm vua. Viên Thiệu tự mình đã khắc xong ngọc tủy của Hoàng đế, đem ngọc tủy ra khoe với Tào Tháo. Lúc ấy, thiên hạ đại loạn, dân chúng lầm than. Tào Tháo làm bài “Hao Lý hành” thuật rõ lại tình thế loạn lạc đó.

“Nghĩa sĩ ở Quan Đông dấy binh thảo phạt gian tà.
Buổi đầu hội quân ở Mạnh Tân mà lòng lại hướng về Hàm Dương.

Quân liên minh sức không đủ, chần chừ không hành động.

Quyền lợi khiến người người tranh đấu, giết hại lẫn nhau.

Em ở Hoài Nam tự xưng hiệu, anh ở phương bắc khắc ngọc tủy.

Giáp trụ sinh ra lũ chấy rận khiến muôn dân phải chết.

Xương trắng phơi đầy đồng, nghìn dặm không một tiếng gà kêu.

Trăm người còn sót một, nghĩ đến mà đau đứt ruột gan người.”

Nguyễn văn:

“Quan Đông hữu nghĩa sĩ, Hưng binh thảo quần hung.
Sơ kỳ hội Mạnh Tân, Nãi tâm tại Hàm Dương.
Quân hợp lực bất tề, Trù trừ nhi nhận hàng.
Thế lợi sử nhân tranh, Tụ hoàn tụ tương tường.
Hoài Nam đệ xưng hiệu, Khắc tử ư bắc phương.
Khải giáp sinh kỹ sắt, Vạn tính dĩ tử vong.
Bạch cốt lộ ư dã, Thiên lý vô kê minh.
Sinh dân bách di nhất, Niệm chi nhân đoạn trường.”

Tào Tháo chính là cắt tay dùng máu mà viết đầy lời “trung nghĩa” trên giấy, một lòng vì chúng dân thiên hạ mà mang lấy tâm bệnh vào thân. Ông càng đau lòng hơn khi chứng kiến các lộ chư hầu vì lợi ích mà tranh đoạt, tàn sát lẫn nhau, không màng đại nghĩa. Đương thời, Tào Tháo tuy không tụ hợp được quần thần nhưng vẫn một lòng trung, phò giúp ấu chúa. Tào Tháo bao lần can gián nhưng chẳng ai nghe, nghĩa quân tụ đánh mất cơ hội tốt. Ông thực sự thất vọng vô cùng, mắt nhìn “*Bách tính thương vong, trăm người sống sót một người*” mà đau như đứt ruột. Tào Tháo hiểu rõ các chư hầu chỉ biết mưu lợi cho bản thân, không thể hy vọng được nữa. Nhưng lực lượng của ông lại quá yếu mỏng, biết làm sao đây? Cuối cùng, đã quyết định “*Chư quân bắc diện, ngã tụ tây hướng*” (Các người hướng về U Châu, Lưu Ngu, phía bắc mà xưng thần, còn ta tụ đi về phía Tây để thảo phạt Đổng Trác). Phò chúa khôi phục quốc gia, cứu giúp dân chúng, một mình gánh vác đạo nghĩa, dù là ngàn vạn địch, Tào Tháo quả thực cũng không sợ vậy!

Sau đó ít lâu, Tư đồ Vương Doãn và Tư Lệ hiệu úy Hoàng Uyển bí mật lên kế hoạch tiêu diệt Đổng Trác, có Trung lang tướng Lã Bố làm nội ứng. Mùa hè tháng



Chân dung của Đổng Trác, Hình ảnh trong Tam quốc chí, lấy từ bản hiệu đính Nguyệt quang bách tống trai, mùa đông năm Canh dần niên hiệu Quang Tự triều Thanh (Ảnh: Miễn công cộng)

tư, Hiến để mở tiệc chiêu đãi quần thần ở điện Vị Ương. Trác mang triều phục rồi ngồi xe lên triều. Lã Bố phụng chiếu đem quân giết Đổng Trác, dân chúng hay tin ca múa hò hát trên khắp nẻo đường.

3. Phục hưng Đạo giáo, quân hùng quy về Họ Tào, thuận theo vận mệnh mà được hưng khởi

Thời Đông Hán năm thứ tư niên hiệu Kiến Sơ (tức năm 79 SCN), Hán Chương Đế triệu tập các tiến sĩ, Nho gia đến lầu Bạch Hổ bàn luận và nghiên cứu Ngũ Kinh và sai nhà sử học Ban Cố tổng hợp các ý kiến bàn luận lại thành cuốn “Bạch Hổ thông đức luận”. Việc tuyển chọn quan lại đều theo tiêu chuẩn Nho giáo khiến Nho giáo ngày càng hưng thịnh.

Đến những năm cuối triều Đông Hán, nhà Hán số mệnh đã tận, những kẻ hủ Nho trở nên bại hoại. Khi đó, Phật giáo Ấn Độ cũng bắt đầu truyền về phía đông, muốn kết duyên tại Trung Nguyên để lưu lại thời khắc lịch sử huy hoàng của văn hóa Thần truyền. Bấy giờ, Đạo gia vốn tu luyện theo phương thức đơn truyền dần bắt đầu hình thành nên Đạo giáo, đưa ra phổ truyền rộng rãi. Bối cảnh thiên tượng đó đã tạo ra sự cạnh tranh nhau suốt mấy trăm năm sau đó của hai trường phái Phật và Đạo.

Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế ra sức mở rộng phương pháp tu luyện dưỡng sinh của Đạo gia, các phương thức tu luyện đắc đạo thành tiên, phương sỹ, phương thuật được lưu truyền rộng rãi từ thời Tần đến Đông Hán, và sớm đã trở thành một bộ phận của Đạo giáo.

Lúc Đạo giáo hưng thịnh gồm có ba bộ phận là: Thiên sư đạo, Thái bình đạo và Phương thuật đều được truyền bá rộng rãi. Phụng thiên mệnh rằng: “Nhà Hán khí số đã tận, nhà họ Hoàng đang thành lập”. Thiên sư đạo, còn được gọi là Ngũ đầu mễ đạo, được thành lập bởi Trương Đạo Lăng thời Hán Thuận Đế nhà Hán. Trương Đạo Lăng, tự Phủ Hán, người Bái Quốc Phong Từ Châu, học rộng biết nhiều, thông thạo ngũ kinh, tinh thông kinh sử, là hậu duệ của Tập Lưu Hầu. Hán Hòa Đế lấy vàng bạc gấm vóc, dùng xe 4 ngựa kéo bái ông ấy là



Trương Đạo Lăng (Ảnh: Epoch Times)

Thiên Phó, nhưng ông không chấp nhận, sau một thời gian ngắn, ông cùng đệ tử sang đất Thục và tu luyện Đạo giáo ở núi Học Minh sơn. Thu nhận đồ đệ trên diện rộng, phàm là người nào gia nhập tu Đạo thì phải nộp 5 đấu gạo (mễ ngũ đấu), dùng bùa nước trị bệnh cho người, bắt đệ tử niệm “Đạo Đức Kinh” của Lão Tử.

Vào những năm vua Hán Linh Đế tại vị, tại huyện Cự Lộc, Dự Châu có người tên là Trương Giác sáng lập ra “Thái Bình đạo”, Thái bình đạo phụng sự “Hoàng lão đạo” cũng gọi là “Trung ương hoàng lão”, “Trung hoàng thái nhất”, lấy thiên đạo giáo hóa thiên hạ, tín đồ có tới 36 vạn người. Hoàng Lão không phải Hoàng đế là một danh xưng của Đạo gia về Lão tử. Thái hoàng đạo lấy “Trung hoàng thái nhất” làm thiên thần chí tôn để phụng thờ, phản đối chư thần dâm tục. Trương Giác tự xưng là Đại Hiền Lương Sư, nói rằng “*Trời xanh đã mất, trời vàng đang lập. Đến năm Giáp Tý, thiên hạ thái bình*”. Trung Bình nguyên niên (tức công nguyên năm 184), Trương Giác mượn danh nghĩa Thái bình đạo để khởi sự, dùng khăn vàng làm cờ xí, tự xưng là quân Khăn Vàng (Hoàng Cân). Trương Giác xưng là Thiên công tướng quân, em trai Trương Bảo là Địa công tướng quân, em út Trương Lương xưng là Nhân công tướng quân. Khắp cả 8 châu (gần cả nước lúc bấy giờ) cùng hưởng ứng, thanh thế cực lớn. Hán Linh Đế phải xuống chiếu ra lệnh cho các châu mục tự chiêu mộ binh lính để thảo phạt.

Lúc đó, hàng trăm vạn quân Hoàng Cân làm loạn từ Thanh Châu đến Duyện Châu. Thứ sử Duyện Châu Lưu Đại ra nghênh chiến với quân Hoàng cân nhưng thất bại, bị giết. Thế giặc rất mạnh. Mưu sĩ Trần Cung

hiến kế rằng Tào Tháo hãy tự lên làm Duyệt Châu mục. Tế Bắc tướng Bào Tín cũng muốn Tào Tháo nhận lãnh Duyệt Châu. Tào Tháo bèn cầm binh tiến đánh quân Hoàng Cân. Tào Tháo tuần sát khích lệ, thiết lập thưởng phạt rõ ràng, nhân cơ hội xây dựng quân đội, ngày đêm luyện tập, lại nhiều lần viết thư mở đường chiêu hàng quân giặc. Quân giặc thua chạy, tan vỡ cả. Tháng 12 năm 192, Tào Tháo dẫn hơn một vạn binh truy đánh quân Hoàng Cân đến Tế Bắc thì giặc liền đầu hàng. Tào Tháo nhân đó thu hàng được hơn 30 vạn quân, trai gái hơn trăm vạn người, càng tăng thêm nhuệ khí. Ông bèn thu lấy những người tinh nhuệ nhất thành lập đạo quân Thanh Châu nổi tiếng thiện chiến trong lịch sử.

Quân Thanh Châu của Hoàng Cân tác chiến dũng mãnh khác thường, binh lính rất điêu luyện, Tào Tháo chỉ có hơn vạn quân làm sao có thể thu phục được hơn 30 vạn quân giặc? Lý do chính là “Đạo”. Tín ngưỡng trước sau như một của quân Hoàng Cân là một trong những nguyên nhân chủ yếu để họ đầu hàng Tào Tháo. Quân Hoàng Cân viết thư cho Tào Tháo rằng: “Xưa ở Tế Nam ngài hủy hoại đàn tế, đó là cùng đúng theo kinh sách của chúng tôi. Đạo của chúng tôi giống đạo Trung Hoàng Thái ất, ngài đã biết rồi nhưng sao nay vẫn mơ hồ. Nhà Hán đã tận, trời vàng đang lập, đạo trời xoay vần, nếu không có Ngài thì không thể tồn tại được vậy”.

Vậy là quân Thanh Châu đầu hàng Tào Tháo chứ không đầu hàng nhà Hán, chỉ vì “đồng Đạo” mà giúp sức Tào Tháo. Sử chép rằng, sau khi Tào Tháo mất, *“Quân Thanh Châu tự ý đánh trống rút lui”, “Thái tổ (Tào Tháo) băng hà, quân Thanh Châu cho rằng thiên*

hạ đã loạn, cho nên cùng nhau thúc trống rời đi". (Tam quốc chí – Ngụy thư).

Sau khi thu hàng quân Hoàng Cân Thái bình đạo, Tào Tháo tiếp tục thu nạp luôn Thiên sư đạo “Ngũ Đẩu Mễ Đạo”, di dời dân Hán Trung về Trường An và Tam Phụ, để cho Thiên Sư đạo dời về phía bắc, rồi truyền rộng khắp nơi, cuối cùng truyền đến Giang Nam. Sau khi Tào Tháo làm Ngụy vương, đã chiêu mời phương sĩ khắp nơi về Nghiệp Thành. Ông nói: “Chỉ cần trên đời có phương sĩ, bản vương tất chiêu nạp hết. Khi đó Nghiệp Thành trở thành trung tâm văn hóa phương thuật. Nước Ngụy cả trên lẫn dưới đều theo phong tục mà học Đạo. Vì thế Đạo giáo ngày càng hưng thịnh và phát triển. “Ngũ Đẩu Mễ Đạo” Trương Lỗ luôn giữ tâm niệm “*Thà làm nô lệ cho Ngụy công*”, lấy cớ xí về với Tào doanh. Phương sĩ các nơi dùng rất nhiều hình thức để tề tựu tại Tào môn. Đạo giáo ra cáo thị công nhận Tào Tháo là: “*Hoàng đức tại Tào*”.

Sơ Bình năm thứ tư (tức năm 193 SCN), quân Tào tại Quyên Thành đại chiến với quân Viên Thuật. Viên Thuật tháo chạy về giữ huyện Phong Khâu. Tào Tháo truy đuổi, đại phá Thuật. Thuật trốn chạy đến Tương Ấp. Tào Tháo truy đuổi đến Thái Thọ, Thuật lại chạy về Ninh Lăng. Tào Tháo đuổi gấp không ngừng, Thuật chạy về Cửu Giang. Tào Tháo đắc thắng, cuối mùa hạ năm đó ông rút quân về Định Đào.

Cũng đầu năm đó, người huyện Hạ Phì là Khuyết Tuyên hội được mấy ngàn người, tự xưng là Thiên tử. Từ Châu mục Đào Khiêm và Khuyết Tuyên cùng nhau khởi binh chiếm lấy các huyện Hoa, Phí của quận Thái Sơn, đánh chiếm Nhiệm Thành. Mùa thu năm đó, Tào

Tháo xuất quân chinh phạt Đào Khiêm, hạ được hơn mười thành, Khiêm trốn trong thành không dám ra.

Giữa lúc đó, Trương Mạc và Trần Cung làm phản, về dưới trướng Lã Bố, đánh vào hậu phương quân Tào. Tuân Úc, Trình Dục giữ vững Quyên Thành. Tào Tháo đang trên đường chinh phạt Từ Châu bèn dẫn quân quay về. Năm 195, Tào Tháo đánh tướng của Lã Bố là Tiết Lan, Lý Phong ở huyện Cự Dã. Lã Bố dẫn binh cứu viện nhưng không thắng nổi nên bỏ chạy. Quân Tào giết hết nửa số quân của Tiết Lan. Lã Bố lại từ Đông Mân cùng với Trần Cung kéo theo hơn vạn người đánh Tào Tháo. Lúc đó quân Tào đang đi gặt lúa, trong thành không đến ngàn người. Tào Tháo bèn lệnh cho đàn bà, con gái cũng phải lên thủ thành, tất cả binh sĩ cũng phải dàn quân mà chống cự lại. Phía tây trại có dải đê lớn, phía nam thì cây cối um tùm. Lã Bố nghi có mai phục, bèn nói rằng: *“Tào Tháo đa mưu cần thận trúng mai phục”*. Lã Bố dẫn quân lùi về phía nam cách đó hơn mười dặm, đến ngày hôm sau mới quay trở lại. Khi ấy, Tào Tháo cho binh mã ẩn nấp ở dưới đê, chỉ cho một nửa binh lính ra nghênh chiến. Lã Bố tiến lên, Tào Tháo liền sai khinh binh đi khiêu chiến, sau đó phục binh bất ngờ xông lên, bộ binh, kỵ binh cùng tiến đánh. Tào Tháo đại phá quân Lã Bố, thu về rất nhiều chiến lợi phẩm, xe cộ, vũ khí. Nhân đó, quân Tào truy đuổi về tới doanh trại địch. Lã Bố bỏ chạy trong đêm. Tào Tháo lại tấn công san bằng Định Đào, chia quân bình định các huyện. Lã Bố khi ấy chạy về phía đông theo nhờ Lưu Bị. Trương Mạc cũng theo Lã Bố để em họ là Trương Siêu ở lại giữ thành Ung Khâu.

Tháng 8 mùa thu năm đó, Tào Tháo vây đánh thành Ung Khâu mấy tháng liền. Mùa đông tháng 10, Thiên tử bái Tào Tháo làm Duyệt Châu mục. Tháng 12, Tào Tháo chiếm được Ung Khâu, Trương Siêu tự sát. Duyệt Châu bình định xong, Thái Tổ lại đem quân sang chiếm lấy đất Trần.

Tào Tháo từ chỗ không chút thế lực đã thu nạp anh hùng, dũng sĩ, văn tài, võ lược đầy khắp gia môn. Khi ấy, ông chính là hùng bá một phương, bắt đầu tranh giành Trung Nguyên cùng với các chư hầu. Vang danh thiên hạ, thuận theo mệnh trời mà hưng thịnh.

Chương 2: Thuận thiên diễn “Nghĩa”

1. Thuận ý Trời, nghênh đón Hiến Đế, bảo vệ nhà Hán

Cuối năm Sơ Bình thứ 3 (năm 192), Trị trung tòng sự người Trần Lưu là Mao Giới hiến kế cho Tào Tháo rằng: “Phò tá thiên tử, ra lệnh cho những kẻ không phải thần tử, sửa sang nghề nông, tích trữ của cải quân nhu. Nếu được như thế, sự nghiệp bá vương ắt thành vậy!”. Tháo cho lời này là phải, lập tức chuẩn bị nghênh đón Hán Đế, bèn sai sứ đến chỗ Thái thú Hà Nội là Trương Dương, muốn cùng tiến sang phía tây đến Trường An (là nơi thiên tử đang ở). Tuy nhiên Trương Dương lại không nghe theo.

Lúc ấy có người ở Định Đào là Đồng Chiêu can Trương Dương rằng: “Viên Thiệu và Tào Tháo tuy nay kết làm một nhà nhưng thế ấy không lâu dài được. Lúc này, Tào Tháo tuy yếu nhưng chính là anh hùng thiên hạ, nên phải kết giao, hưởng hồ nay hai người đã có duyên. Chi bằng tướng quân cứ viết biểu tâu lên thánh thượng, nếu chuyện thành công thì sau này tướng quân và Tào Tháo sẽ kết thành thâm giao”.

Đồng Chiêu mấy lượt khuyên Trương Dương nên kết tình giao hảo với Tào Tháo. Cuối cùng Trương Dương nể lời, bèn dâng biểu lên triều đình tiến cử Tào Tháo. Đồng Chiêu lại bỏ tiền túi của mình, lấy danh nghĩa Tào Tháo mà viết thư kết giao với Lý Thôi, Quách Dĩ vốn là quyền thần đang nắm triều chính, lời lẽ gửi gắm ân cần,

có nặng có nhẹ. Từ đó Tào Tháo có chỗ đi lại, tiếp cận với Hán Đế. Quan Hoàng môn thị lang là Chung Diêu lại rỉ tai Lý, Quách rằng: “Ngày nay anh hùng nổi lên như ong vỡ tổ, đều mang bụng riêng, duy chỉ có Tào Duyệt Châu là có tấm lòng với vương thất, khác hẳn phần còn lại. Chẳng phải đáng để trông cậy giao phó tương lai nước nhà lắm sao?” Lý, Quách nghe lời Chung Diêu nói, lại càng hậu đãi sứ giả của Tào Tháo hơn.

Mùa xuân năm Hưng Bình thứ 3 (năm 196), Tào Tháo đóng quân ở Hứa Đô, lại muốn tính kế nghênh đón thiên tử về. Các quan văn võ tâu: “Sơn Đông chưa định, Hàn Tiêm, Dương Phụng cậy công làm liều, chưa thể đánh dẹp”, đều khuyên Tào Tháo không nên động binh. Duy có Thượng thư lệnh Tuân Úc bấy giờ kiến nghị Tào Tháo nên thuận theo lòng người, đón gấp thiên tử, vừa là chiến lược lớn, lại vừa tích được đại đức, cho dù có người phản đối thì chuyện cũng đã rồi, phải tận dụng thời cơ có một không hai này.

Tuân Úc nói: “Từ khi thiên tử gặp nạn, tướng quân cất nghĩa binh, đánh dẹp kẻ nhiều loạn ở Sơn Đông, chưa có ngày nào nhàn rỗi. Nay loan giá long đong, Đông Kinh đổ nát, nghĩa sĩ vẫn còn đau xót, muôn dân thương nhớ bi ai. Nếu nhân lúc này, phụng thiên tử để theo nguyện vọng của dân chúng thì chính là việc đại nghĩa, giữ đạo công bằng mà khiến thiên hạ phục tùng chính là kế sách vẹn toàn. Tướng quân giương cao cờ nghĩa chính là việc làm của bậc đại trí, đại đức vậy. Bốn phương chư hầu đâu có không phục thì cũng liệu làm được gì? Nếu không làm sớm, người khác sẽ làm trước ta ngay, sau có hối hận cũng không kịp nữa”.

Tào Tháo lập tức sai Dương Vũ Trung lang tướng Tào Hồng tiến quân sang phía tây nghênh đón thiên tử. Tuy nhiên Đổng Thừa lại cho quân đóng giữ các chỗ hiểm yếu ngăn cản khiến Tào Hồng không thể tiến lên, chưa đón được thiên tử về.

Bấy giờ có quân Khăn Vàng ở Nhữ Nam, Dĩnh Xuyên là bọn Hà Nghi, Lưu Tích, Hoàng Thiệu, Hà Mạn tập hợp được đến mấy vạn quân mã, ban đầu theo về hưởng ứng Viên Thuật, sau lại nương nhờ Tôn Kiên. Tháng Hai, Tào Tháo tiến quân thảo phạt chúng, chém được bọn Tích, Thiệu. Nghi và tất cả bộ chúng của mình xin hàng. Thiên tử bái Tào Tháo làm Kiến Đức tướng quân. Mùa hạ, tháng sáu, thiên tử lại thăng Tháo làm Trấn Đông tướng quân, phong tước Phí Đình hầu. Tào Tháo khiêm nhường, ba lần từ chối rồi mới miễn cưỡng tiếp nhận ấn phong.

Mùa thu, tháng Bảy, Dương Phụng, Hàn Tiêm, Đổng Thừa đưa xa giá Hán Đế về phía đông, đến thành Lạc Dương. Dương Phụng tự làm Xa kỵ tướng quân, Hàn Tiêm lĩnh chức Đại tướng quân, đều được cầm tiết việt. Bấy giờ, cung phủ ở Lạc Dương đều đã bị Đổng Trác đốt phá cả, nơi nơi hoang vắng, gạch ngói nát vụn, cỏ dại mọc khắp nơi. Trăm quan không có chỗ trú thân, bèn phải phá vách của mấy bức tường đổ, tạm làm chỗ nghỉ chân. Lúc ấy lại không có lương thực, thiên tử sai người đến khắp các châu quận xung quanh cầu viện nhưng mười người không có lấy một người tới ứng cứu. Châu quận các nơi đều có binh hùng tướng mạnh, lương thực dồi dào song lại đùn đẩy nhau không tới. Trăm quan đều đói vàng vồ, từ Thượng thư lang trở xuống đều phải tự đi bới cỏ, đào rễ mà ăn cầm hơi. Quan quân thường

thường đối chết hoặc bị giặc cướp ven đường cướp bóc, đoạt mạng.

Dương Phụng tự mình mang quân ra đóng ở huyện Lương. Tào Tháo dẫn binh đến Lạc Dương, vây chặt kinh thành. Hàn Tiêm bỏ chạy. Tháo vào bái yết Hán Đế. Thiên tử ban cho Tào Tháo tiết việt, lĩnh chức Lục thượng thư sự. Tháo lại tấn phong cả thảy 13 người của Vệ tướng quân Đồng Thừa làm liệt hầu, thưởng phạt phân minh, khen ngợi trung nghĩa. Lạc Dương kinh khuyết bị tàn phá cả. Đồng Chiêu lúc ấy hiển kế cho Tào Tháo dời đô về Hứa Xương, cho rằng Tháo dấy nghĩa binh trừ bạo loạn, phò tá thiên tử, vương thất, chính là cái công của Ngũ Bá thời Xuân Thu xưa vậy.



Chân dung của Hán Hiến Đế được lấy từ “Hình ảnh trong Tam Quốc Chí” trong ấn bản thời Quang Tự của nhà Thanh.

(Ảnh: Miễn công cộng)

Tháng tám năm ấy, xa giá xuất hành từ cửa Hoàn Viên về phía đông. Tào Tháo chính thức dời về Hứa Đô (nay là phía đông nam Hứa Xương). Hán Hiến Đế tự mình đến doanh trại quân Tào, phong Tào Tháo làm Đại tướng quân, chức Vũ Bình hầu. Từ khi thiên tử dời đô về phía Tây (tức Trường An), triều đình ngày một loạn, khiến cho dân đen đói khát, tranh ăn, châu huyện tiêu điều, hoang tàn. Đến lúc dời về Hứa Đô, tông miếu xã tắc, lễ nghi chế độ mới dần dần được khôi phục. Tào Tháo một tay nắm giữ quyền to, coi sóc tất cả việc triều chính, cải niên hiệu Hưng Bình năm thứ 3 thành Kiến An năm đầu (tức năm 196). Thiên tử bái Tào Tháo làm Kiến Đức tướng quân, sau lại phong làm Trấn Đông tướng quân.

Từ đó trở về sau, Tào Tháo đánh dẹp, thu hàng hết các thành trì ở Dự Châu, nhân danh thiên tử ra lệnh chư hầu. Các tướng ở Quan Trung đều trông về họ Tào mà phục tùng răm rắp. Nhờ Tuân Úc tiến cử, Tào Tháo lại có được thêm 2 mưu sĩ tài giỏi là Tuân Du và Quách Gia. Tuân Du tự Công Đạt, là cháu họ Tuân Úc, được Tháo phong làm thượng thư. Tháo thường trong lúc vui vẻ, cao hứng mà nói rằng: “Công Đạt chính là một người phi thường vậy. Ta có được ông ta giúp bày kế thì thiên hạ có gì phải lo nữa!”. Tháo lại phong Quách Gia làm quân sư, cùng bàn việc thiên hạ, thường vui mừng mà nói: “Giúp ta thành đại nghiệp ắt là người này”. Quách Gia cũng thường nói về Tào Tháo là: “Thực chính là chủ của ta vậy!”. Tháo lại viết biểu lên thiên tử, xin gia phong cho Quách Gia làm Tư Không tể tửu.

Từ năm Trung Bình (tức 189) trở đi, thiên hạ loạn lạc, dân không cày cấy, ruộng đất bỏ hoang, lương thực

thiếu thốn, chư hầu nổi dậy chẳng ai tính kế lâu dài, đói thì cướp bóc, no lại vớt lương, lòng người lìa tan, kẻ không đánh mà tự tan vỡ nhiều không tính xuể. Các quan thỉnh cầu Tào Tháo xây dựng lại đồn điền, tích lương thảo, nuôi quân mạnh. Tào Tháo nghe theo, nói: “Cái thuật định quốc, là ở chỗ thực túc binh cường. Nước Tần coi trọng nghề nông mà đoạt được thiên hạ. Hiếu Vũ lấy việc khai khẩn đồn điền mà định được Tây Vực. Đó chính là phép hay của các đời trước vậy!”.

Tào Tháo lập tức đặt ra các chức Điền đô úy, Kỵ đô úy trông coi đồn điền, lại phong Nhâm Tuấn làm Điển Nông trung lang tướng lo việc sửa sang nông nghiệp. Tháo lại cho mộ dân khai khẩn đồn điền ở huyện Hứa, thu được hàng trăm vạn hộ lương. Bởi thế các châu quận đều đặt chức quan trông coi việc ruộng đất, đồn điền, tích trữ lương thực tại chỗ, kho lẫm bồng chốc sung túc. Đó chính là nền tảng để sau này Tào Tháo chinh phạt quần hùng bốn phương không còn canh cánh mỗi lo vận lương khó nhọc nữa, có thể cầm đại quân mấy mươi vạn người ứng chiến với địch nhiều tháng trời không chút lo lắng.

Tào Tháo có viết một bài thơ tên là “Giới lộ hành”, trong đó miêu tả rất sinh động cảnh loạn lạc thời đó:

Giới lộ hành

Duy Hán chấp nhị thế, Sở nhậm thành bất lương.
Mộc hầu nhi quan đói, Tri tiểu nhi mưu cường.
Do dự bất cảm đoán, Nhân thú chấp quân vương.
Bạch hồng vi quán nhật, Kỵ diệc tiên thụ ương.
Tặc thần trì quốc bính, Sát chúa diệt vũ kinh.

Đã phúc đế cơ nghiệp , Tông miếu dĩ phần tang.
Bá việt tây thiên di , Hiệu khắp nhi thả hành.
Chiêm bỉ Lạc thành quách ,Vi Tử vi bi thương.

Dịch nghĩa:

Đời thứ 22 nhà Hán, kẻ nhậm chức thật bất tài.
(Chỉ như) khỉ đội mũ, biết ít lại tính mưu to.
Do dự không dám quyết, (nên bọn Trương Nhượng)
giữ vua để thoát ra ngoài.
Cầu vòng màu trắng che khuất mặt trời (ý nói có
biến loạn lớn).
Thân mình (chỉ Hà Tiến) cũng chuốc lấy tai ương
trước khi hành sự.
Kẻ tặc thần nắm giữ quyền bính, giết vua, thiêu
cháy kinh thành.
Cơ nghiệp đế vương bị lật đổ, tông miếu bị đốt
cháy, chôn vùi.
Di dòi về phía tây, khóc lóc dặt nhau đi.
Ngẩng nhìn thành quách Lạc Dương kia, bi thương
giống như Vi Tử.

“Giới lộ hành” được ca ngợi là “ghi chép chân thực
về thời Hậu Hán, bài thơ như là ghi chép lịch sử vậy”
(trích trong “Cổ thi quy” của Chung Tỉnh). Lấy thơ mà ghi
lại lịch sử, kể về việc Hà Tiến thất bại trong việc trừng
phạt hoạn quan, và Đổng Trác vào Lạc Dương gây ra
hỗn loạn. Bài thơ phản ánh chân thực nỗi thống khổ do
chiến tranh thường xuyên gây ra với dân chúng.

Tào Tháo đưa Hán Hiến Đế dòi đô về Hứa Xương,
nhân danh thiên tử, ra lệnh chư hầu, đánh dẹp những

kẻ quần hùng mà thành đại nghiệp. Tào Tháo tự chiếm Duyện Châu, Dự Châu, trong khi bốn phía còn lại toàn là quần hùng cát cứ. Phía bắc là Viên Thiệu, nắm giữ 3 châu: Ký, Thanh, Tinh. Công Tôn Toản đóng ở U Châu, Trương Dương vẫn còn chiếm Hà Nội. Phía đông có Lã Bố ở Từ Châu, Viên Thuật ở Hoài Nam. Phía nam Lưu Biểu cát cứ Kinh Châu, Trương Tú ở Nam Dương, Tôn Sách ở Giang Đông. Phía tây có Hàn Toại, Mã Siêu chiếm giữ Lương Châu, Trương Lỗ đóng ở Hán Trung, Lưu Chương ngồi giữ Ích Châu.

Chính là lúc thời thế tạo anh hùng, hào kiệt nổi lên như ong vỡ tổ. Chiến loạn liên miên khiến Tào Tháo không còn thấy được cái phong khí của nhân, nghĩa, lễ, nhượng bởi vậy bèn ra sức phục hưng giáo dục khắp nơi. Ông nói: “Loạn lạc chết chóc tới nay có đến 15 năm, lớp người hậu sinh không còn được thấy cái phong khí nhân, nghĩa, lễ, nhượng nữa, ta đau xót lắm thay! Nay lệnh cho các quận trong nước đều phải tu sửa trường học, mỗi huyện 500 hộ lại đặt ra một chức giáo quan, tuyển chọn những kẻ anh tài trong vùng để làm người dạy dỗ học trò. Đó chính là khiến cho đạo của các bậc tiên vương không bị phế bỏ, mà lại có ích lợi lớn cho thiên hạ vậy!”.

Tào Tháo diệt trừ cường hào, nêu cao pháp lệnh, thưởng phạt phân minh, chỉ trong mấy năm mà khôi phục lại giường mỗi quốc gia, tu sửa được nền chính trị đang trên đà đổ nát của nhà Hán. Nhiều người cho rằng Tào Tháo chuyên quyền, lấn ngôi thiên tử nhưng trong hoàn cảnh loạn ly, chiến tranh khi ấy nếu không có một người quyền biến, quyết đoán như vậy e rằng xã tắc sẽ nghiêng đổ. Bàn về đạo trị quốc, Tào Tháo

đã nói hết sức minh bạch, rõ ràng: “Người có nước có nhà, không lo của ít mà lo chia không đều, không lo nghèo túng mà lo chẳng được yên. Họ Viên cai trị thiên hạ, cường hào phóng túng, chuyên quyền, người thân thích kiêm tính đất đai, hạ dân bần hàn, khổ cực, đời đời chịu nộp thuế khóa, bán hết gia tài, chẳng đủ để ứng phó... Muốn cho trăm họ thân gần nương cậy, giáp binh cường thịnh, há làm vậy được sao! Nay thu thuế ruộng một mẫu bốn thưng, mỗi hộ nộp hai thất lụa, hai cân bông tốt mà thôi, cái khác không thể tự tiện trưng thu. Quan tướng đứng đầu quận quốc tra xét rõ việc ấy, không được bao che giấu giếm nhường kẻ mạnh, mà thu thêm thuế của dân yếu vậy!”.

2. Chinh phạt Trương Tú, thảo phạt Viên Thuật, tiến đánh Lữ Bố

Tào Tháo quyết định chinh phạt Trương Tú trước tiên. Mùa xuân Kiến An năm thứ 2 (tức năm 197), tháng Giêng, Tào Tháo đưa quân xuống phía Nam đánh Trương Tú ở Uyển Thành. Đại quân tiến sát Dục Thủy, Trương Tú cả sợ xin hàng. Sau này nghĩ lại thấy hối hận, Trương Tú dẫn quân bất ngờ đánh úp Tào doanh, hại chết con cả Tào Ngang và cháu họ Tào An Dân của Tào Tháo. Bản thân Tào Tháo cũng trúng tên. Đô úy là Điển Vi liều chết đánh trả quân Trương Tú, quân hầu tả hữu đều bỏ mạng cả. Điển Vi chịu hơn mười vết thương nhưng vẫn anh dũng chiến đấu. Quân Trương Tú lại càng vây chặt hơn nữa. Điển Vi bèn xốc tới kẹp chết hai người, dùng làm vũ khí mà quật chết hơn chục người nữa. Nhưng vết thương quá nặng, quân địch lại

vây hãm, bắn tên, Điển Vi cuối cùng tử trận. Khi chết hai mắt còn mở trừng trừng, nửa ngày sau quân Trương Tú mới dám bước qua xác Điển Vi. Tào Tháo nhờ có Điển Vi chặn cửa mà bỏ chạy thoát thân, thu nhặt tàn binh, lui về Vũ Âm. Trương Tú lại dẫn kỵ binh đến đánh úp. Nhưng Tào Tháo tập kích phá tan. Tú chạy về đất Nhưỡng, liên hợp với Lưu Biểu. Tào Tháo hội các tướng lại, nói: “Ta cho bọn Trương Tú hàng, lỡ không giữ con tin, nên mới tạo nên họa này. Ta hiểu nguyên do thất bại hôm nay. Các tướng phải nhìn đó làm gương, từ nay về sau không được để thua trận như thế nữa”. Sau đó, Tào Tháo dẫn quân về lại Hứa Đô, thương nhớ Điển Vi khôn nguôi, bèn lập đàn tế vọng, lại phong cho con ông là Điển Mãn làm Lang Trung, nhận nuôi trong phủ.

Cùng năm ấy, mùa đông, tháng 11, Tào Tháo đích thân nam chinh, lại kéo quân đến Uyển Thành, bắt sống được tướng của Lưu Biểu là Đặng Tế ở Hồ Dương, lại hạ được cả Vũ Âm.

Đến mùa xuân năm Kiến An thứ 3 (tức năm 198), tháng Giêng, Tào Tháo rút về Hứa Đô. Tháng 3 năm đó, Tào Tháo tiếp tục dẫn quân thảo phạt Trương Tú một lần nữa. Trên đường hành quân, thấy dọc đường lúa mạch đã chín mà nông dân trốn chạy chiến loạn, không dám gặt về. Tào Tháo sai người đi khắp các thôn trang, truyền dụ cho già trẻ, gái trai và các quan lại quanh vùng rằng: “Ta phụng chiếu vua, đem quân đánh giặc, trừ hại cho dân. Nay đang mùa lúa chín, bắt buộc phải khởi binh. Quân tướng lớn nhỏ đi qua ruộng, hễ ai dẫm lên lúa đều bị chém. Quân pháp thực nghiêm, nhân dân không việc gì phải lo sợ cả”. Không ngờ khi ấy con ngựa mà Tào Tháo cưỡi bỗng giật mình, chạy lồng lên, xéo

nát cả ruộng lúa. Tào Tháo lập tức gọi quan hành quân chủ bạ đến để định tội chính mình. Ông nói: “Ta đặt ra pháp lệnh mà lại tự phạm vào thì làm sao quân sĩ phục được?” Tào Tháo khẳng khái tự cắt tóc mình coi như hình phạt răn đe, giữ nghiêm pháp lệnh. Chuyện Tào Tháo “cắt tóc thay đầu” khiến cho ba quân đều sợ hãi, nhất nhất tuân lệnh. Đại quân Tào Tháo vây hãm Trương Tú ở đất Nhưỡng, đang chuẩn bị công thành thì được tin mưu sĩ của Viên Thiệu là Điền Phong hiến kế cho Thiệu tập kích Hứa Đô, ép thiên tử, lệnh chư hầu. Tào Tháo lập tức giải vây Trương Tú, vội vã quay về Hứa Đô.

Tháng 5, Lưu Biểu điều binh tới cứu Trương Tú, cắt đứt hậu quân của Tào Tháo. Binh của Tú lại kéo đến vây, quân Tào tiến thoái lưỡng nan, phải rút dần các trại. Nhưng chính ngay lúc ấy, Tào Tháo gửi thư cho Tuân Úc, nói: “Giặc truy đuổi ta, tuy mỗi ngày chỉ đi được mấy dặm nhưng ta đã có kế. Đến An Chúng, tất phá được Tú”. Khi vừa đến An Chúng, Tú và Biểu đóng giữ những chỗ hiểm yếu, quân Tào hai đầu thọ địch. Tháo nhân trời đêm, cho đào địa đạo, bố trí kỳ binh. Lưu Biểu, Trương Tú tưởng rằng quân Tào đào hầm để chạy trốn liền dẫn quân truy kích. Tào Tháo bèn tung kỳ binh và quân bộ kỵ cùng giáp công, đại phá quân địch. Ngày sau Tuân Úc hỏi: “Lúc trước mình công nói rằng đã có kế phá giặc là vì có gì?”. Tháo nói: “Giặc chặn đường về của ta mà cùng quân ta giao chiến ở nơi tử địa. Ta biết là chắc thắng”. Đó gọi là kế “đặt vào chỗ chết rồi mới tìm ra đường sống”, cho nên đắc thắng.

Tào Tháo dẫn quân thảo phạt Trương Tú đúng lúc ngày hè chói chang. Trên đường thiếu nước, quân sĩ

đều khát. Tào Tháo nghĩ ra một kế, lấy roi trở về phía trước mà nói: “Phía trước có rừng mơ”. Quân sĩ nghe nói, đều chảy nước miếng, bởi thế hết khát. Đợi sau gọi đó là kế “Vọng mai chỉ khát” (ngóng trông quả mai mà đỡ khát).

Mùa xuân Kiến An năm thứ 2 (tức năm 197), Viên Thuật xưng đế ở Thọ Xuân, tự xưng là Trọng Gia, đồ dùng, quần áo đều theo nghi lễ thiên tử. Có người lại khuyên Viên Thuật sau khi đăng cơ nên cho sứ giả đi bố cáo khắp thiên hạ. Thuật ngần ngại đáp: “Tào Tháo vẫn còn đó, việc này chưa làm được”.

Viên Thuật lại muốn cùng mưu việc lớn với Trần Khuê, lúc ấy đang làm quân sư cho Lữ Bố ở Hạ Bì. Viên Thuật và Trần Khuê đều là con cháu nhà quyền quý, công tộc nhưng không giao du mấy với nhau. Thuật gửi thư cho Khuê, nói: “Nếu thành đại sự, ông chính là tâm phúc của ta”. Khuê trả lời thư Viên Thuật rằng: “Túc hạ nay tuy phú quý nhưng vị tất đã tránh khỏi được cái họa bại vong của nước Tần? Tào tướng quân uy phong, thần vũ, phục hưng hình pháp, trừ sạch gian tà, bình định nước nhà, gây được lòng tin. Nay túc hạ không biết hợp lực, đồng tâm mà khuông phò Hán thất, lại có âm mưu gian dối, chính là lấy thân mà gánh họa, chẳng phải đáng buồn lắm sao? Muốn ta theo túc hạ, có chết cũng không làm được vậy!” Trần Khuê một lòng hướng về Tào Tháo, quyết không về phe Viên Thuật.

Cùng năm đó, tháng 9, Tào Tháo kéo quân sang phía đông đánh Viên Thuật. Thuật nghe tin Tháo tới, kinh sợ khiếp vía, bỏ quân mà chạy, chỉ để các tướng Kiêu Nhụy, Lý Phong, Lương Cương, Nhạc Tụ ở lại cự nhau với quân Tào. Tào Tháo đại phá bọn Nhụy,

chém được cả. Sau đó, Tháo đem quân tấn công Thọ Xuân, tự mình đến dưới chân thành, đôn đốc quân sĩ khiêng đất, chuyển đá, lấp hào, đắp rãnh. Trên thành tên bắn, đá quăng trút xuống như mưa. Lúc ấy có hai viên tì tướng sợ hãi bỏ chạy về. Tháo rút kiếm chém ngay dưới thành, tự mình xuống ngựa, khiêng đất lấp hố. Bởi thế tướng sĩ lớn nhỏ đều hăng hái xung phong, hướng về phía trước, quân uy chấn động, sĩ khí mãnh liệt. Quân Viên Thuật trên thành không ngăn cản được. Quân Tào tranh nhau lên thành, chém tướng mở cửa, đại quân ập vào. Sau khi vào thành, Tào Tháo thiêu hủy hết cung thất, đền đài của Viên Thuật, ra lệnh cấm quân sĩ phạm vào cửa dân một tấc, một ly. Viên Thuật chạy qua sông Hoài, gặp lúc mùa màng thất bát, ba quân đói rét, bởi thế càng thêm suy yếu.

Tào Tháo thu nhận bộ hạ cũ của Viên Thuật là Hà Quỳnh về dưới trướng, nhân đó hỏi nguyên nhân vì sao Thuật sớm bại vong làm vậy. Hà Quỳnh nói: “Trời giúp người theo lẽ phải, người hướng về kẻ tín nghĩa. Thuật không có tín nghĩa lẫn lẽ phải mà lại muốn Trời giúp, người theo, liệu có được chăng?”. Tào Tháo nói: “Nước nhà mất kẻ hiền tài thì tất vong. Người không được Thuật trọng dụng, bại vong còn gì để nghi ngờ nữa?”.

Năm Kiến An năm thứ 3 (tức năm 198), tháng 9, Tào Tháo định đem quân đánh Lữ Bố. Chư tướng đều can rằng: “Lưu Biểu, Trương Tú ở mặt sau, chúa công hành quân xa đánh Lữ Bố, như thế thật nguy hiểm!”. Chỉ có Tuân Du hiến kế: “Biểu, Tú mới đại bại, chắc không dám động binh. Bố kiêu dũng lắm, nếu để hắn liên kết với Viên Thuật, tung hoành bên vùng Hoài, Tứ, hào kiệt tất theo hưởng ứng. Giờ nhân lúc hắn mới làm

phản, bụng quân chưa phục, có thể phá được”. Tháo nói: “Hay!”, bèn cho quân tiến đến Bành Thành. Mưu sĩ Trần Cung bàn với Lữ Bố: “Quân Tào mới đến, chưa lập trại xong, ta thông thả đánh địch khó nhọc, ắt là thành công”. Nhưng Bố gạt đi, cho rằng: “Ta vừa mới thua, không nên khinh địch, đợi quân Tào đến, ta sẽ ra đánh, ắt là quân nó phải lăn hết xuống sông Tứ Thủy”. Bấy giờ là mùa đông, tháng 10, Tào Tháo đánh gấp

朕我掖門以將軍氣禁
 亦勅誅董卓夫來拒陳宮得席悲地急飢鷹款
 路窮玉台白門下夜泣英風
 三五五八
 圖



Chân dung của Lữ Bố, lấy từ bản hiệu đính của “Đồ tượng Tam Quốc chí” của Quảng bách Tổng trai mùa đông năm canh dân niên hiệu Quang Tự triều đại nhà Thanh. (Ảnh: Phạm vi công cộng)

Bành Thành. Thái thú Quảng Lăng là Trần Đăng cũng mang quân theo Tào Tháo, xin làm tiên phong, tiến đánh Hạ Bì.

Lữ Bố tự mình dẫn quân nhiều lần giao phong cùng quân Tào nhưng đều đại bại, phải chạy vào thành cố thủ, không dám xuất chiến. Tào Tháo gửi thư cho Lữ Bố, bày rõ lẽ thiệt hơn. Lữ Bố núng thối, sợ hãi muốn hàng nhưng Trần Cung liều chết ngăn cản. Bố lại cầu viện Viên Thuật. Nhưng Thuật vẫn để bụng chuyện Bố nuốt lời, không chịu gả con gái làm dâu nhà mình trước đó. Thuật giận, không chịu xuất binh ứng cứu. Bố bắt đực dê phải lấy bông quấn vào mình con gái, ngoài mặc áo giáp bạc, cõng con trên lưng, vác kích lên ngựa, mở cửa thành định chạy sang chỗ Viên Thuật để định chuyện hôn ước cũ. Tuy nhiên quân Tào vây thành tầng tầng lớp lớp, tên bắn như mưa. Bố không tài nào vượt qua được, đành phải về thành.

Tào Tháo đánh Hạ Bì mãi không hạ được, lâu ngày sĩ tốt mỗi mệ, toan muốn rút quân. Nhưng Tuân Du, Quách Gia can rằng: “Lữ Bố hữu dũng vô mưu, nay liên tục thua trận, nhuệ khí đã suy lắm rồi. Ba quân lấy tướng làm chủ. Chủ suy thì quân không còn ý chí. Trần Cung lắm mưu mẹo nhưng ứng biến chậm. Nay nhân lúc nhuệ khí Lữ Bố chưa hồi, mưu mẹo Trần Cung chưa định, ta đánh gấp, Bố tất phải bại vậy!” Tào Tháo dẫn nước 2 sông Nghi, Tứ dim ngập thành Hạ Bì. Suốt hơn một tháng, Lữ Bố bị vây khốn. Bố thấy nguy cấp quá, bèn lên lầu thành nói với thủ hạ của Tào Tháo rằng hãy nói vòng vây để mình ra ngoài thú tội, đầu hàng. Tuy nhiên Trần Cung một mực can ngăn, Lữ Bố lại nghe theo, không hàng Tào nữa. Bộ tướng là Hầu Thành

chẳng may làm mất ngựa quý của Lữ Bố, mới tìm lại được, chur tướng đều đến mừng. Hầu Thành bèn mang rượu thịt đến dâng Lữ Bố trước, chẳng ngờ bị Bố mắng chửi thậm tệ. Hầu Thành nhân thế cầm phẫn, tháng 12 năm ấy, Hầu Thành cùng chur tướng là Tống Hiến, Ngụy Tục cùng nhau bày kế bắt giữ Trần Cung, Cao Thuận, ra hàng Tào Tháo. Lữ Bố cùng bộ tướng lên lầu Bạch Môn cố thủ. Quân Tào vây gấp, Lữ Bố lệnh cho thủ hạ lấy đầu của mình dâng lên Tào Tháo. Nhưng tả hữu không đành lòng nên Lữ Bố đành phải xuống thành đầu hàng.

Lữ Bố gặp Tào Tháo, nói: “Kể từ hôm nay, thiên hạ đã định rồi!”. Tào Tháo hỏi: “Vì sao nói thế?”. Lữ Bố trả lời: “Minh công không lo ai bằng tôi, nay đã bắt được rồi. Nếu để Bố này lĩnh kỵ binh, minh công điều bộ binh, việc thiên hạ còn lo gì nữa?”. Đoạn, Lữ Bố ngoảnh lại nhìn Lưu Bị nói: “Huyền Đức nay ngồi ghế trên, ta giờ là phận tù binh dưới thềm, dây thừng buộc chặt, sao không nói giúp nhau một lời?” Tào Tháo định cười trói cho Lữ Bố. Nhưng Lưu Bị can rằng: “Không thể được! Minh công còn không nhớ chuyện của Đinh Kiến Dương và Đổng Trác hay sao?” Tào Tháo gật đầu đồng ý. Lữ Bố trừng mắt nhìn Lưu Bị quát lớn: “Đồ tai to vong ân bội nghĩa kia!”.

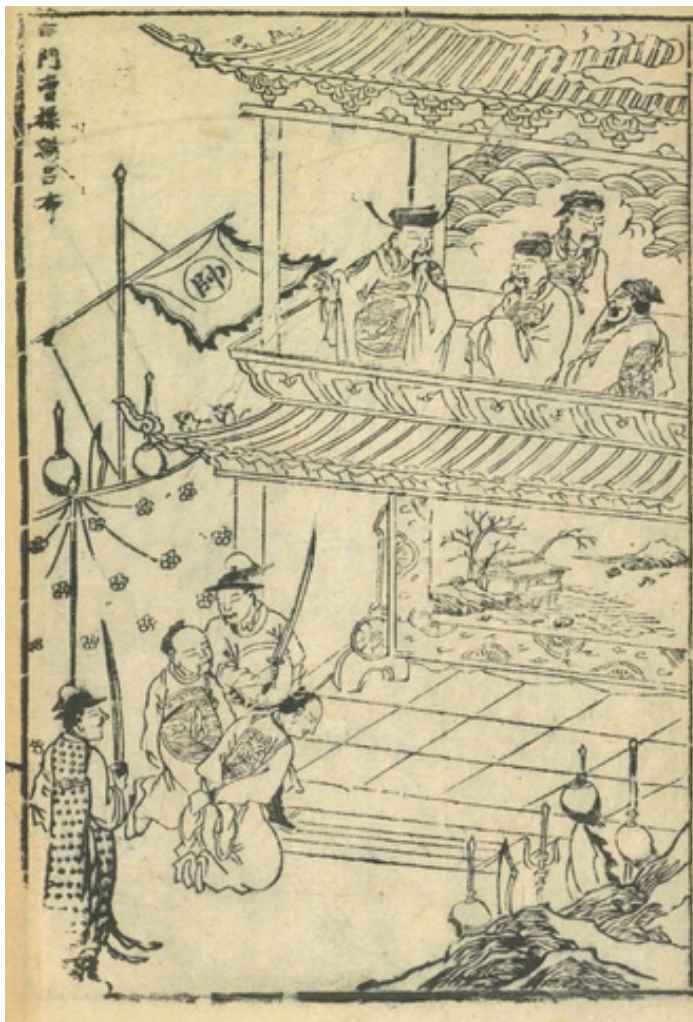
Trần Cung gặp lại Tào Tháo, nhất quyết đòi chết. Tào Tháo hỏi: “Ông đã vậy, còn mẹ già và vợ con thì làm sao?”. Trần Cung đáp: “Cung này nghe nói kẻ lấy đạo hiếu trị thiên hạ thì không hại đến thân nhân người ta, kẻ thi hành nhân chính trong thiên hạ thì không làm dứt hương hỏa người ta. Mẹ già và vợ con tôi đều ở tay minh công định đoạt. Tôi chết cũng không còn vương bận gì”. Sau đó, Trần Cung sải bước nhanh ra

cửa ngoài, Tào Tháo theo sau khóc đưa tiễn Cung. Cung cũng không quay đầu nhìn lại. Sau khi Cung chết, Tào Tháo đối xử với người nhà ông rất hậu, cho người đón mẹ già ông về phủ phụng dưỡng đêm ngày.

義釋曹瞞後中年解
印未誰知白門下真個
負公臺 新懷書于江上



Chân dung của Trần Cung, lấy từ bản hiệu đính của “Đồ tượng Tam Quốc chí” của Quảng bách Tổng trai mùa đông năm canh dần niên hiệu Quang Tự triều đại nhà Thanh. (Ảnh: Phạm vi công cộng)



Tào Tháo chém Lữ Bố, hình minh họa của “Tam Quốc Chí ” (Đại khôi đường tàng bản) xuất bản vào đầu thời nhà Thanh. (Phạm vi công cộng)

Tào Tháo đem Lữ Bố, Cao Thuận, Trần Cung treo cổ bên đầu thi chúng khấp thành Hứa Đô. Bộ tướng của Lữ Bố là Trương Liêu dẫn quân xin hàng. Tào Tháo mừng lắm, hậu đãi vô cùng, Bái Liêu làm Trung lang tướng.

Viên Thuật trước bị Lữ Bố đánh phá, sau lại bại dưới tay Tào Tháo, năm Kiến An năm thứ 4 (tức công nguyên năm 199), chạy đến chỗ bộ tướng là Lô Bạc, Trần Lan nhưng đều bị chối từ. Sĩ tốt đói ăn, ngày càng khốn quẫn, nên chạy đến Giang Đình, muốn quy về với Viên Thiệu, trên đường với Viên Đàm (con Viên Thiệu) ở Thanh Châu thì phát bệnh mà chết.

Tôn Sách ở Giang Đông sai người đến cống phương vật. Tào Tháo vui vẻ tiếp nhận, nhân muốn lấy lòng Sách mà tâu biểu xin gia phong cho Sách làm Thảo nghịch tướng quân, phong làm Ngô hầu. Tào Tháo còn cho em gái của mình lấy em trai Tôn Sách là Tôn Khuông, lại hứa hôn cho con là Tào Chương với ái nữ của Tôn Sách, lấy lễ mà phủ dụ các em của Tôn Sách là Tôn Quyền, Tôn Dực; để Trương Hoàn làm Thị Ngự Sử.

Đến đây, một dải phía bắc Trường Giang gồm 4 châu: Dương, Từ, Duyện, Dự đều thuộc quyền cai quản của Tào Tháo cả.

3. Diệt Viên Thiệu

Năm Kiến An năm thứ 4 (tức Công nguyên năm 199), Viên Thiệu đánh bại Công Tôn Toản, men theo sông Hoàng Hà mà chiếm giữ Bắc U Châu, Ký Châu, Thanh Châu, Tinh Châu, lại phong tước, phủ dụ người Ô Hoàn để giải mối lo phía bắc sau này. Viên Thiệu giao cho con trưởng Viên Đàm, con thứ Viên Hy và cháu trai trấn thủ 3 châu Thanh, U, Tinh, nắm trong tay 10 vạn tinh binh, 1 vạn kỵ binh, muốn đem quân nam chinh giành lấy thiên hạ. Khi ấy Tào Tháo tuy làm chủ 2 châu Dự, Duyện nhưng thế lực còn mỏng, binh không quá 2

vạn. Phía Bắc có đại quân Viên Thiệu áp sát biên giới, phía Nam có Trương Tú, Lưu Biểu cứng đầu không hàng, phía Đông Lưu Bị cũng liên thủ với Viên Thiệu, mạn Đông Nam có Tôn Sách luôn rục rịch, có thể động binh bất cứ lúc nào, mạn Tây các tướng sỹ Quan Hựu cũng đang lăm le nhòm ngó.

Khi ấy, Khổng Dung giữ chức Thiếu phó trong triều bi quan nhận xét rằng, Viên Thiệu đất rộng binh nhiều, mưu sĩ có Điền Phong, Hứa Du, dũng tướng lại có bọn Nhan Lương, Văn Xú, e rằng khó mà thắng được. Nhưng mưu sĩ của Tào Tháo là Tuân Úc và Quách Gia thì nghĩ khác, đánh giá Tào Tháo cao hơn Viên Thiệu. Quách Gia cho rằng Tào Tháo có 10 điều thắng, Viên Thiệu có 10 điều bại. Thứ nhất là thắng về đạo, Thiệu đa lễ rườm rà, Tháo đơn giản tự nhiên; thứ 2 là thắng về nghĩa, Thiệu dấy binh phản nghịch, Tháo thuận theo lẽ phải mà chỉ huy thiên hạ; thứ 3 là thắng về trị, thời Hán mạt chính sự trể nải vì quá khoan nhu, Thiệu khoan hòa, nhu nhược nên chẳng thay đổi được gì; Tháo cương quyết, nghiêm ngặt đưa người ta vào khuôn phép; thứ 4 là thắng về độ, Thiệu bề ngoài khoan hòa song bên trong thì nghi kỵ, dùng người mà lòng đầy ngờ vực, chỉ tin dùng con em thân thích; Tháo bề ngoài giản dị, dễ gần nhưng bên trong sáng suốt, khéo léo, dùng người không chút ngờ vực, chỉ cần có tài là được trọng dụng, chẳng kể thân sơ; thứ 5 là thắng về mưu, Thiệu nhiều mưu kế mà thiếu quyết đoán, về sau thường mắc sai lầm; Tháo cứ có kế hay là thi hành ngay, ứng biến vô cùng; thứ 6 là thắng về đức, Thiệu cậy gia thế nhiều đời, bàn chuyện lễ nghĩa cao siêu để lấy tiếng khen, những kẻ xu nịnh theo đầy dưới trướng; Tháo lấy thành thực

đãi người, theo lẽ mà làm, không vì tiếng khen hão, với người có công thì không hề bủn xỉn, kẻ sĩ trung chính có thực tài đều nguyện chịu sai khiến; thứ 7 là thắng về nhân, Thiệu thấy người khác đối rét thì thương xót lộ rõ ra nét mặt nhưng chỉ là lòng nhân của đàn bà; Tháo bỏ qua chuyện nhỏ trước mắt, lo liệu đại sự chu toàn, ân huệ ban ra quá cả kỳ vọng, dẫu là việc không nhìn thấy cũng vẫn suy tính đầy đủ, chẳng hề thiếu sót; thứ 8 là thắng về minh, đại thần của Thiệu tranh đoạt quyền bính, sàm nịnh mê loạn; Tháo dùng đạo lý mà quản thuộc hạ, chẳng chịu nghe lời gièm pha ton hót; thứ 9 là thắng về văn, Thiệu không phân biệt phải trái; Tháo gặp việc đúng đắn thì dùng lễ đối đãi, thấy chuyện sai trái thì dùng phép để trị; thứ 10 là thắng về võ, Thiệu thích phô trương thanh thế, không hiểu cốt yếu của binh cơ; Tháo lấy ít địch nhiều, dụng binh như thần, khiến cho quân lính được nhờ, kẻ địch sợ hãi.

Ba sứ quân hùng mạnh nhất lúc bấy giờ là Viên Thiệu, Lưu Biểu, Tào Tháo. Đặt lên bàn cân mà phân tích mạnh yếu thì thấy rằng, Viên Thiệu không thể dùng người, Lưu Biểu có người tài nhưng không biết dùng ra sao còn Tào Tháo thì tận thu hết cả anh hùng thiên hạ về dưới trướng. Viên Thiệu tuy binh đông nhưng chẳng qua chỉ là hạng ô hợp, “có đầy hiền tài dưới trướng mà chẳng dùng được, kẻ sĩ tài giỏi lũ lượt bỏ đi. Lưu Biểu giữ Kinh Sở, ung dung ngồi nhìn thiên hạ tranh nhau. Kẻ sĩ chạy loạn đến Kinh Châu đều là hạng anh tuấn trong thiên hạ cả. Nhưng Biểu cũng không biết dùng, cho nên nước nhà nghiêng đổ mà không ai giúp được. Minh công từ ngày bình định Ký Châu, xuống xe lập tức chính đốn sĩ tốt, thu dùng hào kiệt, nhờ vậy mà

tung hoành thiên hạ. Lúc bình định Giang Hán, lại trọng dụng hào kiệt xứ ấy, theo thứ bậc trao ngôi vị, khiến cho cả thiên hạ đều hướng về mà ngóng trông, văn võ đều cố công, anh hùng đều dốc sức. Đó là nghĩa cử của Tam vương vậy”. (Trích trong (Vương Xán truyện — Ngụy thư – Tam Quốc Chí).

{Tam vương ở đây là ba vị vua khai sáng ra các triều Hạ, Thương, Chu là: Hạ Vũ, Thương Thang và Chu Văn Vương}

Quả thực, Tào Tháo có tấm lòng bác đại, khí độ khoáng đạt. Ông đã sớm nhìn ra Lưu Bị là kẻ anh hùng: “Anh hùng thiên hạ, duy chỉ có sứ quân và Tháo này mà thôi”. Tháo đối với Lưu Bị hết sức kính trọng, “đi thì cùng xe, ngồi thì cùng chiếu”. Mưu sĩ của Tào Tháo là Trình Dục, Quách Gia mấy lần khuyên ông nên nhân cơ hội giết Lưu Bị, phòng mối họa sau này. Nhưng Tào Tháo trả lời rằng: “Bây giờ là lúc thu dụng anh hùng, không thể vì giết một người mà mất lòng cả thiên hạ”. (Trích trong Võ đế kỷ — Tam quốc chí)

Kiến An năm thứ 3, Tào Tháo ở Duyện Châu, trọng dụng Tất Kham, người ở Đông Bình, làm Biệt giá. Khi Tháo viễn chinh đánh Từ Châu, Trương Mạc ở lại làm phản, theo về Lã Bố, bắt lấy mẹ già, anh em, vợ con của Kham. Tháo nói với Kham rằng: “Mẹ già ở chỗ Trương Mạc, ông nên sang đó thì hơn”. Kham dập đầu, quỳ gối, thề không rời đi. Tháo cảm động rơi lệ. Nhưng khi Tháo đi rồi, Kham lại trốn sang chỗ Trương Mạc, không rời từ biệt. Đến khi Lã Bố bị diệt, Kham bị bắt sống. Ai cũng nghĩ rằng phen này Tất Kham chết chắc. Không ngờ Tào Tháo chỉ nói một câu: “Người có hiếu với cha

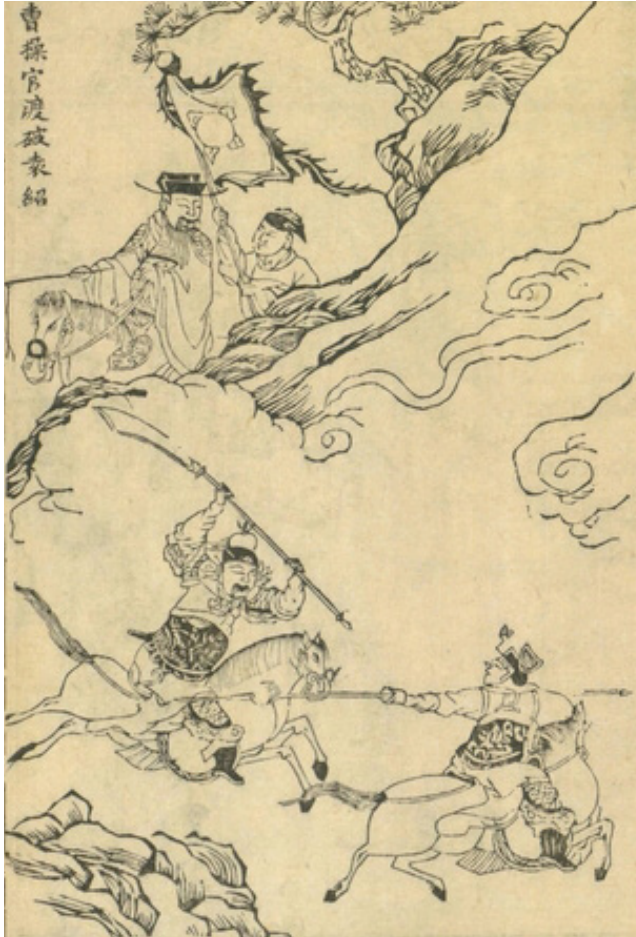
mẹ như thế, há lại chẳng trung với vua hay sao?”, bèn tha chết cho Kham, lại còn phong làm Lỗ tướng.

Ngụy Chung vốn là Hiếu liêm được Tào Tháo đề cử. Khi Trương Mạc công hãm Duyệt Châu, Tào Tháo nói với chư tướng rằng: “Ngụy Chung tất không bán đứng ta”. Nào ngờ, Ngụy Chung lại mau chóng đầu hàng. Đến khi đánh bại Trương Mạc, Ngụy Chung bị bắt, Tào Tháo cũng không giết ông ta, chỉ nói: “Hắn cũng là một bậc kỳ tài, hãy cởi trói để sau này dùng đến”. Dương Phụ nói Tào Tháo “có thể sử dụng được người ngoài”, trích trong (Dương Phụ truyện — Tam quốc chí)

Dương Phụ sớm nổi danh, được làm Lương Châu tòng sự. Châu mục Lương Châu là Vi Doan chọn Phụ làm sứ giả đến Hứa Đô. Phụ trở về, chư tướng Quan Hữu hỏi tình hình tương quan lực lượng giữa Viên Thiệu và Tào Tháo. Phụ nhận định rằng Tào Tháo hùng tài dũng lược hơn người, có thể thành đại sự. Viên Thiệu bấy giờ tuy mạnh nhưng ắt bại. Nghe Phụ nói vậy, chư tướng Quan Hữu quyết định đứng ở thế trung lập, không can thiệp vào cuộc chiến Viên – Tào. Tào Tháo sử dụng Vệ Ký trấn giữ Quan trung.

Tháng 8 năm Kiến An năm thứ 4 (tức công nguyên năm 199), Tào Tháo tiến quân đến Lê Dương. Thái thú Đông Quận là Lưu Diên đóng quân ở Bạch Mã, chuẩn bị chống lại quân Viên Thiệu. Tháng 9, Tháo về Hứa Đô, chia binh giữ Quan Độ. Bấy giờ, Viên Thiệu từng phái sứ giả đến Nhượng Thành thuyết phục Trương Tú cùng dấy binh giáp công Tào Tháo. Mưu sĩ của Trương Tú là Giả Hủ can ngăn, khuyên Tú nên hàng Tào. Trương Tú sợ Tào Tháo vẫn nhớ mối thù giết con mà không dung mình nên dùng dằng chưa quyết. Giả Hủ cho rằng Tào

Tháo có chí bá vương, sẽ gạt bỏ oán thù riêng mà tỏ rõ uy đức với bốn biển. Tháng 11, Tú đem quân bản bộ đến hàng Tào. Tào Tháo rất vui mừng, bèn mở yến tiệc, còn bái Tú làm Dương Vũ tướng quân, tước Liệt hầu.



Hình minh họa Tào Tháo đại phá quân Viên Thiệu ở Quan Độ , xuất bản vào đầu triều đại nhà Thanh (Tam quốc chí, bản cất giữ của Đại Khôi Đường) (Ảnh: Phạm vi công cộng)

Tháng Giêng năm Kiến An năm thứ 5 (tức công nguyên năm 200), Xa kỵ tướng quân Đổng Thừa liên thủ với Lưu Bị mưu ám sát Tào Tháo. Nhưng chuyện mau chóng bại lộ, Đổng Thừa bị Tháo giết. Lưu Bị vội vã trốn khỏi Hứa Đô, sau lừa mưu giết Thứ sử Từ Châu Xa Trụ, liên thủ cùng Viên Thiệu kháng Tào. Tào Tháo đột ngột phát một đạo kỳ binh tinh nhuệ tiến sang phía đông công phá Từ Châu, đánh bại Lưu Bị. Bị lại chạy sang nương nhờ Viên Thiệu. Tào Tháo lại đánh Hạ Bì, Quan Vũ xin hàng. Tháo đả Quan Vũ vào hàng thượng khách, ban tặng bạc vàng, châu báu, mỹ nữ, ngựa quý, rất là hậu hĩnh. Sau đó, Tào Tháo rút quân về Quan Độ.

Tháng 2, Viên Thiệu sai Trần Lâm viết hịch văn thảo phạt Tào Tháo, bố cáo khắp thiên hạ, lại phái Nhan Lương vây đánh Bạch Mã, còn tự mình thống suất đại quân đến Lê Dương chuẩn bị vượt sông. Tháng 4, mưu sĩ của Tào Tháo là Tuân Du bày kế: “Nay ta binh ít, chưa nên trực diện đối đầu, phải dùng kế chia bớt lực lượng của Thiệu mới được. Minh công dẫn quân đến Diên Tân làm nghi binh rồi quay trở lại đánh úp Bạch Mã mới là thượng sách”. Tháo nghe lời Tuân Du, dẫn binh đến Diên Tân giả bộ định vượt sông đánh vào mặt sau Viên Thiệu. Thiệu thấy vậy liền vội vã chia binh ra giữ Diên Tân. Lúc ấy, Tháo bất ngờ tiến thẳng đến Bạch Mã tập kích. Nhan Lương bị Quan Vũ chém chết. Tào Tháo chỉ huy đại quân liều chết xung phong, quân Thiệu thua chạy tán loạn. Bạch Mã nhờ đó được giải vây. Tào Tháo lại dời hết dân ở đó, men sông đi về phía tây. Thiệu dẫn quân vượt sông truy kích. Tới phía nam Diên Tân, Tháo cho quân sĩ hạ trại, lại lệnh kỵ binh cởi yên thả ngựa, đem quân nhu vớt đầy mặt đất, một mặt gấp rút vận

chuyển xe truy trọng từ Bạch Mã đến. Các tướng đều ngờ ngạc không hiểu gì, khuyên Tháo nên lui binh về cố thủ giữ trại. Chỉ có Tuân Du hiểu ý Tháo, nói: “Đây là kế nhử địch, hà có gì lại phải lui về?”. Văn Xú và Lưu Bị dẫn 5000 kỵ binh đuổi gấp tới. Quân Viên Thiệu thấy khí giới, quân nhu la liệt mặt đất bèn tranh nhau xuống ngựa, đội hình hỗn loạn không còn thể trận gì. Bấy giờ Tào Tháo mới điểm 500 quân kỵ mã thừa cơ đột kích đánh úp. Quân Viên Thiệu thua chạy tán loạn, Văn Xú chết trong đám loạn quân. Tào Tháo lại về giữ Quan Độ. Viên Thiệu tiến quân đến Dương Vũ.

Lại nói, Quan Vũ lập công được Tào Tháo xin Hán đế phong làm Hán Thọ Đình hầu, trọng thưởng rất hậu. Nhưng khi ấy, Vũ nghe được tin Lưu Bị đang nương nhờ Viên Thiệu thì lập tức lạy tạ Tào Tháo, rũ áo ra đi. Tả hữu đều xin đuổi theo bắt Quan Vũ, Tháo gạt đi nói rằng: “Ai thờ chủ nấy, khỏi phải đuổi theo làm gì!”. Tào Tháo khoan dung, độ lượng như vậy, thực đã diễn một chữ “Nghĩa” đầy cảm khái. Chỉ cần Tào Tháo hạ lệnh, tất cả quan ả đất Ngụy đều sẽ khóa kín, Quan Vũ có mọc cánh cũng khó đi qua, càng không nói đến chuyện qua 5 ải, chém 6 tướng, hộ tống 2 chị dâu vượt nghìn dặm về với Lưu Bị. Nhưng Tháo đã không làm, chấp nhận mất đi một nghĩa sĩ mà mình hết lòng ái mộ, chấp nhận vì nghĩa thả Quan Vũ. Mà Quan Vũ về đâu? Chính là về dưới trướng Viên Thiệu, địch thủ số một của Tào Tháo. Nhưng vì nghĩa, Tháo sẵn sàng bỏ qua tất cả, cùng Quan Vũ diễn nên một màn kịch lưu danh thiên cổ. Nếu không có tấm lòng đại nghĩa của Tào Tháo thì ba anh em Lưu, Quan, Trương làm sao có thể diễn trọn



Tranh tại hành lang Di Hòa Viên ở Bắc Kinh – Quan Vân Trường một mình cưỡi ngựa đi ngàn dặm (Ảnh: Shizhao/Wikimedia Commons)

ven mỗi tình kết nghĩa vườn đào được hậu thế nghìn đời ca tụng đây?

Tháng 8, Viên Thiệu tiến quân sát Quan Độ lập trại nối nhau liên tiếp, dựa vào gò đất làm doanh, đông tây kéo dài đến mấy chục dặm. Tào Tháo cũng chia quân dựng trại đối địch. Quân Viên đắp núi đất, đứng trên đó mà bắn tên vào trại Tào. Quân Tào lại chế ra xe bắn đá, nhằm vào các cao điểm của quân Viên mà bắn phá. Quân Viên đào địa đạo, hầm ngầm vào định đánh úp. Quân Tào bên trong lại đào hào lớn mà chống đỡ. Hai bên cứ giằng co bất phân thắng bại như thế. Nhưng Tào Tháo binh yếu lương thiếu, tình cảnh ngày càng nguy nan, quân sĩ bị thương có đến hai, ba phần mười. Bấy giờ, Tháo viết thư gửi mưu sĩ Tuân Úc, nói rằng muốn rút về Hứa Đô. Nhưng Tuân Úc nhất mực can ngăn, nói: “Tất cả quân Thiệu đều ở Quan Độ, quyết sống mái với mình công. Minh công lấy ít địch nhiều, dựa vào thế hiểm, chẹn ở yết hầu khiến Thiệu không tài nào tiến được, nay đã nửa năm. Tình thế đến cùng cực ắt là có biến, đây là lúc dùng binh, không thể thoái lui” (Trích

trong Ngụy thư — Tam quốc chí). Tháo bèn nghe theo, quyết chống giữ với Thiệu, không rút về nữa.

Bấy giờ, Tôn Sách ở phía nam ra sức bình định chư hầu, thế mạnh như gió thổi cỏ rạp, xưng bá khắp cả một vùng Giang Đông. Khi Tào Tháo cùng Viên Thiệu chống giữ nhau ở Quan Độ, Sách muốn đem quân tập kích Hứa Đô. Trong trại quân Tào, ai nấy nghe tin đều vô cùng hoảng sợ. Duy chỉ có Quách Gia vẫn thản nhiên như thường, cho rằng Tôn Sách tính khí nóng nảy, tự phụ, bất cẩn, rồi sẽ chết về tay thích khách. Quả nhiên sau này Tôn Sách bị môn khách của Hứa Cống báo thù, trúng phải tên độc, chẳng bao lâu thì chết. Hứa Đô lại được bình yên vô sự.

Tháng 10, Viên Thiệu sai Đại tướng Thuần Vu Quỳnh dẫn 1 vạn quân tải lương về trữ ở kho Ô Sào, cách đại doanh quân Viên 40 dặm về phía bắc. Mưu sĩ là Thư Thụ khuyên Viên Thiệu nên gia tăng binh mã phòng thủ Ô Sào cẩn mật. Thiệu nghe nói chỉ ừ hử cho qua chuyện. Một mưu sĩ khác là Hứa Du lại khuyên Thiệu nên thừa dịp quân Tào hậu phương trống trải mà tiến thẳng đến đánh úp Hứa Đô. Nhưng Thiệu không đồng ý, cho là kế mọn. Hứa Du giận, bèn hàng Tào. Tào Tháo nghe Hứa Du đến thì “chân không chạy ra đón, thấy Du từ xa, vỗ tay cười lớn”. Tào Tháo theo kế của Hứa Du, tự mình dẫn 5000 tinh binh ban đêm đánh úp kho Ô Sào, bốn mặt phóng hỏa. Trương Cáp muốn xuất quân cứu Ô Sào. Viên Thiệu gạt đi, cho rằng thượng sách lúc này phải là công phá trại Tào vì Tào Tháo đã xuất trại rời đi. Thiệu bèn sai Trương Cáp, Cao Lãm dẫn trọng binh đến thẳng Tào doanh đánh úp. Nhưng quân Tào đã sớm có phòng bị, trên dưới thủ vững, không sao hạ

nổi. Tào Tháo khích lệ quân sĩ tử chiến, đại phá kho Ô Sào, giết Thuần Vu Quỳnh, đốt cháy toàn bộ lương thực của Viên Thiệu. Nghe tin Ô Sào thất thủ, quân Viên mất hết ý chí chiến đấu, Trương Cáp, Cao Lãm chạy sang hàng Tào. Đại quân Viên Thiệu phút chốc tan vỡ. Thiệu cùng con là Đàm dẫn 800 kỵ binh vượt sông rút chạy về Hà Bắc. Bảy vạn quân sĩ đều bị tiêu diệt sạch. Nhiều quận ở Ký Châu tới tấp hàng Tào. Cuộc chiến Quan Độ



Tranh minh họa Tam Quốc Chí, Tào Tháo đốt lương thảo Ô Sào, Tào Tháo chiếm kho lương phá Nguyên Thiệu, ấn bản lưu giữ của Đại Khôi Đường, thời đầu nhà Thanh (Ảnh: lĩnh vực công cộng)

lấy ít địch mạnh của Tào Tháo đã đi vào kinh điển của binh gia, lưu danh muôn đời.

Lúc Tào Tháo gặp nguy khốn, rơi vào cảnh hiềm nghèo ở Quan Độ, thủ hạ dưới trướng không ít người dao động, có thư từ qua lại với Viên Thiệu, ngó ý muốn bỏ Tào hàng Viên. Sau Tháo thắng trận, tất cả thư từ ấy đều thu được. Có người khuyên Tháo nên lập ra danh sách những người từng giao du với Thiệu để trị tội. Tháo cười mà nói: “Khi thế Thiệu mạnh, bản thân ta cũng còn nghi hoặc không biết có thể chống đỡ được không huống chi là chư khanh dưới trướng”. Đoạn, Tháo bèn lệnh cho quân sĩ cầm đuốc thiêu hết đồng thư từ ấy đi ngay trước mặt bá quan văn võ. Chẳng kể hiềm khích, tư thù, oán hận, Tào Tháo là như vậy, luôn lấy đại nghĩa quốc gia làm trọng. Tấm lòng ấy của bậc anh hùng đúng là không thể dùng đạo lý bình thường mà đo lường được, khiến cho cả kẻ thù lẫn thuộc hạ của Tháo đều vô cùng kinh ngạc, tâm phục khẩu phục.

Khi trước, thời vua Hoàn đế thấy có sao Hoàng xuất hiện ở địa phận biên giới đất Sở – Tống. Người ở Liêu Đông là Ân Quý giỏi nghề thiên văn, xem thiên tượng đoán rằng sau 50 năm nữa sẽ có bậc chân nhân nổi lên ở khoảng giữa đất Lương, đất Bái, khí thế không thể ngăn nổi. Đúng 50 năm sau, Tào Tháo phá Viên Thiệu ở Quan Độ, thiên hạ chẳng ai địch nổi, vừa hợp với điềm báo khi trước vậy.

Tháng 9, Tào Tháo về Hứa Đô. Viên Thiệu quay về Hà Bắc thu thập sĩ tốt ly tán, sai Lưu Bị đánh Nhữ Nam. Khi ấy có lũ giặc cỏ ở Nhữ Nam là Cung Đô cũng theo Lưu Bị đánh phá. Tháo sai Sái Dương đến cự lại nhưng thất thế, bị Cung Đô phá tan. Tào Tháo lập tức lên đường xuống phía nam chinh phạt Lưu Bị. Bị nghe tin Tháo đích thân dẫn quân đến liền chạy sang nương

nhờ Lưu Biểu, bọn Cung Đô đều bị Tháo dẹp tan cả. Lưu Biểu khi ấy ngồi giữ Kinh Châu, nghe tin Lưu Bị đến, tự mình xuất thành nghênh đón, lấy lễ của thượng khách mà đãi, cấp cho quân đội, sai ra trấn thủ ở Tân Dã.

Tháng Giêng năm Kiến An năm thứ 7 (tức công nguyên năm 202), Tào Tháo dẫn quân đến đất Tiều, vốn là quê cũ, thấy trăm họ khổ cực, sinh linh đồ thán, ruộng đất hoang phế, trăm nghề đình đốn, bèn lệnh rằng: “Ta khởi nghĩa binh, vì thiên hạ trừ bạo loạn. Nhưng bách tính quê nhà phải chịu cảnh chết chóc, xiêu tán. Đi lại cả ngày, chẳng gặp người quen, lòng ta sầu thảm vô cùng. Từ khi ta cất nghĩa binh đến nay, tướng sĩ có người tuyệt đường kế tự, phải tìm lấy kẻ thân thích mà làm người nối dõi. Nay ta cấp cho ruộng đất, trâu cày, đặt ra trường học để dạy dỗ họ. Lại cho lập đền miếu, để họ được tế tự bậc tiền nhân, hồn thiêng có linh, trăm năm sau ta cũng không còn phải oán hận gì nữa”.

Tào Tháo lại đến huyện Tuấn (Hà Nam ngày nay) bày sửa lễ nghi, khai một con kênh Dương Cự. Tháo bắt giặc nhớ lại chuyện cũ về Thái úy Kiêu Huyền năm đó. Kiêu Huyền vốn là bạn vong niên với Tháo, có tài nhìn ra anh hùng, thường nói: “Thiên hạ tất loạn, không có cái tài cái thế thì không trị được. Người dẹp yên thiên hạ tất là anh vậy”. Kiêu Huyền còn nhắn nhủ, giao lại vợ con cho Tháo trông nom sau này. Tháo sai làm cỗ thái lao để tế Kiêu Huyền, tự tay viết văn tế.

Đại ý của bài văn tế là: “Nhớ Thái úy Kiêu công, chí đức rạng ngời, rộng rãi với người, có bụng bao dung. Người trong nước nhớ lời minh huấn, kẻ sĩ ngấm chính lệnh mưu sâu. Dù thân thể không còn, anh linh vẫn phảng phất. Bao la thay, rạng rỡ thay! Ta còn nhỏ tuổi,

kip được ngài dạy dỗ chu toàn. Ta thiên bẩm tầm tối ương gàn, nhờ được bậc quân tử thu nạp bao dung. Mỗi khi ta tiến bộ, đều được ngài ngợi khen, như Trọng Ni thẹn mình không bằng được Nhan Uyên, hay Giả Phục từng xưng tụng Lý Sinh ngày trước. Kẻ sĩ chết vì người tri kỷ, ta nhớ mãi lời ấy không quên. Lại nhớ lời ngài thông dong ước hẹn rằng: ‘Sau khi ta chết, về lại lối xưa, không có con gà, chén rượu tưới đất để tế lễ ta, xe qua ba bước, đau bụng chớ trách!’. Dẫu lúc bấy giờ là lời nói đùa, nếu chẳng phải tình chí thân ai lại dùng lời ấy với nhau? Nếu chẳng có lời ngài dặn dò, làm sao ta có thể sửa mình? Tấm lòng thâm trầm, nhớ lại việc xưa. Nay phụng mệnh đông chinh, đóng quân nơi làng cũ, ngoảnh nhìn về mảnh đất cũ phương bắc, tâm tưởng hướng về lăng mộ của ngài. Sắm sửa lễ bạc, mong ngài hưởng dụng!”.

Bài văn tế này tình chân, ý thật, lại có vẻ hài hước, tự trào, càng nổi bật lên cái nghĩa của tình bằng hữu, quả thực là một danh tác của Tào Tháo vậy.

4. Tháo phạt Viên Tử chinh phục Ô Hoàn

Viên Thiệu có người 3 con trai: Đàm, Hy, Thượng. Vợ của Thiệu là Lưu Thị rất quý Thượng, thường khen với Thiệu. Thiệu cũng muốn lập Thượng làm người nối dõi, bèn cử con trưởng Viên Đàm tới trấn giữ Thanh Châu. Mưu sĩ là Thư Thụ can gián nhưng Thiệu cũng bỏ ngoài tai, chỉ nói: “Ta lệnh cho các con mỗi đứa giữ một châu quận để coi tài năng của chúng ra sao”. Bởi thế, Thiệu phong con thứ hai Viên Hy làm Thứ sử U Châu, lại cho cháu ngoại là Cao Cán làm Thứ sử Tinh Châu.

Mùa Thu, tháng 9, Tào Tháo qua sông đánh Viên Đàm. Đàm cho người về cấp báo với Viên Thượng. Thượng để Thẩm Phối ở lại giữ Nghiệp Thành, thân chinh dẫn quân đi giúp Đàm, cùng đánh Tào Tháo. Đàm, Thượng liên hợp, cuối cùng vẫn bị đánh bại, phải lui binh cố thủ.

Tháng 2, Kiến An năm thứ 8 (tức năm 203), Tào Tháo tấn công Lê Dương, cùng hai anh em Viên Đàm, Viên Thượng đánh nhau dưới thành. Đàm, Thượng lại thua, buộc phải bỏ chạy, trở về Nghiệp Thành. Mùa Hạ, tháng 4, Tào Tháo truy đuổi anh em họ Viên đến tận Nghiệp Thành, cho quân sĩ gặt hết lúa mạch. Chư tướng thúc giục Tào Tháo thừa thắng công phá Nghiệp Thành nhưng Quách Gia hiến kế rằng: “Thiệu yêu quý hai đứa con này lắm, không biết nên lập đứa nào. Giờ quyền chúng ngang nhau, đều có thủ hạ dưới trướng phụ giúp, tất sẽ có lúc giao tranh. Nếu ta đánh gấp, chúng sẽ bảo vệ lẫn nhau, còn nếu trì hoãn thì chúng ắt nảy lòng tranh đoạt. Nay không gì bằng mình công xuôi về nam đến Kinh Châu, vờ đánh Lưu Biểu, đợi chúng sinh biến, lúc ấy bất ngờ tập kích, chỉ một trận là định được”. Tháo khen kế ấy hay, bèn làm theo. Tháng 5, Tháo về Hứa Đô, để Giả Tín ở lại Lê Dương, mặc cho Viên Đàm, Viên Thượng tự đánh lẫn nhau.

Tháng 8, Tào Tháo xuất quân đánh tiếng chinh phạt Lưu Biểu, tiến ra Tây Bình. Quả nhiên Viên Thượng đem quân đại phá Viên Đàm. Đàm chạy đến huyện Bình Nguyên, cố thủ trong thành. Thượng vây thành đánh gấp. Đàm túng thế, bèn cử Tân Tử đến ra mắt Tào Tháo, ngỏ ý xin hàng, mong được cứu viện. Chư tướng nghi đó là gian kế, thuộc hạ phần đông đều cho rằng Lưu

Biểu hùng mạnh cần phải đánh trước, còn Viên Đàm, Viên Thượng chưa cần lo lắng. Duy chỉ có mưu sĩ Tuân Du có cái nhìn khác, khuyên Tào Tháo rằng: “Lúc này, thiên hạ đang có nhiều việc, thế mà Lưu Biểu ngồi giữ Giang, Hán, có thể thấy y không có chí tiến thủ bốn phương vậy. Họ Viên chiếm giữ đất đai 4 châu, giáp sĩ chực vạ, Thiệu lại lấy khoan hòa mà thu phục lòng người. Giả sử hai con Viên Thiệu anh em hòa mục, cùng giữ Nghiệp Thành thì ắt việc lớn thiên hạ khó mà xong được. Nay anh em chúng ghét bỏ nhau, ấy là cái thế khiến cả hai đều không thể vẹn toàn vậy. Nếu để chúng hợp lực lại thì càng khó mà đồ được. Nhân lúc chúng loạn, ta ra tay trước, thiên hạ ắt định. Cơ hội lần này không thể lỡ mất”. Tào Tháo cho là đúng, bèn nói: “Ta đánh Lã Bố, Biểu không vào cướp. Đánh nhau ở Quan Độ, Biểu cũng chẳng cứu Thiệu, ấy là tên giặc chỉ biết tự giữ mình, nên diệt trừ sau. Đàm, Thượng giáo hoạt, lại đang tranh nhau, trong ngoài đều loạn. Túng thế, Đàm mới hàng ta, chẳng qua là thế cùng bó tay vậy. Giả sử ta phá được Thượng, thu lấy đất đai, cũng nhiều điều lợi”. Bởi thế, Tào Tháo quyết định ứng cứu Viên Đàm.

Tân Tỉ, khi ấy cũng khuyên Tào Tháo rằng: “Lấy uy đức của mình công mà đánh kẻ địch khốn cùng, diệt lũ giặc tàn kiệt quệ thì chẳng khác nào cái thế gió lốc quét lá vàng mùa Thu. Nay nhân lúc Đàm cầu cứu, mình công thuận tay mang quân đánh thẳng Nghiệp Quận thì ắt là bình định được Hà Bắc. Hà Bắc định rồi thì mình công tất dựng được bá nghiệp vậy”. Tào Tháo khen là phải, hết sức tán dương, bèn theo kế đó.

Mùa Đông, tháng 10, Tào Tháo dẫn quân đến Lê Dương, cho con trai là Tào Chỉnh kết hôn ước với con

gái của Viên Đàm. Viên Thượng nghe tin, bèn rời Bình Nguyên, trở về Nghiệp Quận. Bấy giờ, Lã Khoáng, Lã Tường ở Đông Bình phản Thượng, mang quân đến Dương Bình hàng Tào, được phong làm Liệt hầu. Viên Đàm nhân đó được giải vây, bèn ngầm lấy ấn thụ Tướng quân đưa cho Khoáng. Khoáng nhận lấy ấn lại đưa cho Tào Tháo. Tháo nói: “Ta luôn biết Đàm có bụng toan tính. Hẳn muốn ta đánh Thượng để được nhân rồi lấy dân tụ quân. Nếu Thượng bị phá, hẳn sẽ tự cường, thừa cơ làm khó ta. Nhưng Thượng thua ta mạnh, Đàm có thể làm khó ta được sao?”. Mưu mô nhỏ mọn ấy của Viên Đàm quả thực chỉ là trò con nít trong mắt Tào Tháo.

Năm Kiến An năm thứ 9 (tức năm công nguyên 204) chiến sự liên tiếp nổ ra. Tháng 2, Thượng vây đánh Đàm, để Lưu Do, Thẩm Phối ở nhà giữ Nghiệp Thành. Tào Tháo tiến quân đến Hoàn Thủy, đánh bại Lưu Do. mùa Hạ tháng 4, Tháo đem quân chiếm thành Hàm Đan. Đến tháng 5, Tháo lại về đánh Nghiệp Thành, phá hủy núi đất, địa đạo, đào hào xung quanh dài đến 40 dặm. Tháo lệnh cho quân sĩ đào hào nông, thoát trông có vẻ dễ vượt qua để nhử quân trong thành đánh ra. Thẩm Phối lên lầu nhìn thấy chỉ cười lớn, đóng chặt cửa thành, quyết không tiến ra. Tháo lại cho dẫn nước sông Chương chảy vào ngập thành. Người trong thành chết đói quá nửa. Mùa Thu, tháng 7, Viên Thượng mang quân trở về cứu Nghiệp Thành. Chư tướng đều khuyên rằng: “Lần này hẳn về, ắt sẽ tử chiến, nên tránh thì hơn”. Tào Tháo cười nói: “Nếu Thượng đến bằng đường lớn thì nên tránh đi. Nhược bằng hẳn theo đường phía tây núi thì ắt bị ta bắt được”. Quả nhiên, Viên Thượng vì sợ đường lớn có mai phục bèn chọn

đi đường núi, tới ngay Phũ Thủy lập trại. Tối hôm đó, Thượng dẫn quân đánh úp trại Tào nhưng bị Tào Tháo đón lõng phá tan, lại vây chặt trại của Thượng. Không hợp binh với quân trong thành được, Thượng bèn sai Thứ sử Dự Châu ngày trước là Âm Quỳ cùng Trần Lâm đến xin hàng. Nhưng Tháo không cho, lại càng vây gấp. Viên Thượng bỏ chạy trong đêm, ra giữ Kỳ Sơn. Tháo lại truy kích, thu được rất nhiều quân nhu, vũ khí, lại lấy được cả ấn thụ tiết việt của Thượng. Nghe được tin ấy, người trong Nghiệp Thành ý chí đều tan vỡ cả. Tháng 8, cháu của Thẩm Phối là Thẩm Vinh đang đêm mở cửa thành Đông môn rước quân ngoài vào. Thẩm Phối đón đánh, thua, bị bắt sống. Tháo sai chém đầu. Nghiệp Thành bình định.

Thời niên thiếu, Tào Tháo quen biết Viên Thiệu, sau đó cả hai cùng dấy binh trừ diệt Đổng Trác. Lúc này tình bạn cũ đã âm dương đôi đường cách biệt, Tào Tháo cảm khái, tự mình đến trước mộ Thiệu tế lễ người bạn cũ, đồng thời là địch thủ lớn nhất đời binh nghiệp. Tào Tháo vừa đọc văn tế, vừa khóc lóc thảm thương, tình cảm rung động cả trời đất. Tháo lại an ủi vợ Thiệu, trả lại bảo vật cho người nhà, lại ban cho các đồ vải lụa, bông mềm, cấp thêm lương thực. Đối với địch thủ cũ, Tào Tháo vẫn giữ được chữ “Nghĩa” ngời sáng như thế, tuyệt nhiên không vì ân oán cá nhân mà thù hận, sân hận, chỉ là thuận theo ý Trời đành phải diễn nghĩa mà thôi.

Tháng 9, Tào Tháo hạ lệnh: “Hà Bắc mắc nạn họ Viên, vậy nên lệnh cho năm nay không phải nộp tô thuế nữa”. Tháo lại chiếu theo phép công, trừng phạt những kẻ cường hào, trăm họ vì thế vui sướng, cảm tạ

ân đức. Thiên tử để Tháo lĩnh chức Ký Châu mục. Tháo lại khiêm nhường, giao trả lại đất Duyện Châu cho triều đình. Khi ấy Quách Gia khuyên Tào Tháo tuyển chọn nhân tài, danh sĩ của 4 châu Thanh, Ký, U, Tinh về giúp việc để quy thuận lòng người. Tháo đồng ý, bèn làm theo ngay.

Năm Kiến An thứ 10 (tức công nguyên năm 205), mùa xuân tháng Giêng, Tào Tháo tiến đánh Viên Đàm, kịch chiến từ sáng đến trưa nhưng không phá được. Tháo bèn tự mình cầm dùi đánh trống, cổ vũ sĩ khí. Sĩ



Tào Tháo quyết dẫn nước dìm ngập Ký Châu, Tào Tháo dẫn binh lấy Hồ Quan, tập san “Tam quốc chí” (bản lưu giữ của Đại Khôi Đường) thời đầu nhà Thanh, Tranh minh họa. (Ảnh: Phạm vi công cộng)

tốt phần chấn, lập tức phá thành, trăm Viên Đàm cùng cả vợ con. Ký Châu từ đây bình định.

Tào Tháo hạ lệnh: “Những kẻ cùng họ Viên làm điều ác cho phép hối cải”. Tấm lòng Tào Tháo thực bao dung, luôn cho kẻ thù một cơ hội, một đường lùi. Ông lại lệnh cho dân chúng không được trả thù riêng, nghiêm cấm ma chay linh đình, tất cả phải chiếu theo phép nước. Tháng ấy, đại tướng của Viên Hy là Tiêu Xúc, Trương Nam làm phản, mang quân đánh Viên Hy, Viên Thượng. Hy, Thượng lại trốn sang Tam Quận, Ô Hoàn.

Năm Kiến An thứ 11 (tức công nguyên năm 206), mùa xuân tháng Giêng, Tào Tháo đánh Cao Cán (cháu ngoại Viên Thiệu, Nguyên trước kia khi Tào Tháo bình định Nghiệp Quận, Cán đã xin hàng, được phong làm Thứ sử. Sau Cán nghe tin Tào Tháo mang quân chinh phạt Ô Hoàn bèn làm phản ở trong châu). Cao Cán nghe Tào Tháo thân chinh đến đánh thì sợ hãi, để biệt tướng ở lại thủ thành, chạy sang nương nhờ Hung Nô, cầu cứu Thiên Vu. Thiên Vu không chịu giúp. Tào Tháo vây ải Hồ Quan suốt 3 tháng ròng, và đã phá được thành. Cuộc chiến này quả là vô cùng gian khổ, Tào Tháo liền làm bài “Khổ hàn hành” để ghi nhớ lại:

“Khổ hàn hành”

*Bắc thượng Thái Hành sơn, gian tai hà nguy nguy!
Dương trường bang cật khuất, xa luân vị chi thôi
Thụ mộc hà tiêu sắt, bắc phong thanh chính bi
Hùng bi đối ngã tôn, hổ báo hiệp lộ đề
Khê cốc thiếu nhân dân, tuyết lạc hà phi phi
Diên cảnh trường thán tức, viễn hành đa sở hoài*

*Ngã tâm hà phí uất? Tư dục nhất Đông quy
Thủy thâm kiều lương tuyết, trung lộ chính bồi hồi
Mê hoặc thất cố lộ, bạc mộ vô túc lâu
Hành hành nhật dĩ viễn, nhân mã đồng thời cơ
Đảm nang hành thủ tâm, phủ băng trì tác my
Bi bỉ “Đông Sơn” thi, du du lệnh ngã ai!*

Dịch nghĩa:

*Xuôi miền Bắc vượt lên núi Thái Hành, cao chót vót thật
là gian nguy!
Đường đi trên dốc núi quanh co như ruột dê. Bánh xe
muốn gãy đổ.
Cây cối hiu hắt buồn bã làm sao! Nghe gió bắc thổi thật
sầu nào.
Beo gấu ngồi xồm trước mặt. Hồ báo kêu gào ở giữa
đường.
Khe vực không có người dân nào ở. Mưa tuyết rơi mịt mù.
Dài cổ kêu than cực khổ. Viễn chinh chất ngất nhiều nỗi.
Tâm can u uất nghẹn ngào. Muốn trở về miền Đông ngay.
Nước sâu cầu lại gãy. Đường chính đi quanh co.
Mê hoặc lạc mất đường. Trời chiều không biết ở lại đâu.
Ngày ngày đi mãi xa xôi rông rã. Người ngựa đói meo.
Lấy đòn gánh làm củi. Đập băng để nấu cháo ăn.
Bi phần quá làm thơ Đông Sơn. Nỗi buồn này dài dằng
dặc!*

Câu thơ chất phác, không màu mè nhưng giọng thơ thì đầy khí lực, miêu tả những cảnh tượng vô cùng tráng lệ, gió tuyết đan xen trên đường chinh phạt, đồ ăn thức uống kham khổ, thực là sầu thảm muôn phần.

Năm Kiến An thứ 12 (tức công nguyên năm 207), tháng 2, Tào Tháo từ đất Hung Nô trở về Nghiệp Thành, lệnh rằng: “Ta khởi nghĩa binh diệt trừ bạo loạn, đến nay trải 19 năm, đánh đâu thắng đó, há phải công lao riêng mình? Đó thấy đều là sức lực của các bậc hiền sĩ đại phu vậy. Nay thiên hạ vẫn còn chưa yên, ta đang muốn cùng hiền sĩ đại phu hợp sức bình định, nếu hưởng công lao một mình, sao ta có thể yên lòng? Vậy gấp rút định công, phong thưởng cho những người ấy”. Tháo bèn phong thưởng rất hậu cho hơn 20 người, tất cả đều được làm Liệt hầu. Những người còn lại cũng theo thứ bậc mà nhận thưởng, thụ phong. Ngay cả đến con cô của những binh tướng tử trận vì việc công cũng được ban ân nặng nhẹ khác nhau, chẳng hề sơ suất. Tháo lại dâng biểu lên Hán đế xin phong cho Tuân Úc làm Vạn Tuế đình hầu, tháng 3 lại cấp phong cho Tuân Úc 1,000 hộ.

Tào Tháo quyết ý dẫn quân Bắc tiến chinh phạt Ô Hoàn. Chư tướng đều can: “Viên Thượng chẳng qua chỉ là tên giặc mất nước, Ô Hoàn tham lam chẳng kể tình thân, chắc gì đã để cho Thượng sai khiến? Nay mình công vào sâu đất giặc, Lưu Bị tất xui Lưu Biểu tập kích Hứa Đô. Vạn nhất có biến, hối hận sao kịp”. Duy chỉ có Quách Gia lúc đó đoán rằng Lưu Biểu sẽ không nghe theo Lưu Bị, khuyên Tào Tháo đánh Ô Hoàn gấp, không phải lo lắng. Gia nói: “Minh công tuy uy chấn thiên hạ nhưng người Hồ ở xa, cậy thế đất hiểm trở, tất không có phòng bị. Nhân khi chúng lơ lửng, ta bất ngờ tập kích mau lẹ thì chắc phá được. Vả lại Viên Thiệu có ơn với dân Ô Hoàn, mà anh em Hy, Thượng hãy còn sống. Nay dân ở 4 châu sợ uy ta mà nương dựa, chứ ân đức

chưa rủ đến. Nếu mình công bỏ về đánh phương Nam, Thượng dựa vào người Ô Hoàn, chiêu tập bầy tôi của chủ đã chết. Người Hồ nhất loạt nổi dậy, dân Di cũng hưởng ứng, Đạp Đốn ắt là sinh lòng dòm ngó, e rằng đất Thanh, Ký sẽ không còn là của ta nữa. Còn như Biểu chỉ ngồi nói chuyện suông với khách mà thôi, tự biết tài không đủ để chế ngự Bì, dùng vào việc lớn thì sợ không kiềm chế được, dùng vào việc nhỏ thì Bì không chịu làm. Dẫu có bỏ trống nước nhà mà viễn chinh, mình công cũng chẳng phải lo nghĩ gì vậy”. Tào Tháo nghe lời Quách Gia, bỏ trống cả hậu phương, toàn lực tiến đánh Ô Hoàn.

Người Hồ trời sinh vốn tính kiêu căng, nguyên là hậu duệ của Hiên Viên Hoàng Đế, là con dân Hoa Hạ nhưng rời bỏ Trung Nguyên, thành dân du mục. Người Hồ với mảnh đất Trung thổ Thần Châu quả thực có mối quan hệ dây mơ rễ má phức tạp. Họ cùng với các bộ tộc sống xung quanh mảnh đất Trung Nguyên cũng đều là con dân Hoa Hạ cả, bởi thế luôn được các bậc anh hùng thiên cổ xem trọng, chiếu cố. Qua từng triều đại, các anh hùng thiên cổ luôn cố gắng truyền bá văn hóa Thần truyền cho họ, hoặc thông qua chiến tranh, hoặc thông qua giao thương, buôn bán, hoặc là bằng con đường truyền bá tôn giáo cùng các chủng các dạng phương thức khác, nhất tư nhất niệm không quên dùng văn hóa Thần truyền Trung Hoa để giáo hóa họ.

Người Hồ ở phía Bắc Trung Nguyên gọi là Hung Nô. Ở phía Đông, một chi tộc của Hung Nô cũng tự xưng là Đông Hồ. Cuối thời Tần, đầu thời Hán, Mặc Đốn Thiên Vu đánh bại Đông Hồ, dựng thành một đế quốc hùng mạnh, uy hiếp biên cương phía Bắc nhà Hán. Người

Đông Hồ lưu vong, chạy lên phía Bắc, tới núi Tiên Ti và núi Ô Hoàn, lấy những ngọn núi này đặt làm tên gọi cho bộ lạc của mình, từ đó tạo thành tộc người Tiên Ti và Ô Hoàn. Hán Vũ Đế trong những năm niên hiệu Nguyên Thú (tức khoảng những năm 119 TCN) đánh bại quân Hung Nô. Ông cho dời người Ô Hoàn đến 5 quận: Thượng Cốc, Ngự Dương, Hữu Bắc Bình, Liêu Đông và Liêu Tây. Người Ô Hoàn vốn cưỡi ngựa bắn cung giỏi, tìm thảo nguyên làm nơi cư ngụ, lấy lều cỏ mà xây cất nhà, có bệnh thì dùng ngải cứu phơi khô, đốt vào chỗ đau mà trị, hoặc rạch dao lấy máu, hướng về sông núi mà cầu đảo quỷ thần. Họ cũng không có chữ viết, văn tự, mọi thứ đều là truyền miệng, bởi thế hết sức coi trọng lời hứa, đã nói là làm.

Năm Kiến An thứ 12 (tức công nguyên năm 207), tháng 5, Tào Tháo thân chinh dẫn đại quân lên phía Bắc, vào đất Vô Chung (nay là huyện Kế, Thiên Tân). Đến đất Dịch, Quách Gia lại hiến kế với Tào Tháo: “Bình quý thần tốc, nay ngàn dặm đánh dịch, đồ truy trọng nhiều, khó mà tranh lợi, nếu dịch biết được tất có phòng bị. Chẳng bằng bỏ lại truy trọng, xuất đạo khinh binh, đánh úp chỗ dịch không ngờ”. Tào Tháo cho là phải, bèn làm theo kế.

Mùa Thu, tháng 7, có mưa lớn, đường ven biển không đi được, Điền Trù xin làm hướng đạo, Tháo ưng thuận.

Thuở trước đây, Viên Thiệu nhiều lần sai sứ triệu Điền Trù đến Vô Chung, trao cho ấn tướng, lại chiêu an bọn thuộc hạ dưới trướng Trù. Tuy nhiên, Trù đều cự tuyệt. Trù vốn căm phẫn quân Ô Hoàn nhiều lần giết hại quan lại trong bản quận, có ý muốn đánh nhưng

không đủ sức. Sau, Tào Tháo sai sứ đến gặp Trù. Trù bèn sai thuộc hạ tiếp đãi rất hậu. Thuộc hạ thắc mắc: “Xưa Viên công ngưỡng mộ ngài, năm lần cầu kiến, ngài không chịu khuất. Nay sứ của Tào công mới đến một lần, ngài vội vội vàng vàng, sợ chẳng kịp tiếp đón là có gì?”. Trù cười nói: “Đó không phải là chuyện người biết được”.

Khi ấy đang có mưa lớn, bờ biển Tân Hải trũng nước, bùn lầy, không đi lại được. Quân Ô Hoàn lại cố thủ, giữ chặn đường hiểm. Quân của Tào Tháo không thể tiến lên. Tháo lấy làm lo, hỏi kế Điền Trù. Trù nói: “Đường ấy, mùa Hạ, mùa Thu thường có nước, nông không thể chạy xe ngựa, sâu chẳng đi nổi thuyền bè, là nổi khó nhọc từ lâu. Trước kia sở trị của quận Bắc Bình ở Bình Cường, có đường đi thẳng tới Lô Long, thông đến Liễu Thành. Từ năm Kiến Vũ đến nay, đường đất sụt lở ngăn cách, qua hai trăm năm rồi, xem ra chỉ quay lại thì có con đường nhỏ là có thể đi được. Nay tướng giặc thấy đại quân nhất định đi qua Vô Chung, không tiến được mà lui, sẽ nói lỏng không phòng bị. Nếu ta dần dần thu quân về, từ cửa Lô Long vượt ải hiểm Bạch Đàn, ra chỗ đất hoang rộng rãi, đường gần mà tiện lợi, đánh úp chỗ chúng không phòng bị, cái đầu của Đạp Đốn có thể không đánh mà lấy được vậy”. Tào Tháo khen phải, bèn dẫn quân về, rồi khắc chữ lên cây gỗ lớn bên đường, cạnh bờ sông, viết: “Nay giữa hạ nắng nóng, đường tắt không thông, đợi đến tiết thu Đông, sẽ lại tiến quân”. Quân kỵ do thám của Ô Hoàn thấy dòng chữ ấy thì cho rằng quân Tào đã bỏ đi.

Điền Trù dẫn quân ra ải Lô Long, ngoài ải đường đi không thông, bèn đào núi lấp hang suốt hơn 500 dặm,

vượt Bình Cương, áp sát phía Đông của Liễu Thành. Bọn Viên Thượng, Viên Hy cùng Đạp Đốn cũng thống lĩnh mấy vạn kỵ binh chống đỡ quân Tào. Tháng 8, Tháo lên núi Bạch Lang, đột nhiên gặp quân địch. Quân địch rất đông, có tới vạn kỵ binh lục tục kéo nhau đi. Trọng binh của Tào Tháo vẫn ở phía sau, lúc này giáp sĩ không nhiều, tả hữu đều sợ. Tháo bình tĩnh lên cao ngắm nhìn trận địa, thấy quân giặc hàng ngũ lộn xộn, bèn ra lệnh tiến quân đánh gấp, sai Trương Liêu làm tiên phong. Quân Ô Hoàn đại bại, Tháo chém được Đạp Đốn, tàn quân đều xin hàng. Tính chung, cả người Hồ, người Hán ra hàng có đến hơn 20 vạn.

Viên Thượng, Viên Hy dẫn mấy ngàn quân kỵ chạy sang Liêu Đông. Trước, Thái thú Liêu Đông là Công Tôn Khang cậy mình ở xa, có ý không phục. Đến khi Tào Tháo phá Ô Hoàn, tả hữu dưới trướng đều khuyên nên thừa cơ đánh thẳng Liêu Đông, bắt sống anh em Viên Thượng. Tào Tháo nghe nói cười rằng: “Ta đã có kế khiến Công Tôn Khang phải chém đầu Thượng, Hy mà không phải động binh vậy”. Tháng 9, Tào Tháo dẫn binh từ Liễu Thành trở về. Công Tôn Khang quả nhiên liền chém đầu Viên Thượng, Viên Hy, cùng Tốc Bộc Hoàn đem thủ cấp hai anh em đến chỗ Tào Tháo. Chư tướng bản khoăn hỏi: “Minh công rút lui mà Khang lại trảm Thượng, Hy là có làm sao?”. Tào Tháo cười rằng: “Khang vốn sợ bọn Thượng có bụng khác. Nếu ta đánh gấp chúng ắt hợp sức chống lại. Nay ta thông thả thì chúng tự nghi kỵ mà tàn sát lẫn nhau. Ấy là cái lẽ tự nhiên vậy”. Điều đó càng tỏ rõ rằng Tào Tháo liệu sự như Thần, biết mình biết người, bình tĩnh quyết đoán,

chính là nhà quân sự oai phong, lẫm liệt, khí phách trù non sông.

Quách Gia, tuổi vừa 38, từ Liễu Thành về, thân mang trọng bệnh, Tào Tháo thường thăm viếng luôn. Khi Gia chết, Tào Tháo đến viếng tang, đau xót nói với bọn Tuân Du rằng: “Các ông tuổi đều suýt soát cô, duy chỉ có Phụng Hiếu là trẻ nhất. Cô tính xong việc thiên hạ, muốn phó thác về sau, nay đang tuổi tráng niên chẳng may qua đời, đó là số mệnh đã định sao?”. Tào Tháo đau lòng vì mất tri âm, xót thương mà rằng: “Than ôi Phụng Hiếu, cũng là người hiểu cô, người trong thiên hạ ít kẻ tri âm, lòng bao thương tiếc biết phải làm sao! Thương thay Phụng Hiếu! Xót thay Phụng Hiếu! Tiếc thay Phụng Hiếu!”.

Trở về, Tào Tháo tra vấn những người ngày trước can gián việc đánh Ô Hoàn. Chẳng ai biết nguyên do, người người đều kinh sợ. Cuối cùng, Tháo đều thưởng lớn cho họ, nói: “Cô đi lúc trước, thừa nguy mà cầu may, cho dù đắc thắng, là Trời giúp vậy, cho nên không phải sự thường. Các vị can gián là kế vẹn toàn, nên đáng được thưởng, sau này cứ nói chớ e ngại gì!”.

Dẫn quân trở về, Tào Tháo luận công ban thưởng, lấy 500 hộ phong cho Điền Trù làm Đình hầu. Trù nói: “Khi trước, thần vì báo thù cho Lưu Công, mới dẫn người chạy trốn. Nay chí nghĩa không lập được, lại lấy đó làm mối lợi quả là không phải ý nguyện vậy”. Trù mấy lần từ chối, quyết không nhận phong. Tào Tháo biết chí Điền Trù, nên không ép nữa.

Tào Tháo dẫn quân khải hoàn trở về. Tháng 11, đại quân về đến bờ sông Dịch Thủy, Thiên Vu Phổ Phú Lô ở đại quận Ô Hoàn, Thiên Vu Na Lâu ở thượng quận Ô



Tranh Diển Trừ của Cổ Nguyên Tập đời nhà Thanh, khắc bản năm Đạo Quang thứ 10 (Cổ thánh hiền tượng lược truyện). (Phạm vi công cộng)

Hoàn dẫn người đến gặp Tào Tháo, tỏ ý quy phục. Ba quận Ô Hoàn từ đó nhập vào Trung Nguyên. Tào Tháo làm bài “Quy tuy thọ” để ghi lại sự việc này:

Quy tuy thọ

*Thần quy tuy thọ, Do hữu cánh thì.
 Đẳng xà thừa vụ, Chung vi thổ hô.
 Lão ký phục lịch, Chí tại thiên lý.
 Liệt sĩ mộ niên, Tráng tâm bất dĩ.
 Doanh súc chi kỳ, Bất dẫn tại thiên.*

*Dưỡng di chi phúc, Khả đắc vĩnh niên.
Hạnh thậm chí tai, Ca dĩ vịnh chí.*

Dịch nghĩa:

*Thần quy tuy thọ, nhưng cũng đến lúc tử vong
Đặng xà tuy có thể cưỡi mây lướt gió, nhưng cũng có
ngày trở thành tro bụi
Ngựa kí tuy nằm trong chuồng, nhưng chí nơi ngàn dặm
Người có hoài bão to lớn tuy đã già, nhưng hùng tâm
tráng chí không suy giảm
Thọ mạng ngắn dài, không chỉ do trời
Biết dụng tâm điều dưỡng mới có thể kéo dài tuổi thọ
May mắn thay, viết bài ca này để vịnh chí.*

Thần quy có tuổi thọ dài cả ngàn năm, đặng xà có cưỡi mây đạp gió được, nhưng cho dù vậy vẫn khó thoát khỏi quy luật sinh tử. Ngựa Ký tuy bị nhốt trong chuồng, nhưng hùng chí vẫn rong ruổi nơi ngàn dặm, bậc anh hùng tuổi xế chiều rồi, đối với ý nghĩa về sinh mệnh vẫn là đang tìm kiếm mãi không ngừng nghỉ. Chu kỳ của sinh mệnh, không chỉ là thiên định, tu thân dưỡng đức, phản bổn quy chân, sinh mệnh mới đắc được sự vĩnh cửu. “Quy Tuy thọ” đã nói ra được hùng tâm tráng chí của Tào Tháo lúc tuổi già, phải công nhận rằng bài thơ này quả là tuyệt tác thiên cổ. Liên tiếp sử dụng các danh từ: “Thần quy”, “Đặng xà” và “lão Ký”, dẫn xuất “Liệt sĩ mộ niên, tráng tâm bất dĩ”, chủ đề rất là hùng tâm khảng khái, khí độ siêu phàm thoát tục. Tống Ngao Khí trong bài “Thi Bình” có bình luận rằng: “Ngụy Võ Đế rất giống với lão tướng U Yển, khí chất

anh hùng vậy” Khi ban sư, trên đường dẫn quân trở về, Tào Tháo qua Kiệt Thạch Sơn, tham quan di tích cổ. Kiệt Thạch Sơn (nay ở Hà Bắc), đối diện vịnh Bột Hải. Khi Tần Thủy Hoàng đi tuần về phía Đông, từng khắc đá ghi công: “Hoàng đế uy phong lẫm liệt, gòm hết chư hầu, thiên hạ thái bình”. Hán Vũ Đế cũng từng lên Kiệt Thạch Sơn ngắm biển. Trải qua nhiều năm chinh chiến, phương Bắc rốt cuộc cũng hoàn toàn bình định. Tào Tháo muôn vàn cảm khái, bèn lưu lại cho đời một áng tuyệt bút: “Bộ xuất Hạ Môn hành – Quan thương hải”. “Quan thương hải” chỉ có sơ sơ mấy dòng bút, đã có thể triển hiện ra được khung cảnh mặt trời mặt trăng thống nhất thành một chỉnh thể, tái hiện sự xán lạn của vô vàn tinh tú, điểm xuyết cho vũ trụ mênh mông, thi nhân đã tuôn ra những lời thơ ẩn chứa sự kỳ bí bác đại ảo diệu của Vũ trụ này.

Quan thương hải

*Đông lâm Kiệt Thạch, Dĩ quan thương hải.
Thủy hà đạm đạm, Sơn đảo tủng trì.
Thụ mộc tùng sinh, Bách thảo phong mậu.
Thu phong tiêu sắt, Hồng ba dũng khởi.
Nhật nguyệt chi hành, Nhược xuất kỳ trung
Tinh hán xán lạn, Nhược xuất kỳ lý.
Hạnh thậm chí tai, Ca dĩ vịnh chí.*

Dịch nghĩa:

*Lên đỉnh núi Kiệt Thạch cao cao mé phía Đông,
ngắm nhìn biển xanh mênh mông bao la*

*Chỉ thấy sóng nước dập dờn mênh mang, bao nhiêu
núi đảo nhấp nhô sừng sững giữa biển trời
Cây cối trên núi đảo xanh rì tươi tốt, trăm loài hoa
cỏ um tùm đua chen
Nơi bờ biển gió thu thổi nghe vi vút, biển động từng
từng lớp lớp sóng dồn tung bọt vây quanh
Vầng nhật nguyệt ngày đêm vận hành, đều như
xuống lên từ biển cả
Tinh hán ngân hà xán lạn hằng đêm, cũng như mọc
ra từ lòng biển cả
Mừng vui, may mắn thay khi đứng trước cảnh quan
hùng vĩ tráng lệ, bởi thế ca ngâm mà tổ chí này.*

5. Tào Thừa Tướng bại trận Xích Bích, sự thật nguyên bản

Tháng Giêng, năm Kiến An thứ 13, Tào Tháo về Nghiệp Thành, xây hồ Huyền Vũ, huấn luyện thủy quân. Mùa hạ, tháng 6, nhà Hán bãi bỏ Tam công, đặt ra chức Thừa tướng, Ngự sử đại phu, Tào Tháo được phong làm Thừa tướng. Tào Tháo cấp phong Biệt giá tòng sự Ký Châu là Thôi Diễm làm Tây tào duyện, Trần Lưu làm Tư không Đông tào duyện, Mao Giới làm Đông tào duyện, Nguyên thành lệnh Hà Nội Tư Mã Lăng làm Chủ bạ. Em trai Tư Mã Ý là Tư Mã Phu cũng được phong làm Văn học duyện. Ký Châu chủ bạ Lư Dục làm Pháp tào nghị lệnh sử. Diễm, Giới cũng đều được đề cử. Những nhân sĩ thanh chính được đề bạt tuy cũng có lúc đặc ý mà làm ra điều trái với bản thân nhưng sau cùng vẫn trung hậu, thành thật, khiêm nhường, làm quan thanh liêm tạo phúc cho dân. Tả hữu dưới trướng Tào Tháo

ai nấy cũng đều liêm khiết, cần kiệm, tự quản bản thân. Tuy các quan được sủng ái nhưng ai nấy đều không phóng túng, hưởng thụ quá độ. Ngay cả quan Trưởng lại cũng mặc quần áo cũ sờn, ngồi xe củi. Quan lại vào phủ, lên triều đều phải đi bộ. Cuối cùng, Tào Tháo phải thốt lên rằng: “Dùng những người như vậy có thể khiến cho người trong thiên hạ tự trị lấy mình, ta biết phải báo đáp thế nào đây?”. Tào Tháo dùng người, tín nhiệm hiền tài, trong triều được thanh minh, Trung Nguyên đại trị.

Tháng 7, Tào Tháo thống lĩnh ba quân Nam hạ tiến đánh Lưu Biểu ở Kinh Châu.

Tháng 8, đại quân Tào Tháo chưa đến Kinh Châu, Lưu Biểu bệnh nặng qua đời. Thái thú Chương Lăng là Khoái Việt (tự là Dị Độ) và Đông tào duệ là Phó Tồn khuyên Lưu Tông đầu hàng Tào Tháo: “Thuận hay nghịch đều phải theo tình hình chung. Mạnh hay yếu đều có thể hẫng hoi. Lấy thân phận bề tôi mà cự tuyệt lại chúa công, thì là ngược lại với đạo vậy; Lấy nền tảng mới thành lập mà cai trị cả Trung Quốc, tất nguy rồi; Lấy Lưu Bị mà đối địch lại Tào Công, thì không thỏa đáng lắm. 3 điều đó đều không được, vậy đem cái gì để đối lại quân địch? Hơn nữa Tướng quân tự tính toán xem Lưu Bị sẽ như thế nào? Nếu như Lưu Bị không đủ sức chế ngự được Tào Công, thì chúng ta rồi cũng không thể tồn tại được. Nếu Lưu Bị đủ sức chế ngự Tào Công thì Lưu Bị cũng không cam chịu ở dưới trướng Tướng quân đâu.” Tông đã nghe theo lời khuyên của Khoái Việt và Phó Tồn.

Tháng 9, Tào Tháo đến Tân Dã, Lưu Tông hàng Tào, mang ấn Kinh Châu ra nghênh đón. Lấy được Kinh

Châu, Tào Tháo phong Lưu Tông làm Thứ sử Thanh Châu, cho Khoái Việt làm liệt hầu. Có được Kinh Châu nhưng Tào Tháo nói với Tuân Úc rằng: “Được Kinh Châu còn không mừng bằng có được Khoái Việt”.

Tào Tháo nhận định Giang Lăng có quân lương đầy đủ, e rằng Lưu Bị cứ đóng ở đó sẽ củng cố lại được lực lượng, bèn rút hết quân trang nặng nề để quân lính nhẹ nhàng đến Tương Dương. Tào Tháo nghe tin Lưu Bị đã đi qua chỗ này, Tháo bèn đem 5,000 kỵ binh tinh nhuệ mau chóng đuổi theo Lưu Bị, ngày đêm truy đuổi hơn 300 dặm đến Trường Bản của Đương Dương. Lưu Bị bỏ lại vợ con cùng Gia Cát Lượng, Trương Phi và kỵ binh, rời bỏ Tân Dã tháo chạy về Giang Hạ. Tào Tháo thắng trận, thu rất nhiều quân nhu khí giới.

Tào Tháo “cưỡi ngựa làm văn, múa kiếm đề thơ”, đại khí ngút trời, chấn động thiên cổ, được danh sĩ hậu thế nhiều đời ca tụng. Tô Đông Pha viết trong “Tiền Xích Bích phú” như sau: “Si tửu lâm giang, hoành sóc phú thi, cổ nhất thể chi hùng dã” (rót chén rượu đứng trên mặt sông, cầm ngang ngọn giáo ngâm câu thơ, thực là một đời anh hùng). Thẩm Đức Tiềm có lời rằng: “Âm điệu chữ Hán trong thơ của Tào Mạnh Đức, cùng với thơ của Tào Phi mang âm hưởng thuần chất của nước Ngụy, trầm hùng sáng khoái, có lúc còn toát lên khí chất bá vương”. Trong **quyển 5 – Cổ thi nguyên** cũng khen thơ Tào Tháo: “Thơ của Tào Mạnh Đức cuộn cuộn hào sảng trùng điệp tầng tầng mây, chí hướng cao xa, không gian thoáng đãng, ý tứ ngay thẳng, không hề bi quan, có cái thể trầm bổng khí khái.”

Năm Kiến An thứ 13 (tức CN năm 208), mùa đông, ngày 15/11, khí trời quang đãng, sóng gió êm lặng, Tào

Tháo sai mở một tiệc rượu có cả ca nhạc trên thuyền to để hội các tướng. Trời tối dần, vàng trăng hiện trên đỉnh núi phía Đông, vàng vạc như ban ngày. Dải sông Trường Giang nằm vắt ngang như tấm lụa. Tả hữu tướng quân trên thuyền ai nấy đều uy phong凛冽. Tào Tháo đứng ngắm bốn phương trời mênh mông, bát



Ảnh: Tào Tháo làm thi phú, bản in thời nhà Thanh trong Tam quốc chí (bản in được lưu giữ bởi Đại Khôi Đường. Tranh minh họa. (Ảnh: phạm vi công cộng)

ngát, rồi lấy rượu tế sông Trường Giang, sau uống liền ba ly lớn, nói rằng: “Từ khi ta cầm ngọn giáo này, phá Khăn Vàng, bắt Lã Bố, diệt Viên Thuật, thu Viên Thiệu, thọc sâu vào Tái Bắc, xuôi thẳng đến Liêu Đông, tung hoành bốn bể, thật không phụ ý chí của kẻ đại trượng phu!”. Sau đề bài “Đoản ca hành”:

Đối tửu đương ca, Nhân sinh kỷ hà?
Thí như triều lộ, Khứ nhật khổ đa.
Khái đương dĩ kháng, Ưu tư nan vong.
Hà dĩ giải ưu? Duy hữu đồ khang
Thanh thanh tử khâm, Du du ngã tâm
Đãn vị quân cố, Trầm ngâm chí câm.
Ao ao lộc minh, Thực dã chi bình.
Ngã hữu gia tân, Cổ sắt xuy sinh.
Minh minh như nguyệt, Hà thời khả xuyết?
Ưu tùng trung lai, Bất khả đoạn tuyệt.
Việt mạch độ thiên, Uổng dụng tương tồn.
Khế khoát đàm yển, Tâm niệm cựu ân.
Nguyệt minh tinh hy, Ô thước nam phi.
Nhiều thụ tam tấp, Vô chi khả y?
Sơn bất yếm cao, Thủy bất yếm thâm.
Chu Công thổ bộ, Thiên hạ quy tâm.

Dịch nghĩa:

Trước chén rượu nên hát ca, bởi vì đời người có được bao lâu.
Tựa như sương sớm, những ngày đã qua sầu khổ biết bao nhiêu.
Khẳng khái phấn chấn, nhưng vẫn không quên

được nổi ưu sầu.
Muốn giải sầu, chỉ có chén rượu (Đỗ Khang).
Tuổi học trò cổ áo xanh, rầu rầu lòng ta.
Chính vì mi, mà ta trầm ngâm cho đến hôm nay.
Tiếng tác tác hươu kêu, nó đang ăn cỏ ngoài đồng.
Ta có khách quý, đàn ca sáo phách.
Trăng sáng vàng vạc, bao giờ mới hết?
Nổi buồn từ trong lòng, không thể nào dứt.
Từng băng đồng vượt khắp nẻo đường, dày công
tận tình thăm hỏi.
Những lần gặp gỡ trò chuyện, cùng nhau ôn lại,
trong lòng vẫn nhớ ân nghĩa cũ.
Trăng sáng sao thưa, Quạ bay về nam,
Liệng quanh cây cao ba vòng, Không cành nào đậu
được,
Núi không ngại cao, biển không ngại sâu.
Ta giống như Chu công tiếp đãi hiền tài, thiên hạ sẽ
quy thuận về ta.

Dịch thơ:

Trước ly rượu ta nên ca hát
Một đời người thấm thoát là bao?
Khác chi mấy hạt sương mai,
Ngày qua sâu tủi hỏi ai không buồn?
Vụt đứng dậy, lòng thêm khảng khái
Nhưng cái buồn đeo mãi không tha
Giải sầu chỉ một chãng là
Mượn đôi ba chén cửa nhà Đỗ Khang
Tuổi đi học, áo xanh cổ cứng
Mà lòng ta bịn rịn hôm mai

Nhưng thôi nhắc mãi làm chi
Tuổi xanh quá vãng vì mi ta buồn
Con hươu lạc kêu trên đồng vắng
Chân ngẩn ngơ mồm gặm cỏ non
Nhà ta khách quý rộn ràng
Đàn ca sáo phách bập bùng thâu đêm
Mảnh trăng nọ treo trên trời rộng
Biết bao giờ hết sáng ngàn cây?
Nỗi buồn ập đến ai hay
Lòng ta vương vấn khi đầy khi vơi
Xông pha mãi một đời gió bụi
Uổng công ta lui tới đeo đai
Bi hoan ly hợp một đời
Mong người tri kỷ đứng ngồi chẳng an
Trăng vắng vặc sao ngàn thưa thớt
Quạ về nam thảng thốt kêu thương
Liệng quanh cây những mấy vòng
Mà không tìm được một cành nương thân
Chẳng quản ngại ta tìm tri kỷ
Dù núi cao, biển cả sâu nông
Một đời nghiền ngẫm Chu công
Làm sao thiên hạ dốc lòng về ta.

Kỳ nhị

Chu Tây Bá Xương, hoài thử thánh đức.
Tam phân thiên hạ, nhi hữu kỳ nhị.
Tu phụng cống hiến, thần tiết bất long.
Sùng hầu sàm chi, thị dĩ câu hệ.
Hậu kiến xá nguyên, tứ chi phủ việt, đắc sử chinh phạt.
Vy trọng ni sở xưng, đạt cập đức hành,

Do phụng sự ân, luận tạt kỳ mỹ.
Tề hoàn chi công, vy bá chi thủ.
Cửu hợp chư hầu, nhất khuông thiên hạ.
Nhất khuông thiên hạ, bất dĩ binh xa.
Chính nhi bất quyết, kỳ đức truyện xưng.
Khổng tử sở thán, tịnh xưng di ngô, dân thâm kỳ ân.
Tứ dữ miếu tạc, mệnh vô hạ bái.
Tiểu bạch bất cảm nhĩ, thiên uy tại nhan chỉ xích.
Tấn văn diệt bá, cung phụng thiên vương.
Thâm tứ khuê toản, cự sưởng đồng cung.
Lô cung thi thiên, hổ bí tam bách nhân.
Uy phục chư hầu, sư chi sở tôn.
Bát phương văn chi, danh á tề hoàn.
Hà dương chi hội, trá xưng chu vương, thị kỳ danh
phân ba.

Dịch nghĩa: Kỳ 2

Chu Tây Bá Xương, lòng ôm thánh đức.
Thiên hạ chia ba, mà có được hai.
Nên phụng cống hiến, thần tiết chẳng đủ.
Sùng Hầu gièm pha, vậy nên bị bắt.
Sau thấy Xá Nguyên, ban cho búa rìu, cử đi chinh phạt.
Vì Trọng Ni xưng, đức hạnh thâm đủ,
Do phụng sự ân, luận bàn điều tốt.
Công của Tề Hoàn, đứng đầu bá chủ.
Hợp chín chư hầu, nhất thống thiên hạ.
Nhất thống thiên hạ, chẳng cần binh xa.
Chính chẳng dối lừa, đức ấy truyền xưng.
Ngợi khen Khổng Tử, đều xưng di ngô, dân nhờ ân ấy.
Ban thết tế miếu, lệnh không hạ bái.

Tiểu Bạch không dám, thiên uy trước mặt.
Tấn Văn xưng bá, cung phụng Thiên vương.
Nhận ơn ngọc quý, rượu nếp cung đồ
Cung đen ngàn mũi, mãnh hổ ba trăm người.
Uy phục chư hầu, cao quý đứng đầu.
Bát phương nghe đến, tiếng ác Tề Hoàn.
Hội gặp ở Hà Dương, đối xưng Chu Vương, danh ấy đẹp đẽ.

Bài **Đoản ca hành** này của Tào Tháo tự thuật lại việc mình đã thu phục được hiền tài trong thiên hạ, dùng lễ hiền của mình để cầu hiền tài như nắng hạ cầu mưa. Câu văn tự nhiên, hào khí ngút trời, ngàn năm truyền tụng.

Tôn Quyền của Đông Ngô lúc này đã sai Lỗ Túc đi gặp mặt Lưu Bị, Lỗ Túc hiến cho Tôn Quyền sách lược “Dùng thế chân vạc, Giang Đông ẩn mình quan sát thiên hạ đua tranh”. Kế ấy rất được Tôn Quyền hưởng ứng. Lỗ Túc khi đến Hạ Khẩu thì nghe tin Tào Tháo đang đến Kinh Châu Tôn Quyền lập tức sai Lỗ Túc đi báo kiến Lưu Bị để dò la tình hình Tào Tháo, cũng lại muốn thăm dò chủ trương của Lưu Bị. Lúc này Lưu Bị cũng đang cùng Gia Cát Lượng bàn bạc kế sách kháng Tào. Gia Cát Lượng hiến kế liên minh với Đông Ngô. Nhưng Lưu Bị sợ Đông Ngô hùng mạnh, không chịu kết minh với mình. Giữa lúc ấy thì được tin Lỗ Túc đến cầu kiến. Lỗ Túc theo lệnh Tôn Quyền đến, luận thế sự thiên hạ, ngỏ ý khuyên Lưu Bị cử người tâm phúc sang phía Đông Ngô kết giao hai nhà, đồng lòng nhất ý liên kết đánh Tào Tháo. Gia Cát Lượng đoán biết được Lỗ Túc là phái chủ chiến phía Đông Ngô nên lợi dụng cơ hội Lỗ Túc đến báo kiến Lưu Bị, thuyết phục Lỗ Túc, thông qua



Bức tranh về “Thơ phú của Tào Tháo” trong câu chuyện Tam Quốc tại hành lang của Di Hòa Viên (Ảnh: Shizhao/Wikimedia Commons)

ông mà khiến Tôn Quyền kiên định với chủ trương liên minh kháng Tào.

Lúc này, Tào Tháo từ Giang Lăng thuận buồm tiến xuống Giang Đông. Gia Cát Lượng nói với Lưu Bị: “Việc quân cấp bách, xin được phụng mệnh đi cầu cứu Tôn tướng quân”, sau đó cùng Lỗ Túc đi bá kiến Tôn Quyền. Đến nơi, Gia Cát Lượng phân tích tình thế hai bên: “Dự Châu tuy mới thua, nhưng Quan Vân Trường còn thống lĩnh hàng vạn tinh binh. Lưu Kỳ ở Giang Hạ cũng có chừng vạn quân sĩ. Quân Tào Tháo từ xa đến, tất cả cũng mỏi mệt. Mới đây, lại đuổi Dự Châu, quân khinh kỵ đi ba trăm dặm một ngày, khác nào nổ cứng giương lên đã đuối sức, chưa chắc bắn thủng được mảnh lụa mỏng. Vả lại người phương bắc không quen đánh thủy, đây chính là điều tối kỵ trong binh pháp. Hơn nữa quân dân ở Kinh Châu gặp thế bí phải phục Tào Tháo, chứ không phải là tự nguyện. Nay tướng quân thật muốn đồng tâm hiệp lực với Dự Châu, thì làm gì không phá được Tào Tháo? Quân Tào mà bị phá, tất phải kéo về Bắc, thì thế Kinh, Ngô lại mạnh, mà hình thành thế chân

vạc được. Cơ hội thành hay bại, chỉ trong lúc này, xin tướng quân hãy nghĩ cho kĩ mà quyết đi kéo muện!”.

Tôn Quyền nghe phân tích của Gia Cát Lượng xong thì hết sức mừng rỡ, cùng với chúng tướng bàn mưu lược kháng quân Tào.

Lúc này, Tào Tháo gửi thư cho Tôn Quyền nói: “Ta phụng mệnh vua, đánh kẻ có tội. Cờ trở về nam, Lưu Tông phải bó tay, dân Kinh Tương nghe thấy tin rầm rập hàng phục. Nay thống lĩnh trăm vạn hùng binh, nghìn viên thượng tướng, muốn cùng với tướng quân họp sẵn ở Giang Hạ”.

Tôn Quyền hỏi ý quần thần, thấy ai nấy đều thất kinh sợ hãi. Trưởng sử Trương Chiêu thì chủ trương xin hàng. Duy chỉ có Lỗ Túc trầm ngâm một hồi rồi nói với Tôn Quyền: “Vừa rồi, bọn họ nói như thế, là không hiểu bụng chủ công. Không đủ để mưu bàn đại sự. Nay Túc này có thể đầu hàng Tào Tháo được, nhưng chúa công thì không thể. Chúa công mà hàng Tào Tháo thì về đâu? Mong sớm quyết định đại kế, chớ có bàn luận quá nhiều”. Tôn Quyền than rằng: “Ta nghe họ nghị luận thật là thất vọng. Tử Kính mới ngỏ kế lớn, chính hợp ý với ta. Quả thật trời đem Tử Kính cho ta đó!”, nói đoạn Tôn Quyền vui mừng sai người đến Phiên Dương mời Chu Du về bàn việc.

Chu Du trở về phân tích thực lực của Đông Ngô và thế lực phía Tào Tháo, Tôn tướng quân là bậc thần võ hùng tài, nhờ cơ nghiệp của cha anh, binh giỏi lương nhiều, sao lại phải hàng giặc? Vả lại, Tào Tháo đi chuyển này mắc phải nhiều điều kỵ trong binh pháp. Đất Bắc chưa yên, còn cái hoạ Mã Đằng, Hàn Toại sau lưng, mà Tào Tháo dám ở lâu để đánh phương Nam. Quân Bắc

không quen đánh dưới nước, mà Tào Tháo dám bỏ yên ngựa dùng thuyền bè, tranh giành với Đông Ngô, điều đó vốn không phải sở trường của quân Tào. Đang mùa đông rét mướt, ngựa không có cỏ khô ăn, mà dám khởi binh. Dem quân ở lục địa tiến sâu vào chỗ sông hồ, không quen thủy thổ, nhiều người đau ốm. Quân Tào Tháo phạm bốn điều kỵ ấy, dẫu nhiều cũng phải thua. Tướng quân bắt được Tào Tháo ở chính lúc này. Chu Du chỉ xin ba vạn quân lính, đến đóng ở Hạ Khẩu, đủ phá được Tào Tháo cho tướng quân xem”. Tôn Quyền nghe xong vui mừng nói: “Ông trời đã ban người cho ta vậy” rồi lập tức tấn phong cho Chu Du, Trình Phổ làm tả hữu đô đốc, thống lĩnh quân đội cùng với Lưu Bị hợp sức đánh Tào Tháo; còn Lỗ Túc được phong làm Tán quân hiệu úy, trợ giúp Chu Du vạch ra sách lược.

Chu Du, Trình Phổ, Lỗ Túc, thống lĩnh 3 vạn thủy quân ngược dòng Trường Giang cùng với Lưu Bị hợp sức đánh Tào Tháo, hai bên đối mặt tại Xích Bích. Lại nói về đại quân của Tào Tháo lúc này dịch bệnh hoành hành, lính chết vô số, mới đầu giao chiến quân Tào Tháo bại trận rút về Ô Lâm bờ Bắc Trường Giang, còn khu vực chiến thuyền của Chu Du lại ở bờ Nam, Xích Bích. Đại quân Tào Tháo không quen thủy chiến, lại trúng mưu Bàn Thống nên cho quân dùng dây buộc ghép các chiến thuyền lớn nhỏ lại với nhau nhằm tránh thuyền nhỏ sóng to để người và ngựa đỡ say sóng. Ai ngờ gặp ngay Chu Du cùng Hoàng Cái hợp mưu lấy khổ nhục kế dùng hỏa công đánh liên hoàn. Hôm ấy nổi gió Tây Bắc, buồm vải kéo lên, các thuyền xông pha sóng gió vũng chắc như đi trên mặt đất. Khi đoàn thuyền ra giữa sông Trường Giang thì nhất loạt căng buồm nổi

lửa, thuyền theo gió Đông đi như tên bắn áp sát đại trại quân Tào, thiêu trụi đội chiến thuyền của Tào Tháo. Cùng lúc đó, Lưu Bị, Chu Du thủy bộ cùng công đánh, đẩy quân Tào về Nam Quận. Tào Tháo thất thế cho quân thiêu trụi toàn bộ chiến thuyền còn sót lại, dùng đường bộ lui binh, giữ Chinh nam tướng quân Tào Nhân lại, cho Hoàn dã tướng quân Từ Hoảng trấn thủ Giang Lăng, Chiết xung tướng quân Lạc Tiến trấn giữ Tương Dương, còn Tào Tháo rút quân về phương Bắc.

Trận chiến Xích Bích, quân Tào Tháo bị đại dịch hoành hành, chiến lược hao tổn, thiên tượng đột nhiên thay đổi, gió Đông xuất hiện, trợ lực cho quân Chu Du tăng thêm thế lực hỏa công hùng mạnh. Trời không toại lòng người, không cho Tào Tháo tiến thêm một bước, vượt sông Trường Giang mà thống nhất Trung



Đá khắc ở Ma Nhai tỉnh Hồ Bắc. (Ảnh: wikipedia)

Hoa. Tào Tháo từng có lần viết thư nói chuyện với Tôn Quyền rằng: “Trong chiến dịch Xích Bích, dịch bệnh hoành hành quân lính chết vô số, Ta đã phải tự đốt rất nhiều thuyền rồi mới thoái lui, Vô tình đã cho Hoàn sử Chu Du có được danh tiếng đại phá Xích Bích.” Nhưng người anh hùng ấy vẫn nói cười ngạo nghễ, binh tướng trăm vạn, hô mưa gọi gió, chí khí ngút trời thật không thể không khiến cho đời sau thán phục.

Năm vị nhân vật Thiên cổ anh hùng Tào Tháo, Gia Cát Lượng, Chu Du, Lưu Bị và Tôn Quyền cùng nhau diễn một vở kịch lớn, trận chiến kịch liệt – Xích Bích, là một trang sử đặc sắc nhất được viết vào thời Tam Quốc. Văn nhân mặc khách hậu thế quen với chủ đề Xích Bích, và đã lưu lại vô số cảm khái, vịnh ngâm. Thi tiên Lý Thái Bạch đã miêu tả trận chiến Xích Bích như sau:

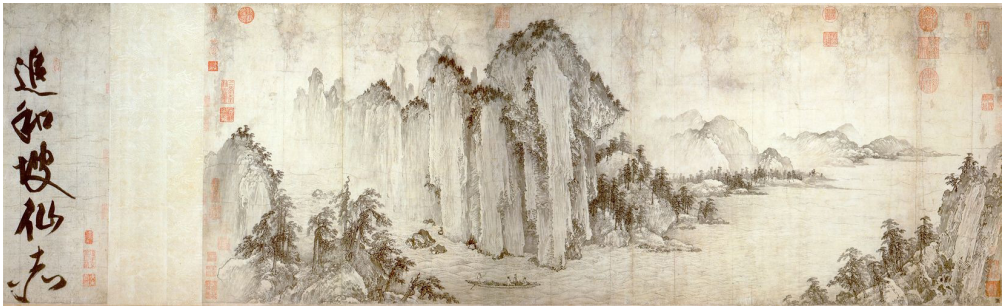
Nhị long tranh chiến quyết thư hùng
Xích Bích lâu thuyền tảo địa không
Liệt hoả trương thiên chiếu vân hải
Chu Du ư thử phá Tào Công

Dịch thơ:

Hai rồng giao chiến quyết thư hùng
Xích Bích thuyền lâu đất sạch không
Lửa dữ xông trời chiếu mây biển
Chu Du nơi ấy phá Tào công.

擊空明兮泝流光渺、
 余懷望美人兮天一
 方宥育
 吹洞簫者倚歌而和之其
 聲嗚然如怨如慕如
 泣如訴餘音嫋不絕如
 縵舞幽壑之潛蛟泣孤
 舟之嫠婦蘇子愀然正
 襟危坐而問客曰何為其
 然也客曰月明星稀烏鵲
 南飛此非曹孟德之詩乎
 西望夏口東望武昌山川
 相繆鬱乎蒼然此非孟德
 之困於周郎者乎方其破
 荊州下江陵順流而東也
 舳艫千里旌旗蔽空醜
 酒臨江橫槊賦詩固一世
 之雄也而今安在哉況吾與
 子漁樵於江渚之上侶魚
 蝦而友麋鹿駕一葉之扁

Tờ Thúc thời Tống viết bài Tiên Xích Bích phú (cục bộ), bản được lưu giữ tại Viện bảo tàng cổ cung quốc lập ở Đài Bắc. (Ảnh: Phạm vi công cộng)



Tác phẩm Xích Bích đồ, Quyển của Vũ Nguyên Trực thời Kim, Bản được lưu giữ tại Viện bảo tàng cổ cung quốc lập ở Đài Bắc.
 (Ảnh: Phạm vi công cộng)

6. Xây đài Đồng Tước - Hưng thịnh Kiến An

Kiến An năm thứ 14 (tức năm 209), mùa xuân, tháng 3, Tào Tháo dẫn quân đến huyện Tiêu, đóng thuyền nhẹ, luyện thủy binh. Mùa thu, tháng 7, từ sông Qua tiến vào sông Hoài, lại ra Phì Thủy, đóng binh ở Hợp Phì, khai hoang lập đồn điền, trồng thược dược xen lẫn ruộng lúa. Khi ấy, Tháo ban tờ lệnh, viết rằng:

“Từ trước đến nay, quân mã chinh hành, hoặc gặp bệnh dịch, quân sĩ tử vong không thể trở về, thân nhân oán thán, trăm họ ly tán, kẻ nhân có thể lấy làm vui được sao? Chính là chuyện bất đắc dĩ vậy. Nay lệnh rằng, gia quyến những kẻ chết trận phạm là người không có sản nghiệp để tự sinh nhai thì quan huyện không được cắt lương, trưởng lại phải cứu tế, thăm hỏi để tỏ rõ ý nguyện của ta”.

Sau cuộc chiến Xích Bích, Chu Du tiến đánh Tào Nhân ở Giang Lăng, suốt một năm trời hao binh tổn lực. Sau Tào Nhân phải bỏ Giang Lăng mà chạy, dẫn quân về thủ ở Tương Dương, Phàn Thành. Lúc ấy, Lưu Bị chia một phần binh hợp lực cùng Chu Du công đánh Giang Lăng, còn quân chủ lực thì xuôi xuống phía Nam tiến đánh Kinh Châu, men theo phía Nam Trường Giang mà chiếm luôn 4 quận: Vũ Lăng, Trường Sa, Quế Dương, Linh Lăng. Ít lâu sau, tướng Tào là Lô Tự, thống soái ở Lư Giang, dẫn mấy vạn người đến theo Lưu Bị.

Những quân binh Kinh Châu cũ trước đây nghe lời chiêu dụ cũng trở về quy thuận Lưu Bị không ít. Ở Đông Ngô, Tôn Quyền lấy Chu Du làm Thái thú Nam Quận, đóng ở Giang Lăng. Trình Phổ lĩnh chức Thái thú Giang Hạ, Lữ Phạm làm Thái thú Bành Trạch, Lã Mông làm Tầm Dương lệnh. Lưu Bị dâng biểu lên Hán đế xin phong cho Tôn Quyền làm Hành xa kỵ tướng quân, lĩnh chức Từ Châu mục, lại dâng biểu xin phong Lưu Kỳ làm Thứ sử Kinh Châu. Lúc Lưu Kỳ chết, Lưu Bị tự lập làm Kinh Châu mục. Sau khi Chu Du chết, Tôn Quyền lấy một phần đất phong của Chu Du ở phía Nam (tức huyện Giang Lăng) trao cho Lưu Bị, tiếng là “cho mượn” để kết tình đồng minh. Bị lập doanh trại tại Du

Khẩu, sau đổi tên thành Công An. Tôn Quyền lại gả em gái cho Lưu Bị.

Hai nhà Tôn Lưu kết tình thông gia, củng cố đồng minh, quan hệ hữu hảo. Kiến An năm thứ 15 (tức năm 210), Tào Tháo xây đài Đồng Tước ở Nghiệp Thành. Đài cao mười trượng, hai bên có hai đài phụ là Ngọc Long và Kim Phượng. Các đài cách nhau 60 bộ. Tào Tháo cho làm hai chiếc cầu nối vào đài trung tâm, tựa như hai chiếc cầu vồng ở lưng trời. Đài có hơn 100 gian điện ốc, hình dáng phóng khoáng tựa như cánh chim đang thong dong bay về núi. Kiến An năm thứ 17 (tức năm 212), Tào Tháo lệnh cho bá quan triều đình lên đài Đồng Tước, dự yến dùng tiệc, làm phú vịnh thơ. Con thứ của Tháo là Tào Thực tư chất thông minh, hào hoa phong nhã, giỏi nghề văn chương, viết một mạch ra bài “Đồng Tước Đài phú”, cảm thán cảnh đẹp thiên nhiên, ngợi ca công đức Tào Tháo, còn lưu truyền đến nay:

Tòng minh hậu dĩ hi du hê, đấng tăng đài, dĩ ngu tình.

Kiến thái phủ chi quảng khai hê, Quan Thánh đức chi sở dinh.

Kiến cao môn chi tha nga hê, phù song khuyết hồ Thái thanh.

Lập trung thiên chi hoa quan hê, liên phi các hồ Tây Thành.

Lâm Chương thủy chi trường lưu hê, vọng viên quả chi tư vinh.

Ngưỡng xuân phong chi hoà mục hê, thính bách điệu chi bi minh.

Thiên vân tuyên kỳ ký lập hê, gia nguyện đắc hồ

song sinh.

*Dương nhân hoá vũ trụ hề, tận túc cung vu
thượng kinh.*

*Duy hoàn, văn chi vi thịnh hề, khởi túc phương hồ
thánh minh.*

Hưu hỹ! Mỹ hỹ! Huệ trạch viễn dương.

Dực tá ngã hoàng gia hề. Ninh bỉ tứ phương.

*Đồng thiên địa chi quy lượng hề. Tề nhật nguyệt chi
huy quang.*

*Vĩnh quý tôn nhi vô cực hề. Đẳng niên thọ ư đông
vương.*

Dịch thơ:

Noi đức sáng thánh quân rực rỡ,

Lên lầu đài hớn hở lòng xuân.

Xem công Thái Thú chặn dân,

Đức cao vời đã thấm nhuần nơi nơi.

Dựng lên giữa lưng trời xanh ngắt,

Đài nguy nga bát ngát không trung.

Mỹ quan nào kém non Bồng,

Gác cao, tây vực nhìn thông nẻo đoài.

Dòng Chương Thuỷ chảy dài trong suốt,

Tưới nhuần vườn cây tốt quả tươi...

Gió xuân đầm ấm đưa hương,

Muôn chim đua hát du dương hài hoà.

Cao đẹp tựa trời mây muôn thuở,

Phúc nhà may chất chứa dài lâu.

Khấp cùng vũ trụ nhiệm màu,

Đề cao nhân hoá, kính châu thượng kinh.

Noi Tề, Tấn nghĩ mình hưng thịnh,

*Phò thánh minh cùng sánh công lao.
Xinh tươi bền vững biết bao!
Ơn sâu nước ngầm, đức cao xa đồn.
Phò tá đấng Chí Tôn gìn giữ
Xây thái bình thịnh trị bốn phương.
Phép trời khôn đất đo lường.
Ánh trăng cùng với ánh dương điều hoà.
Tôn quý ấy truyền xa mãi mãi,
Thọ vô cùng, thọ với chúa Xuân!*

Bấy giờ, Tào Tháo lấy Nghiệp Thành làm trung tâm, xây dựng thành đô cho riêng mình. Ông cho xây đắp lại cung thành, bố trí lại hương xã, phố phường xung quanh, thay đổi bố cục phân tán. Nghiệp Thành dưới quy hoạch của Tào Tháo, từng phân khu đều có chức năng rõ ràng, kết cấu kiến trúc nghiêm cẩn. Tuyến đường lớn nhất chạy xuyên qua cổng thành, các đường nhánh chạy song song, tạo thành hình chữ Đinh, giao nhau ở ngay trước cửa cung điện. Các công trình ở Nghiệp Thành đều xây theo kiểu đối xứng qua một trục giữa như thế.

Lúc này, Nghiệp Thành không chỉ là trung tâm chính trị, quân sự, nghị bàn quốc sự mà còn trở thành trung tâm văn hóa lớn nhất của Trung Quốc lúc bấy giờ. Ba cha con Tào Tháo, Tào Phi và Tào Thực cũng là ba thi hào lớn nhất đương thời, gây dựng nên một nền văn học Kiến An rực rỡ, phồn thịnh giữa cảnh chiến loạn liên miên thời Tam Quốc.

Cùng lúc đó, Tào Tháo thắt chặt kỷ cương, trừ sạch thói dâm dật, phóng túng của quan dân, dẹp bỏ hết việc tế tự các loại tà yêu, loạn quỷ, nêu cao chính giáo, gìn

giữ sự toàn vẹn của văn hóa Thần truyền không bị bóp méo, xuyên tạc, bảo trì chính tín của người trong thiên hạ. Tào Tháo lại tập hợp phương sĩ khắp nơi đưa về Nghiệp Thành. Các môn các phái phương thuật, đạo thuật đua nhau phát triển. Nghiệp Thành khi ấy trở thành trung tâm văn hóa Đạo giáo, phương thuật của cả nước. Người nước Ngụy trên dưới, già trẻ tu Đạo, gây nên phong trào, thúc đẩy sự phát triển hưng thịnh của Đạo giáo.

Tháng 12, Tào Tháo viết: Nhượng huyện tự mình bản chí lệnh (trả lại vua Hán 3 huyện được phong, tỏ rõ ý chí của mình):

“Ta thuở thiếu thời được mệnh danh Hiếu liêm, tự thấy mình không phải là kẻ sĩ nổi danh nơi hang núi, sợ bị người trong nước thấy cái ngu hèn, muốn làm một chức Quận thú, ưa sửa nắn giáo hóa để gây tiếng tốt, khiến cho người đời biết rõ ta. Cho nên ngày trước ở Tế Nam, bắt đầu trừ tà diệt xấu, tuyển chọn công bằng, trái ý các quan Thường thị. Cho nên bị bọn cường hào giận, ta sợ gây họa cho người nhà, do đó xưng bệnh về quê. Sau khi bỏ quan, tuổi vẫn đang trẻ, ngoảnh xem trong bọn cùng làm quan thì có kẻ tuổi đã năm mươi, dậm đắp ngôi nhà nhỏ, muốn mùa xuân mùa hạ thì đọc sách, mùa đông mùa xuân thì săn bắn, tìm địa vị ở dưới đáy, muốn lấy nước bùn tự che thân, dứt ý qua lại với tân khách, nhưng không được như ý. Sau bị gọi làm Đô úy, chuyển làm Điển quân hiệu úy, muốn vì nước nhà mà đánh giặc lập công, mong được phong Hầu làm Chinh tây tướng quân, rồi đó đề chữ trên bia mộ là: “Mộ của Chinh tây tướng quân của nhà Hán là Tào Hầu”. Đây là chí của ta vậy.

Nhưng lại gặp nạn Đổng Trác, bèn dấy nghĩa binh. Bấy giờ tụ quân được nhiều, nhưng thường tự giảm bớt, không muốn có nhiều. Vì sao như thế? Là vì quân nhiều thì ý nhiều, nếu tranh với địch mạnh thì chỉ chuốc lấy mầm họa, cho nên đánh mấy nghìn trận ở sông Biện, sau đó về đến Dương Châu tuyển quân, cũng không quá ba nghìn người, đấy là chí ta có hạn vậy. Sau lĩnh chức ở Duyện Châu, phá hàng hơn ba mươi vạn quân Khăn Vàng. Lại gặp lúc Viên Thuật tiếm hiệu ở quận Cửu Giang, kẻ dưới đều xưng thần, đặt tên cửa là cửa Kiến Hiệu, áo mặc đều là loại của Thiên tử, hai vợ cùng tranh làm Hoàng hậu. Mưu chí đã định, có người khuyên Thuật lên ngôi Đế, bố cáo thiên hạ, hấn nói: “Tào Công vẫn còn, không nên”. Sau ta đánh bắt được bốn tướng của Thuật, bắt được nhiều người của Thuật, bèn khiến cho Thuật thua chạy tan vỡ, phát bệnh mà chết. Kịp lúc Viên Thiệu chiếm miền Hà Bắc, thế quân mạnh mẽ, ta tự biết sức, thực không địch nổi, nhưng nghĩ rằng nhảy vào chỗ chết là vì nước, vì nghĩa mà diệt thân, cũng đủ truyền danh tiếng cho người sau. May mà phá được Thiệu, treo đầu hai con của hấn. Lại nữa Lưu Biểu tự cho là hoàng tộc, ôm giữ lòng gian, chột tiến chột lùi để xem sự biến, chiếm được bán châu, ta lại định được, cuối cùng bình thiên hạ. Thân làm Tế tướng thế là tôn quý tột cùng của tôi thân rồi, còn mong gì hơn. Nay ta nói lời này, như là tự đại, nhưng muốn nói hết, không gì né tránh. Nếu nước nhà không có ta, thì không biết sẽ có mấy người xưng Đế, mấy người xưng Vương? Có kẻ thấy ta thế mạnh, tính vốn không tin vào mệnh Trời, ta sợ họ bàn riêng với nhau cho rằng ta có chí không khiêm tốn, mưu kế xằng bậy, ta thường

đau đầu. Tề Hoàn, Tấn Văn lưu tiếng tốt đến nay là vì thế quân của họ rộng lớn mà vẫn tôn thờ nhà Chu vậy. Luận ngữ chép “Thiên hạ chia ba phần thì nhà Chu có đến hai phần trong đó, vậy mà còn thờ nhà Ân, thế thì đức của nhà Chu có thể nói là lớn lắm”. Đây là có thể lấy nước lớn mà thờ nước nhỏ vậy.

Xưa kia Nhạc Nghị chạy đến nước Triệu, vua Triệu muốn cùng Nhạc Nghị đánh nước Yên. Nhạc Nghị cúi xuống mà khóc, đáp rằng: “Thần thờ Chiêu Vương, cũng thờ Đại vương. Nếu thần có lỗi, xin đày đến nước khác, đến chết là cùng, vẫn không nỡ hại lây đến dân chúng của nước Triệu, huống chi người nối tự của nước Yên!”. Vào lúc Hồ Hợi giết Mông Điềm, Điềm nói: “Từ thời tổ tiên ta cho đến đời con cháu, được ba đời vua Tần tin cậy, nay thần lĩnh hơn ba mươi vạn quân, sức này đủ để làm phản, nhưng tự biết rằng chết mà giữ nghĩa, không dám làm nhục cái đạo của tổ tiên mà quên ân của Tiên vương vậy”.

Ta hãy đọc sách về hai người này, chưa từng không thương cảm rơi lệ. Từ ông nội ta cho đến ta, đều tự thân nhận chức trọng, có thể nói là được tin cậy vậy. Cho đến con ta là anh em bọn Thực, Hoàn là hơn ba đời rồi. Ta không chỉ đối với các ông mà nói thế, mà còn nói với vợ con, đều sai phải nhớ kĩ lời này. Ta bảo họ rằng: “Đợi sau khi ta muôn tuổi, các người đều được xuất giá, mong hãy theo ý ta, khiến cho người khác đều biết”. Lời này của ta đều là từ gan ruột. Ta dốc lời thành thật từ gan ruột là vì thấy Chu Công có sách Đằng kim để tự bày tỏ tấm lòng, cũng lo người khác không biết được nguyên nhân. Nhưng muốn ta giảm bớt quân sĩ và quyền binh mà ta nắm giữ, trả lại tước Vũ Bình Hầu

quốc, thực là không được vậy. Vì sao? Là vì nếu ta bỏ binh quyền thì sẽ bị người khác gây họa. Ta chỉ vì nghĩ kế cho con cháu, lại nữa nếu ta thua thì nhà nước cũng sẽ nghiêng đổ, cho nên không được cầu cái danh hảo mà chuốc phải họa lớn. Đây là điều không nên làm vậy.

Ngày trước triều đình phong tước Hầu cho ba người con của ta, ta cố nhường không nhận, nay lại muốn nhận lấy, không phải là muốn được vinh hiển, chỉ là muốn để làm phen giậu giúp đỡ ở bên ngoài, định kế vẹn toàn vậy. Ta nghe nói Giới Thôi đẩy tránh tước phong của nước Tấn, Thân Tư trốn né ban thưởng của nước Sở, chưa từng không vút sách mà than, lấy đó tự răn mình vậy. Nhận lệnh của nhà nước, cầm lưỡi rìu đi đánh dẹp, lấy yếu để thắng mạnh, dùng nhỏ mà bắt lớn.

Mưu mà ta nghĩ làm chẳng sai lầm, điều mà ta mưu, việc gì chẳng thành? Rốt cuộc dẹp bằng thiên hạ, không làm nhục thân mình, có thể nói là trời giúp nhà Hán, không phải là sức của người vậy. Nhưng được phong cả bốn huyện, thực ấp vạn hộ, có đức gì mà được nhận! Nhưng bốn cõi chưa yên, không thể nhường chức, còn như đất phong thì có thể nhường. Nay dâng trả hai vạn hộ ở ba huyện Dương Hạ, Chá, Khổ, chỉ ăn lộc vạn hộ ở huyện Vũ Bình, tạm mong chia sẻ lời chê giễu, giám bớt lời trách oán ta vậy”.

Những lời đó, quả thực xuất ra từ gan ruột của Tào Tháo. Ông tự mình nhìn lại cuộc đời từ khi xuất đạo đến nay, giương cờ nghĩa, phạt Đổng Trác, phá Khăn Vàng, diệt hai Viên (Viên Thiệu, Viên Thuật), hết lòng trung thành, không để trong bụng những lời gièm pha, thà chịu chết mà thủ nghĩa lớn. Ấy là lúc trận Xích Bích mới bại, thế chân vạc vừa thành, trong triều đình lời

phỉ báng nổi lên bốn phía. Tào Tháo trả lại 3 huyện được phong cho Hán Hiến Đế, chính là mượn cơ hội mà nói lên sự thật rằng: “Giả sử nước nhà không có ta, chẳng biết đã có mấy người xưng Đế, mấy người xưng Vương!”. Tào Tháo cũng khẳng khái nói rõ: “Ta mà bại thì nước nhà cũng sẽ nghiêng đổ. Cho nên không được cầu cái danh hão mà chuốc phải họa lớn. Bốn biển chưa yên nên không thể nhượng quyền”. Tào Tháo an định Trung Nguyên, thanh lọc hủ Nho, phò tá chính đạo, cứu giúp dân đen, khuông phò Hán thất.

Đó mới là Tào Tháo đích thực của lịch sử, chứ không phải Tào Tháo gian hùng, quỷ ác, bị gọi là “quốc tặc” trong các tác phẩm văn nghệ vốn đã bị thổi phồng, làm lệch lạc đi suốt hàng nghìn năm vậy.

7. Trận chiến Đồng Quan - sau đó được phong làm Ngụy Công - tạo thành thế chân vạc

Đồng Quan đứng thứ hai trong mười cửa ải nổi danh thời cổ đại. Kiến An năm thứ nhất (năm 196), Tào Tháo bắt đầu xây dựng Đồng Quan, đồng thời cũng phá bỏ Hàm Cốc Quan. “*Thủy Kinh Chú*” ghi chép: “*Hà tại quan nội nam lưu đồng kích Quan sơn, nhân vị chi Đồng Quan*” (Tạm dịch: Dòng sông lưu thông về phía nam trong quan ải, thế nước tăng vọt ở vùng núi Quan Sơn, vì vậy đặt tên là Đồng Quan).

Phía nam Đồng Quan có tấm bình phong tự nhiên là núi Tần Lĩnh, phía Bắc có con sông Hoàng Hà cuộn cuộn. Phía Đông có địa thế hiểm trở, phù hợp tác chiến, ở giữa là thung lũng Cấm Câu, các sông ngòi thông đến bên ngoài (ví như sông Mãn Lạc), nằm ngang hướng

đông-tây, trở thành các phòng tuyến tự nhiên. Tất cả địa hình này cùng nhau tạo ra thế “quan môn ách cửu châu, phi điểu bất năng du” (cửa quan chống giữ chín châu, chim cũng không thể bay lọt qua).

Mùa xuân Kiến An năm thứ 16 (năm 211), Tào Tháo nhận thấy đã đến lúc phải giải quyết vấn đề Quan Tây (Tây Lương). Những thế lực mạnh nhất ở Quan Tây là Mã Siêu, Hàn Toại... đều vô cùng dũng mãnh. Hơn nữa, địa hình ở đây rất hiểm trở, phức tạp và rộng lớn, muốn bình định và mở rộng bờ cõi tuyệt không phải là một chuyện dễ dàng. Tháng Ba năm ấy, Tào Tháo trước lệnh cho Tư Lệ hiệu úy Chung Do tiến quân vào Quan Trung, sau lại sai Chinh Tây hộ quân Hạ Hầu Uyên ra Hà Đông, hội ngộ cùng Chung Do. Các tướng lĩnh cát cứ ở Quan Trung nghi ngờ Chung Do có lòng muốn tập kích, vì vậy Mã Siêu, Hàn Toại, Hầu Tuyền cùng với một số tướng lĩnh khác hợp lại tạo phản. Mã Siêu và Hàn Toại được đề cử làm thủ lĩnh, dẫn dắt hơn 10 vạn người phòng thủ Đồng Quan. Tào Tháo ra lệnh cho An Tây tướng quân Tào Nhân đốc suất chư tướng trấn thủ ở Đồng Quan, dặn: *“Quân lính ở Quan Tây vô cùng tinh nhuệ dũng mãnh, chỉ cần cố thủ bản doanh, không nên giao chiến”*.

Mùa thu tháng 7, Tào Tháo lệnh cho Tào Phi và Trình Dục ở lại bảo vệ Nghiệp Thành, sau đó đích thân thống lĩnh đại quân Tây chinh. Quân Tào và Mã Siêu đối đầu nhau ở Đồng Quan. Tả hữu đều nói: *“Quân đội ở Quan Tây chuyên dùng trường mâu, vô cùng thuần thục, nếu như quân tiên phong không tuyển chọn kỹ càng chỉ sợ khó mà chống lại”*. Tào Tháo nói: *“Phương thức chiến đấu là do ta quyết định, không phải do địch”*.

Mặc dù nghịch tặc đã luyện tập trường mâu tinh nhuệ, nhưng ta sẽ khiến cho chúng đâm không đến. Các vị hãy chờ xem”.

Tào Tháo ở chính diện giả vờ công đánh, mục đích là để dẫn dụ các tướng lĩnh ở Quan Trung kéo quân tập trung về Đồng Quan, khiến cho lực lượng ở Quan Trung



Mã Siêu. (Ảnh: Tài sản công)

bị phân tán, lơ là phòng thủ. Thực chất ông bí mật phái Từ Hoảng vượt sông Hoàng Hà ở bến Đờ Bản, lập trại ở bờ tây. Có một vị ẩn sĩ tên là Lâu Tử Bá hiến kế sách: *“Hôm nay trời rét lạnh, có thể dùng cát xây thành, đổ thêm nước vào, chỉ cần một đêm là thành công”*. Từ đó, Tào Tháo cho người làm nhiều túi vải để vận chuyển nước, ban đêm binh lính vượt sông xây thành, ngày kế tiếp thành được xây xong. Quân đội của Tào Tháo tận lực vượt sông xây thành, hơn nữa còn quyết liệt chống lại tập kích của Mã Siêu, đánh cho quân Tây Lương phải bỏ chạy.

Mã Siêu đóng quân ở Vị Nam, sai người đến gặp Tào Tháo xin hòa, hứa sẽ cắt đất dâng nạp, tuy nhiên Tào Tháo không đồng ý. Tháng chín, Tào Tháo dẫn binh tiến quân vượt sông. Ban đầu Tào Tháo dùng kế đánh nhẹ nhàng, giả vờ yếu thế, tác chiến trong một thời gian dài, sau đó bất ngờ chuyển sang tác chiến ở bên sườn, đánh bại quân Tây Lương. Hàn Toại và Mã Siêu bỏ chạy về hướng Lương Châu. Quan Trung được bình định.

Sau khi trận chiến kết thúc, các tướng sĩ thỉnh giáo Tào Tháo: *“Lúc đầu, giặc trấn thủ ở Đồng Quan, đường phía bắc Vị Hà bỏ trống, sao Thừa Tướng không từ Hà Đông (phía đông Hoàng Hà) công đánh Bằng Dục mà lại cầm cự ở Đồng Quan mãi, dây dưa nhiều ngày, sau đó mới vượt sông dựng trại?”*

Tào Tháo đáp: *“Khi giặc trấn thủ Đồng Quan, nếu ta vừa đến mà đã tiến ngay vào Hà Đông, giặc tất chia quân giữ các cửa bến, thì chúng ta sẽ không có cách nào vượt sông ở phía tây Hoàng Hà. Cho nên ta tập trung nhiều quân ở Đồng Quan, khiến giặc cũng phải cố thủ ở*

phía nam, mà lơ là cảnh giác ở phía tây, từ đó Từ Hoảng, Chu Linh mới có thể thành công vượt sông. Sau đó, ta dẫn quân sang phía bắc vượt sông dựng trại, như vậy giặc không thể cùng ta tranh đoạt Hoàng Hà nữa, bởi vì chúng ta đã có hai đạo quân do hai tướng dẫn đầu, ép giặc vào tình cảnh “tiến thoái lưỡng nan”. Sau khi vượt sông, quân ta giả vờ yếu thế, khiến giặc đắc ý mà lơ là phòng bị, ta lại bồi dưỡng tốt binh sĩ rồi tập kích, đây gọi là “Sét đánh không kịp bưng tai”! Phép binh biến hoá, không có một đường nào cố định”.

Trong thời gian đầu của trận chiến này, mỗi khi có một tướng của Quan Trung đến tiếp viện cho Đồng Quan, Tào Tháo đều lộ vẻ vui mừng ra mặt. Chư tướng không hiểu, bèn hỏi trực tiếp, Tào Tháo giải thích: *“Quan Trung xa xôi nếu giặc phòng thủ khắp nơi và dựa vào địa hình hiểm trở, đánh nhau một hai năm chưa chắc thắng được. Nay chúng đều kéo về đây, số lượng tuy đông nhưng lòng người bất nhất, vừa hay để ta dễ dàng dùng kế ly gián và tiêu diệt, một trận là có thể ‘diệt cỏ tận gốc’, cho nên ta mới vui mừng”.*

Tháng giêng Kiến An năm thứ 17 (năm 212), Tào Tháo trở về Nghiệp Thành. Thiên Tử không ngừng tán thưởng, cho phép ngài “triều bái không phải xưng danh”, “vào triều không cần phải bước nhanh” (theo lễ xưa, khi đi qua mặt ai đó mà muốn thể hiện lòng tôn kính thì phải đi những bước ngắn và nhanh), được “đeo kiếm lên điện” ... Đãi ngộ ấy giống như Tiêu Hà năm xưa dưới triều Hán Cao Tổ Lưu Bang vậy.

Tháng giêng Kiến An năm thứ 18 (năm 213), Tào Tháo tiến quân về Nhu Tu Khẩu, thống lĩnh 40 vạn đại quân công đánh doanh trại Giang Tây của Tôn Quyền.

Cuối cùng bắt giữ Đô đốc Công Tôn Dương. Tôn Quyền nghe tin vội vàng lĩnh bảy vạn quân nghênh chiến, hai bên cố thủ hơn một tháng. Tào Tháo nhìn thấy quân đội của Tôn Quyền chỉnh tề, chuẩn bị kỹ lưỡng không khỏi tán dương: *“Sinh con phải được như Tôn Trọng Mưu”*.

Trận chiến bất phân thắng bại kéo dài, cuối cùng Tôn Quyền viết một lá thư khuyên Tào Tháo lui binh: *“Mưa xuân đã về, các hạ hãy mau rút quân”*. Hơn nữa, Tôn Quyền còn nhắn mạnh: *“Các hạ không chết, ta khó yên lòng”*.

Tào Tháo xem xong thư, đã nói với các chư tướng của mình rằng: *“Tôn Quyền không lừa ta”*. Trong lá thư này đã thể hiện rất rõ sự thông minh và tôn trọng giữa hai bậc anh hùng với nhau. Trong quân trướng của mình, Tào Tháo mơ thấy hai mặt trời cùng nhau bay lên từ sông Trường Giang, biết được Tôn Quyền có mệnh đế vương. Sau đó Tào Tháo lại hai lần chinh phạt Giang Đông, nhưng đều không đạt được thành công mà quay về, không phải do bệnh dịch hoành hành thì là Tôn – Tào hòa giải. Tào Tháo không có cách nào tiến thêm một bước vượt qua Trường Giang để nam hạ. Cuối thời nhà Hán, thiên hạ phân làm ba, quả thật là ý Trời, dựa vào sức người không có cách nào thay đổi được.

Sau khi hạ chiếu thư ra lệnh gộp 14 châu trở về 9 châu, tháng Tư cùng năm, Tào Tháo trở lại Nghiệp Thành.

Tháng Năm, Thiên Tử phong Tào Tháo làm Ngụy Công, trong chiếu chỉ viết, đại ý là:

“Khanh có công lao to lớn an định thiên hạ, đề cao các giá trị sáng suốt, quán xuyên trong ngoài, ban bố những thuần phong mỹ tục tốt đẹp, ân cần giáo hoá, đối

vớ tội phạm thì trừng trị đúng tội, không có kiểu quan lại hà khắc, dân chúng không chứa kẻ gian, tôn kính hoàng đế, khiến cho cháu con trong thiên hạ hiếu thuận cha mẹ, công đức to lớn, không gì so sánh được, tuy Y Doãn công cao uy danh thiên hạ, Chu Công chiếu sáng bốn biển, thì cũng không bằng Tào Tháo vậy!

Khanh có công cao như Y Doãn, Chu Công, nhưng vẫn coi trọng Tề, Tấn, trẫm lấy làm xấu hổ. Trẫm, thân thể suy yếu, còn phải gánh vác trăm họ, muôn ngàn gian nan, như rơi vào vực thẳm, như đi trên băng mỏng, nếu không có khanh, trẫm khó mà có được ngày hôm nay. Nay trẫm ban cho khanh mười quận huyện gồm có Hà Đông của Kỳ Châu, Hà Nội, Ngụy quận, Triệu Quốc, Trung Sơn, Thường Sơn, Cự Lộc, An Bình, Cam Lăng, Bình Nguyên, phong làm Ngụy Công. Đồng thời, khanh vẫn giữ chức Thừa Tướng, thống lĩnh cai trị Ký Châu, thưởng thêm Cửu Tích (chín loại lễ khí), nghe theo mệnh lệnh của trẫm”.

[Nguyên văn: “Quân hữu định thiên hạ chi công, trọng chi dĩ minh đức, ban tự hải nội, tuyên mỹ phong tục, bàng thi cần giáo, tuất thận hình ngục, lại vô hà chính, dân vô hoài thối; đôn sùng đế tộc, biểu kế tuyệt thế, cự đức tiền công, võng bất hàm trật; tuy Y Doãn cách vu hoàng thiên, Chu Công quang vu tứ hải, phương chi miệt như dã”.

“Công cao ư Y, Chu, nhi thưởng ty ư tề, tấn, trẫm thậm nục yên. Trẫm dĩ miếu miếu chi thân, thác ư triệu dân chi thượng, vĩnh tư quyết gian, nhược thiệp uyên băng, phi quân du tế, trẫm vô nhậm yên. Kim dĩ ký châu chi hà đông, hà nội, ngụy quận, triệu quốc, trung sơn, thường sơn, cự lộc, an bình, cam lăng, bình nguyên

*phàm thập quân, phong quân vy nguy công. Tích quân
huyền thổ, tư dĩ bạch mao; viên khế nhĩ quy, dụng kiến di
xã. Kỳ dĩ thừa tương lĩnh ký châu mục như cố. Hựu gia
quân cửu tích; đại lộ, nhung lộ các nhất, huyền mẫu nhị
tứ; duệ miện chi phục, xích tích phó yên; hiên huyện
chi nhạc, bát dật chi vũ; chu hộ dĩ cư; nạp bệ dĩ đăng; hổ
bí chi sĩ tam bách nhân; phu, việt các nhất; đồng cung
nhất, đồng thi bách, kỳ kính thính trẫm mệnh. Nguy
quốc trí thừa tương dĩ hạ ngẫu khanh bách liêu, giai*



Hán Hiến Đế phong cho Tào Tháo làm Ngụy Công, Tào Tháo ba lần từ chối. Bức tranh chân dung Tào Tháo do người thời nhà Minh vẽ. (Ảnh: Tài sản công)

như hán sơ chư hầu vương chi chế. Vãng khâm tai, kính phục trăm mệnh!”]

Tuy vậy, Tào Tháo khiêm nhường từ chối: *“Những vị tiếp nhận Cửu Tích đều là những nhân tài mở rộng quốc thổ, khai khẩn biên cương, ví như Chu Công. Tám vị tiên đế khác họ của triều Hán cũng giống như Hán Cao Tổ đều là khởi nghiệp từ áo vải thường dân mà lập ra Vương triều, giang sơn. Tất cả những vị ấy đều có công lao to lớn, thần làm sao có thể sánh bằng?”.*

Tào Tháo trước sau khiêm nhường từ chối ba lần.

Quân sư Tuân Du và hơn ba mươi vị tướng quân cùng nhau khuyên Tào Tháo đều bị ngài cảnh cáo, nhưng ngài vẫn tiếp nhận Ngụy quận. Tuân Úc lại tiếp tục khuyên nhủ, cuối cùng Tào Tháo nhận mệnh, dâng số tạ ơn:

“Thần nhận nhiều ân huệ của tiên đế, làm đến chức quan Nghị Lang, sinh tính lười biếng, vốn dĩ đã mãn nguyện, không dám hy vọng đạt đến quan tước càng cao để thoả mãn danh vọng của bản thân. May mắn nhận được long ân của bệ hạ, ban cho chức vị Thừa Tướng, nhận nhiều bổng lộc và sủng ái, phong chức tước to, được thưởng hậu hĩnh, thoả mãn nguyện vọng khi còn sống, nhưng trước giờ không dám hy vọng xa vời. Luôn tự vấn lòng, sẵn sàng rời chức nhận tội, chỉ làm Liệt hầu, cố gắng xây dựng xã tắc hưng thịnh, tạo phúc cho hậu thế, vĩnh viễn không ưu lo. Không ngờ bệ hạ ban thịnh ý như vậy, ban thưởng Cửu Tích cho thần lập nước, ban đất cho thần có thể sánh ngang với Tề, Lỗ, lễ chế này ngay cả vương hầu cũng khó mà có được, nói chi đến thần không có công lao gì nhưng lại đạt được tất cả. Tuy thần có báo lên giải bày và từ chối nhưng không được

phê chuẩn, nghiêm chiếu một lần nữa ban xuống, thực khiến thần lo lắng bồn chồn vì thịnh tình này của bệ hạ. Tự thần phản tỉnh, thân là trọng thần triều đình, tính mệnh thuộc về vương thất, chứ không còn là của bản thân, vì vậy há dám ích kỉ, cứ mãi ngu muội, để tránh làm chậm trễ và gây nhiễu cho bệ hạ, thần xin được nghe chỉ tòng lệnh. Chấp nhận tứ thưởng, bảo vệ triều đình, không dám có tư tâm, một lòng vì giang sơn xã tắc, phụ tử thần xin thề suốt đời tận trung, báo đáp hậu ân. Thiên tử uy nghiêm, kính tiếp chiếu thư”.

[Nguyên văn: Quân sư Tuân Du, liệt hầu, tướng quân đẳng tam thập dư nhất đồng tiến khuyến, tào thao sắc ngoại vy chương, dẫn thân nguy quận. Tuân du đẳng phục khuyến, tào thao nãi thân mệnh, thượng thư tạ viết: “Thần mông tiên đế hậu ân, trí vị lang thụ, thân tính bì đãi, ý vọng tất túc, phi cảm hy vọng cao vị, thứ kỷ hiển đạt... bệ hạ gia ân, thụ dĩ thượng tương, phong tước sủng lộc, phong đại hoẵng hậu, sinh bình chi nguyện, thực bất vọng dã. Khẩu dữ tâm kế, hạnh thả đãi tội, bảo trì liệt hầu, di phó tử tôn, tự thác thánh thế, vĩnh vô ưu trách. Bất ý bệ hạ nãi phát thịnh ý, khai quốc bị tích, dĩ huống ngu thần, địa tử tề, lỗ, lễ đồng phiên vương, phi thần vô công sở nghi ưng cứ. Quy tình thượng văn, bất mông thánh hứa, nghiêm chiếu thiết chí, thành sử thần tâm phủ ngưỡng bức bách. Phục tự duy tỉnh, liệt tại đại thần, mệnh chế vương thất, thân phi kỷ hữu, khởi cảm tự tư, toại kỳ ngu ý, diệc tướng truất thoái, linh tự sơ phục. Kim phụng cương thổ, bị số phiên hàn, phi cảm viễn kỳ, lự hữu hậu thế; chí ư phụ tử tương thệ chung thân, hôi khu tận mệnh, báo tắc hậu ân. Thiên uy tại nhan, tủng cụ thân chiếu”].

Mùa thu tháng Bảy, Tào Tháo bắt đầu xây dựng Tông Miếu, xã tắc nhà Ngụy.

Tháng ba Kiến An năm thứ 19 (năm 214), Tào Tháo chính thức nhận chức vị Ngụy Công – cao hơn cả chức vị hầu vương, Thiên Tử trao cho Tào Tháo Kim Tử, Xích Phất, và Viễn Du Quán.

Phục Hoàng hậu của Hiến Đế viết thư cho phụ thân của mình là Phục Hoàn, kể lại việc Hán Hiến Đế viết



Bức chân dung của Hoàng hậu Phục Thọ của Hán Hiến Đế, được lấy từ bản hiệu đính “Hình ảnh của Tam Quốc chí” vào mùa đông năm Canh Dần đời vua Quang Tự nhà Thanh. (Ảnh: Tài sản công)

mật chiếu với nội dung lệnh cho Đổng Thừa giết Tào Tháo bị phát hiện, Đổng Thừa bị Tào Tháo tru di cả tộc, vì vậy vô cùng oán hận Tào Tháo nhưng không dám lên tiếng. Sau đó, âm mưu lật đổ Tào Tháo của cha con họ Phục bị bại lộ, Tào Tháo đại nộ, giết chết Phục Hoàn. Tháng 11, ngài sai Ngự Sử đại phu Si Lự thu lại tỳ thụ của hoàng hậu. Sau đó, Tào Tháo phái Hoa Hâm dẫn binh vào cung bắt giữ người. Hoàng hậu đóng chặt cửa cung lẫn trốn, nhưng Hoa Hâm cho người phá cửa, đào tường, cuối cùng Phục Hoàng hậu cũng bị kéo đi và giết chết.

Cùng năm, Gia Cát Lượng để cho Quan Vũ ở lại trấn thủ Kinh Châu, còn mình đích thân dẫn theo Trương Phi và Triệu Vân cùng quân binh ngược dòng lên Ba Đông. Sau khi đến Giang Châu, lại cho công phá Ba Quận. Lưu Bị bao vây Lạc Thành một năm, Bàng Thống vì bị loạn tên bắn trúng mà tử trận. Phá vỡ được Lạc Thành, Lưu Bị tiếp tục tiến lên bao vây Thành Đô, sau đó Gia Cát Lượng, Trương Phi và Triệu Vân dẫn binh đến hội hợp cùng Lưu Bị.

Lưu Bị vây thành trong mười mấy ngày, để cho Giản Ung vào thành thuyết phục Lưu Chương. Lúc bấy giờ trong thành có ba vạn tinh binh, nhưng dân chúng hầu như đều chết vì chiến trận. Lưu Chương than thở: *“Phụ tử ta ở đây đã hơn hai mươi năm, không có công đức gì cho bách tính. Bách tính đánh trận ba năm, máu thịt lẫn với cỏ khô, dân chúng làm than, trong lòng khó mà an tâm”*.

Sau đó, Lưu Chương quyết định mở cổng thành, cùng Giản Ung đầu hàng, bầy tôi không ai cầm được nước mắt. Lưu Bị đưa Lưu Chương trở về thành Công

An, cho Lưu Chương tiếp tục giữ nguyên ấn thụ Chấn Uy Tướng Quân.

Lưu Bị tiến vào Thành Đô, tự xưng là Ích Châu Mục, phong cho Quân sư trung lang tướng Gia Cát Lượng làm Quân sư tướng quân, Quan Vũ làm Đô đốc Kinh Châu, Trương Phi làm thái thú Ba Tây... Tình thế của Ích Châu hiểm cố, sản vật phong phú, cho dù là tấn công hay phòng thủ đều được. Lưu Bị thu phục được Ích Châu, đồng thời ba nước Ngụy, Thục, Ngô cũng cơ bản hình thành cục diện thế chân vạc.

8. Tấn phong Ngụy Vương, mất Hán Trung, bại Quan Vũ

Trương Lỗ tự Công Kỳ, người huyện Phong thuộc nước Bái. Tổ phụ của ông là Trương Lăng, làm khách ở đất Thục, học đạo ở trong núi Hạo Minh, theo đạo Ngũ Đấu Mễ. Ông và cha mất, Trương Lỗ khôi phục lại đạo. Ông chiếm cứ Hán Trung, lấy đạo Ngũ Đấu Mễ để giáo hóa dân chúng, tự đặt hiệu là “*Sư Quân*”.

Tháng 3 năm Kiến An thứ 20 (năm 215), Ngụy Công Tào đích thân dẫn đại quân đánh Trương Lỗ; tháng 7, đến Dương Bình. Lỗ muốn đem Hán Trung đầu hàng, nhưng em của ông là Trương Xiểm không chịu. Tào Tháo tiến quân bình định mà hạ được. Trương Lỗ vào đất Thục chạy đến Ba Trung ở vùng núi phía Nam.

Tả hữu có người muốn thiêu hủy hết kho lương thực hàng hóa, Trương Lỗ nói: “*Bản thân ta muốn quy về quốc gia, mà ý chưa đạt. Nay phải đi để tránh xung đột, không có ác ý. Kho lương thực hàng hóa quý, là sở hữu của quốc gia.*” Nói rồi ông bèn niêm phong kho



*Quan Vũ bắt Bàng Đức, tranh thời nhà Minh năm 1430.
(Ảnh: Tài sản công)*

mà đi. Tào Tháo vào Nam Trịnh thì rất vui mừng, lại thấy Trương Lỗ có thiện ý, bèn sai người tới an ủi. Trương Lỗ cuối cùng với tâm thái “thà rằng làm nô tì cho Ngụy Công”, đem cờ xí “Hoàng Y Đương Vương” quy nhập Tào doanh. Trương Lỗ tận lực cố hiến, Tào Tháo phong cho Trương Lỗ là Trấn Nam tướng quân, lấy khách lễ đối đãi, phong cho ông chức Lãng Trung Hầu với ấp phong vạn hộ. Tào Tháo còn phong cho 5 người con của Trương Lỗ và Diêm Phổ làm Liệt Hầu, kết thông gia với Trương Lỗ, cho con trai lấy con gái Trương Lỗ. Trương Lỗ mất, Thụy là Nguyên Hầu, con được kế thừa.

Thừa tướng chủ bộ Tư Mã Ý nói với Tào Tháo rằng: “Lưu Bị dùng gian kế bắt được Lưu Chương, người

Thục vẫn chưa quy phục, mà lại tranh giành Giang Lăng ở xa, thời cơ này không được để mất đi. Nay phá được Hán Trung, Ích Châu sẽ chấn động, đưa quân đến gần, thế tất sẽ tan. Thánh nhân không thể làm trái thời gian, cũng không thể đánh mất thời cơ.” Tào Tháo nói: “Con người khổ chưa thấy đủ, đã được đất Lũng, lại nhòm ngó đất Thục!”

Lưu Diệp cũng khuyên, nói: “Bây giờ không lấy, sau này tất phải lo lắng.” Tháo không nghe theo, cho Hạ Hầu Uyên làm Đô hộ tướng quân, đốc thúc Trương Cáp, Từ Hoàng giữ Hán Trung; để thừa tướng trưởng sử Đỗ Tập làm phò mã đô úy, giám sát công việc của Hán Trung.

Tháng 12, Tào Tháo trở về Nam Trịnh, chỉ giữ Hạ Hầu Uyên đồn trú ở Hán Trung, quan thị trung Vương Xán có làm bài thơ ngũ ngôn để ca ngợi việc này: *“Tòng quân có khổ vui, dám hỏi người theo ai. Theo người có tài đức, được đánh trận dài dài? Tướng công đánh Quan Hữu, hiển hách chấn thiên uy, nhất cử diệt Huân Dục, tái cử phục Khương Di, phía tây thu giặc cỏ, dễ như cú nhật đồ. Bày thưởng hơn núi Nhạc, rượu thịt bày đê sông, quân trung đều dư dả, người ngựa đều béo tốt, đi bộ và ngồi xe, tất cả đều dư dả. Mở đất ba ngàn dặm, đi về nhanh như bay, ca vũ nhập Nghiệp Thành, sở nguyện đều như ý”*.

Việc Trương Lỗ đến Ba Trung, Hoàng Quyền nói với Lưu Bị: “Nếu như mất Hán Trung, thì Tam Ba sẽ khó mà chấn hưng lên được, việc này cũng giống như cắt mất cánh tay của nước Thục vậy.” Lưu Bị bèn phong cho Hoàng Quyền chức Hộ quân, dẫn các tướng đi đón Trương Lỗ. Trương Lỗ đã hàng Tào Tháo rồi, Hoàng

Quyền bèn đánh và phá được Phác Hồ, Đỗ Hoạch, Nhậm Ước. Tào Tháo sai Trương Cáp đốc thúc chư quân tuần sát Tam Ba, muốn di dân ở đó đến Hán Trung, tiến quân vào Đãng Cừ. Lưu Bị phái Trương Phi là Thái thú Ba Tây ra nghênh chiến, đánh nhau hơn 50 ngày, Trương Phi đánh bại Trương Cáp. Trương Cáp chạy về Nam Trịnh, Lưu Bị cũng rút về Thành Đô.

Tháng 2 năm Kiến An thứ 21 (năm 216) Tào Tháo quay về đất Nghiệp. Tháng 5, Hán Hiến Đế tấn phong Tào Tháo làm Ngụy Vương.

Tào Tháo nhiều lần dâng thư từ chối, chiếu xuống ba lần không chấp nhận: “Nay khanh trái lệnh trẫm, cố từ chối sự khẩn thiết. Việc này không phải vì trẫm mà để giáo huấn cho hậu thế vậy. Như thế là hạn chế chí hướng của khanh, nên đừng tiếp tục từ chối”. Thế là Tào Tháo làm Ngụy Vương, ấp 3 vạn hộ, vị trí đứng đầu các chư hầu, khi tấu không phải xưng thần, nhận chiếu không phải bái lạy, dùng mũ miện xe cộ y phục cờ xí, nghi thức lễ nhạc của thiên tử, xuất nhập có người dọn đường, tông miếu, tổ tiên, thờ cúng đều theo chế độ nhà Hán. Nghiệp Thành la quốc đô, các vương tử đều được phong là liệt hầu.

Tháng Giêng năm Kiến An thứ 22 (năm 217), Ngụy Vương Tào Tháo dẫn quân đến Cư Sào, Tôn Quyền bảo vệ Nhu Tu; tháng 2, Tào Tháo tấn công Tôn Quyền. Mùa đông, tháng 10, Hiến Đế truyền lệnh cho Tào Tháo được đội mũ miện 12 tua, ngời xe nạm vàng, 6 ngựa kéo, xe phụ có ngũ sắc chẳng khác gì hoàng đế.

Mùa hạ tháng 4 năm Kiến An thứ 23 (tức năm 218), thủ lĩnh Vô Thần Đê của bộ tộc Ô Hoàn ở Đại Quận và Thượng Cốc làm phản. Tào Tháo phong con trai của

mình là Yên Lăng Hầu Tào Chương làm kỵ binh tướng quân, đi tiên phong thảo phạt họ. Chương giỏi bắn cung, sức vóc hơn người. Tào Tháo cảnh báo Chương, nói rõ: “ Ở nhà là cha con, làm việc là quân thần, hành sự phải theo vương pháp, người phải cẩn trọng!”

Tào Chương tiến đánh bộ tộc Ô Hoàn ở Đại Quận, đích thân ra trận, áo giáp đã dính vài mũi tên, khí thế lên cao, thừa thắng xông tới đuổi quân địch lên phía bắc, đến tận phía bắc Tang Can. Kết quả đại thắng, chém đầu và bắt sống mấy ngàn tên. Khi đó Kha Bỉ Năng là thủ lĩnh của người Tiên Bi dẫn mấy vạn kỵ binh quan sát tình hình mạnh yếu, nhìn thấy sức chiến đấu của Chương đến đâu thắng đó, mới chịu xin hàng. Phía bắc được bình định.

Đến năm Kiến An thứ 24 (năm 219), Hạ Hầu Uyên và Lưu Bị đã cầm cự nhau được hơn một năm, Lưu Bị vượt sông Miến Thủy ở phía nam từ Dương Bình, Hạ Hầu Uyên dẫn quân giao tranh. Pháp Chính nói: “Nên đánh”. Lưu Bị sai tướng Hoàng Trung trước là tù binh thừa thế khua chiêng múa trống tấn công quân địch, phá tan quân của Hạ Hầu Uyên, chém Uyên và thích sử Ích Châu Triệu Ngung. Trước đó, Hạ Hầu Uyên đã thắng rất nhiều trận, Tào Ngụy Vương thường cảnh giới ông ta: “Làm tướng cũng có lúc yếu nhược, không thể chỉ dũng mãnh. Tướng phải lấy dũng mãnh làm gốc, hành động phải mưu trí; nhưng chỉ có dũng thôi, thì chỉ là một kẻ thất phu đối với kẻ địch.”

Hạ Hầu Uyên mất ở chiến dịch núi Định Quân, Tào Tháo đặc biệt phong cho danh hiệu “Quân sách lệnh”: “Hạ Hầu Uyên tháng này trộm đốt Lộc Giác. Lộc Giác cách bản doanh 15 dặm, Uyên đưa 400 binh lính đến

Lộc Giác, để bổ sung quân sĩ. Quân giặc trên núi nhìn thấy, từ trong hang động bất ngờ xuất hiện, Uyên cho quân đánh lại, quân địch bao vây đằng sau, quân lính rút lui mà Uyên vẫn chưa tới cứu viện, thương vong nhiều. Uyên vốn không phải là người giỏi dùng binh, trong quân gọi ông là “Bạch địa tướng quân”; làm đốc soái còn không tự tham chiến, huống hồ bổ sung quân cho Lộc Giác?”

Trương Cáp dẫn quân quay trở về Dương Bình, là lúc quân Ngụy vừa mất đi nguyên soái, trong quân rối loạn, không biết làm thế nào. Đốc quân Đổ Tập và Quách Hoài thu thập tàn quân, cùng nhau đề cử Trương Cáp làm chủ tướng. Cáp đứng ra làm, chấn chỉnh quân ngũ, các tướng đều chịu sự điều động của Trương Cáp, lòng dân cũng được an định. Ngoài ra, với mưu lược của Quách Hoài, nên lại càng bình ổn. Tào Tháo biết được tình hình thì rất là khen ngợi, sai sứ giả đến biểu dương tiết tháo của Trương Cáp, lại cho Quách Hoài làm tư mã.

Tháng 3, Ngụy Vương Tào Tháo từ Trường An đến Tà Cốc, gần với Hán Trung. Lưu Bị nói: Tào Tháo tuy đến, nhưng không thể làm gì rồi, ta tất có Hán Xuyên thôi.” Lưu Bị bèn tập trung chống đỡ chỗ hiểm, tuyệt không giao tranh. Tào Tháo và Lưu Bị cùng nhau cầm cự suốt mấy tháng, trong thời gian này chỉ có một cuộc chạm trán với đội quân hỗ trợ của tướng quân Triệu Vân bên Lưu Bị. Đến mùa hạ tháng 5, Tào Tháo đưa toàn bộ quân ở Hán Trung quay về Trường An, Lưu Bị liền có được Hán Trung.

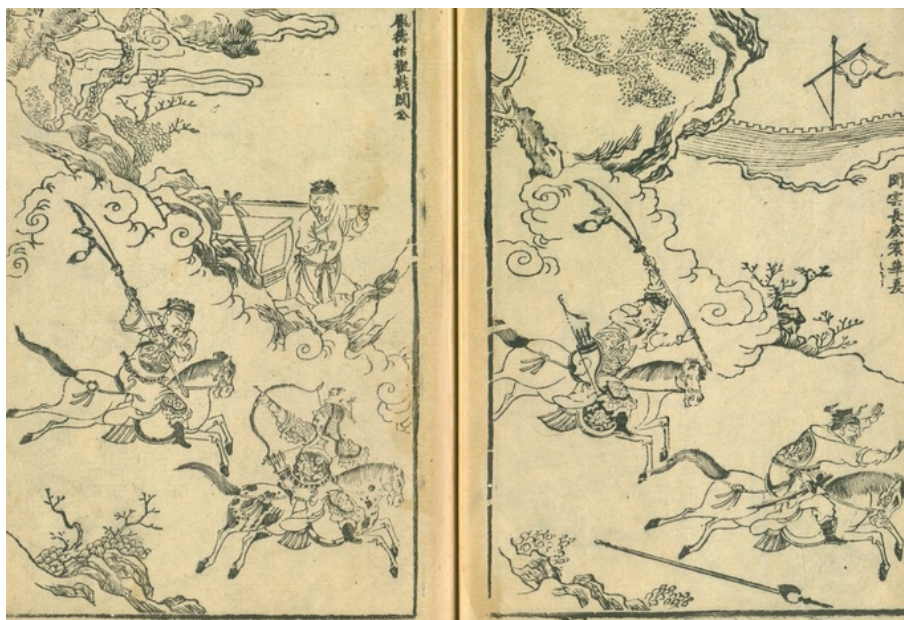
Tào Tháo e sợ Lưu Bị lấy Vũ Đô ở phía Bắc để uy hiếp Quan Trung, bèn dùng kế của Thích sử Ung châu

Trương Ký, cho Ký cai quản Vũ Đô, dời hơn 5 vạn người xuống núi đến ở biên giới Phù Phong, Thiên Thủy. Lại phái Tào Chân đến Vũ Đô, đón đám Tào Hồng trở về đồn trú ở Trần Thương, để kiềm chế Lưu Bị, Gia Cát Lượng.

Mùa thu tháng 7, Lưu Bị tự xưng Hán Trung Vương, phong Quan Vũ là tiền tướng quân, ban cho phù tiết và tín vật.

Quan Vũ sai Thái thú Nam Đô My Phương trấn giữ Giang Lăng, tướng quân Phó Sĩ Nhân trấn giữ Công An, còn Quan Vũ tự mình dẫn quân tấn công Tào Nhân ở đất Phàn. Tào Nhân sai Tả tướng quân Vu Cấm và Lập nghĩa tướng quân Bàn Đức đóng quân ở Bắc Phàn. Tháng 8, mưa liên tục, nước sông Hán Thủy tràn bờ, bình địa mấy trượng, đám quân Vu Cấm đều bị ngập. Vu Cấm và các tướng trèo lên cao tránh nước, Quan Vũ chèo thuyền lớn đến tấn công, đám quân Vu Cấm bị đường cùng phải xin hàng. Bàn Đức ở trên đê, mặc giáp cầm cung, bắn tên trúng đích, từ rạng sáng đã dốc sức chiến đấu, đến tận quá trưa, Quan Vũ đánh càng gấp; Bàn Đức hết tên, cầm dẫn binh giáp chiến. Bàn Đức càng giận dữ, khí thế càng mạnh, nhưng nước ngập mạnh khiến cho binh lính đầu hàng hết.

Bàn Đức ngồi thuyền nhỏ muốn quay về doanh trại của Tào Nhân, nước dâng mạnh làm lật thuyền và mất cung tiễn, một mình ôm lấy chiếc thuyền bị lật. Cuối cùng bị Quan Vũ bắt, ông nhất quyết không chịu quỳ. Quan Vũ nói: “Khanh huynh lúc tại Hán Trung, ta muốn để khanh làm tướng, không sớm đầu hàng là làm sao!” Đức nói: “Thằng nhãi ranh, cái gì gọi là hàng vậy! Ngụy Vương mang giáp trăm vạn, uy chấn thiên hạ. Lưu Bị nhà ngươi chỉ là hạng tầm thường mà thôi, há



Bàng Đức khiêng quan tài đánh nhau với Quan Vũ , Quan Vân Trường uy chấn Hoa Hạ, bản khắc in “Tam quốc chí” thời nhà Thanh được cất giữ tại Đại Khôi Đường. (Ảnh: Tài sản công)

có thể so sánh! Ta thà làm quý nước nhà, quyết không làm tướng giặc!” Quan Vũ liền giết ông.

Tào Tháo nghe tin rơi nước mắt nói: “Ta biết Vu Cấm 30 năm, làm sao khi lâm nguy khốn, lại không bằng Bàng Đức chứ!” Rồi ông phong hai con của Bàng Đức là Liệt hầu.

Quan Vũ cấp tốc tấn công Phàn Thành, thành bị ngập nước, thường xuyên bị sạt lở, dân chúng đều sợ hãi. Có người nói với Tào Nhân rằng: “Mỗi nguy hôm nay không sức mạnh nào chống đỡ được, nhân lúc Quan Vũ chưa kịp vây kín, nên dùng thuyền nhẹ thoát đi trong đêm.” Thái thú Nhữ Nam Mãn Sủng nói: “Nước từ trên núi chảy nhanh và mạnh, hy vọng không kéo

dài. Nghe tin Quan Vũ đã sai biệt tướng đến đất Giáp, tự tán dương mình ở phía nam, dân chúng bị quấy nhiễu, Quan Vũ sợ dĩ không dám tiến thêm, vì sợ quân ta đánh ở phía sau mà thôi. Nếu bây giờ chúng ta bỏ đi, lũ lụt tràn xuống phía nam, sẽ không còn cơ hội phục quốc, ngài nên chờ đợi.”

Nhân nói: “Hay!”, rồi cho dìm chết ngựa trắng, cùng với quân lính ăn thề, đồng tâm cố thủ. Nhân lực trong thành còn mấy nghìn người, trong thành còn một số cơ bản chưa bị chìm. Quan Vũ ngồi thuyền đến tận thành, lập tức bao vây mấy lớp, cắt đứt trong ngoài. Ở phía nam, người theo Quan Vũ không ngớt, Quan Vũ uy chấn Hoa Hạ.

Ngụy Vương Tào Tháo bàn tính việc dời Hứa Đô để tránh xung đột, Thừa tướng quân tư mã Tư Mã Ý, Tây Tào thuộc Tướng Tế nói với Tào Tháo rằng: “Bọn Vu Cấm vì bị nước nhấn chìm, không phải thua do đánh trận, đối với đại sự quốc gia chưa phải là tổn thất. Lưu Bị, Tôn Quyền bằng mặt mà không bằng lòng, Quan Vũ thì đang đắc chí, Quyền tất không muốn như thế rồi. Có thể sai người khuyên Quyền nghe theo, hứa cắt đất Giang Nam cho Quyền, thì vòng vây tự giải.” Tào Tháo nghe theo.

Tới khi Quan Vũ tấn công Phàn Thành, tướng trấn thủ Lục Khẩu Lã Mông của Tôn Quyền cáo bệnh nặng, cho Lục Tốn thay Lã Mông. Lục Tốn vẫn chưa có danh tiếng, không phải là đối thủ của Quan Vũ. Lục Tốn đến Lục Khẩu, gửi thư cho Quan Vũ, ca ngợi công đức của ông, tự mình rất nhún nhường, có ý để gửi gắm tận trung. Quan Vũ rất yên tâm, không chút nghi ngại, giảm bớt quân số đến Phàn Thành. Quan Vũ thu được mấy

vạn người của Vu Cấm, nên thiếu thốn lương thực, cho quân lấy gạo của Quyền ở Tương Quan; Tôn Quyền biết tin, bèn phát binh tập kích Quan Vũ.

Lã Mông đến Tầm Dương, ra sức hàng phục tinh binh của Quan Vũ, lại sai quân lính mặc áo trắng chèo thuyền, đóng giả làm thương nhân, đi lại suốt đêm. Khi Quan Vũ đồn trú ở ven sông, tận thu và bắt người, là nguyên do khiến Quan Vũ không hề hay biết. Bộ tướng của Quan Vũ là Mi Phương, Phó Sĩ Nhân vốn đều hiềm nghi Quan Vũ coi thường mình. Khi Quan Vũ xuất binh, Phương và Nhân không cung cấp đủ lương thảo, Quan



Tranh minh họa Quan Vân Trường đại chiến Từ Hoảng. Lã Tử Minh mưu trí lấy Kinh Châu, bản “Tam Quốc Chí” thời nhà Thanh cất giữ tại Đại Khôi đường. (Ảnh: Tài sản công)

Vũ nói: “Trả lại, sẽ trừng trị!”. Phương và Nhân đều sợ hãi mở cửa thành Nam Quận đầu hàng Mông.

Quan Vũ nghe tin Nam Quận bị phá, lập tức giải vây Phàn Thành quay về phía nam. Quan Vũ mấy lần sai người thăm dò tin tức Lã Mông, Mông đều hậu đãi sứ giả, đi khắp trong thành, nhà nhà được hỏi, hoặc viết thư tay. Quân lính của Quan Vũ trở về, dò xét tin tức thì đều biết gia môn không có việc gì, được đãi ngộ quá lúc bình thường, khiến cho quân của Quan Vũ không có lòng chiến đấu.

Tôn Quyền cho Lã Mông làm Thái Thú Nam Quận, phong chức Sấn Lãng Hầu, ban thưởng 10 vạn tiền, vàng 500 cân; cho Lục Tốn làm Thái thú Nghi Đô.

Quan Vũ bảo vệ Mạch Thành ở phía tây. Tôn Quyền sai Chu Nhiên, Phan Chương cắt đứt đường lộ của ông. Tháng 12, Tư mã của Phan Chương là Mã Trung bắt sống được Quan Vũ và con trai của ông là Quan Bình ở thôn Chương, chặt đầu ông, rồi bình định Kinh Châu. Tôn Quyền gửi thủ cấp của Quan Vũ đến cho Tào Tháo. Tào Tháo lấy hầu lễ mai táng ông. Đến đây cũng kết thúc một đoạn truyền tụng thiên cổ về Tào Tháo và Quan Vũ: tiếc anh hùng, biết anh hùng, và cái duyên “Nghĩa” đã kết của các anh hùng dũng tuyến tương báo.

9. Đại nghiệp thành công vẫn không xưng Đế, lưu danh thiên cổ

Bắt đầu từ thời Hán Vũ Đế, tư tưởng Nho gia và học thuyết Sấm Vĩ ngoại nho được lưu hành rộng rãi trong hai thời kỳ Lương Hán (Tây Hán và Đông Hán). “Thông kinh” và “nhân hiếu” là hai điều mà các nhân sĩ

của Lương Hán tuân theo. Vào thời đại của Linh Đế và Hiến Đế, nhà Hán sắp diệt vong, đạo đức xã hội không ngừng đi xuống, “hủ nho tục đạo” lan tràn khắp nơi. Trong “Bão phác tử ngoại thiên” quyển thứ 15 đã miêu tả giai đoạn này như sau: “Đương thời, nhân sĩ có tài rất hiếm, con cái bất hiếu, quan lại tham ô, các Tướng đều nhát gan, sợ chết.” Trước tình trạng này, Tào Tháo ba lần phát “cầu hiền lệnh”, không câu nệ phẩm hạnh, chỉ cần có tài là được, cũng thu được những anh hào trong thiên hạ.

Cầu Hiền Lệnh

(Kiến An năm thứ 15, năm 210).

Phiên âm Hán Việt:

Tự cổ thụ mệnh cập trung hưng chi quân, hạt thường bất đắc hiền nhân quân tử dĩ chi cộng trị thiên hạ giả hồ! Cập kỳ đắc hiền dã, tăng bất xuất lư hạng, khả hạnh tương ngộ tại? Thượng chi nhân cầu thủ chi nhi. Kim thiên hạ thương vị định, thử đắc cầu hiền chi cấp thì dã. 「mạnh công xước vi Triệu, Nguy lão tắc ưu, bất khả dĩ vy đằng, Tiết đại phu」. Nhược tất liêm sĩ nhi hậu khả dụng, tắc Tề Hoàn kỳ hà dĩ bá thế! kim thiên hạ đắc vô hữu bị hạt hoài ngọc nhi diếu ư vị tân giả hồ? Hựu đắc vô hữu đạo tấu thâm kim nhi vị ngộ vô tri giả hồ? Nhị tam tử kỳ tá ngã minh dương trắc lậu, duy tài thị cử, ngô đắc nhi dụng chi.

Đại ý là:

Xưa nay các bậc Quân chủ khai quốc và chấn hưng quốc gia, có ai là không có được người hiền tài cùng Quân vương trị quốc? Lúc các Quân vương có được

hiền tài, nhiều hiền tài chưa từng bước chân ra khỏi làng, ra khỏi ngõ, chẳng lẽ là ngẫu nhiên gặp được? Chắc chắn phải cầu tìm và phát hiện ra. Nay thiên hạ chưa định, chính là thời điểm cấp thiết cầu tìm người hiền tài. “Mạnh Công Xước làm quan cho hai nhà Triệu, Ngụy rất xuất sắc, nhưng lại không thể làm quan giỏi cho hai nước nhỏ như Tiết, Đằng”. Nếu như không có được những người tài năng liêm khiết để sau đó sử dụng, thì Tề Hoàn Công làm sao có thể xưng bá thiên hạ. Ngày nay có ai giống như Khương Tử Nha mặc vải thô nhưng lại có tài năng thật sự ngồi câu cá bên Vị Thủy hay không? Cũng có ai giống như Trần Bình mang ô danh “đạo tẩu thụ kim” (vụng trộm chịch dâu, nhận tiền vàng) nhưng chưa gặp được người tiến cử như Ngụy Vô Tri không? Mọi người nên giúp ta phát hiện ra những nhân tài đang bị vùi lấp ở đáy xã hội, chỉ cần có tài năng thì cứ việc đề cử, để ta có thể có được họ và sử dụng họ.

“Sắc hữu ti thủ sĩ vật phế thiên đoản lệnh”

(Kiến An năm thứ 19, năm 214).

Phiên âm Hán Việt:

Phu hữu hành chi sĩ, vị tất năng tiến thủ, tiến thủ chi sĩ, vị tất năng hữu hành dã. Trần Bình khởi đốc hành, Tô Tần khởi thủ tín tà? Nhi Trần Bình định Hán nghiệp, Tô Tần tế nhược Yên. Do thử ngôn chi, sĩ hữu thiên đoản, dong khả phế hồ! Hữu ty minh tư thử nghĩa, tắc sĩ vô di trệ, quan vô phế nghiệp hĩ.

Đại ý là:

Những người có đức hạnh đầy đủ chưa chắc đã làm nên đại nghiệp, mà người làm nên đại nghiệp cũng

không nhất định có phẩm đức hoàn mỹ. Trần Bình có phẩm đức hoàn mỹ sao? Tô Tần nói có giữ chữ tín sao? Nhưng Trần Bình giúp nhà Hán xây dựng đại nghiệp, Tô Tần lại giúp nhà Yên yếu nhược mạnh trở lại. Do đó có thể thấy, người có tài cao cũng có sở đoản, sao có thể vì có sở đoản mà không sử dụng. Hy vọng các quan đều hiểu rõ đạo lý này, thì sẽ không để mai một người tài, như vậy mới có thể làm hết chức trách.

“Cử hiền vật câu phẩm hạnh lệnh”

(Kiến An năm thứ 22, năm 217).

Phiên âm Hán Việt :

Tích y chí, phó thuật xuất ư tiện nhân, Quản Trọng, Hoàn Công tặc dã, giai dụng chi dĩ hưng, Tiêu Hà, Tào Tham, huyện lại dã, Hàn Tín, Trần Bình phụ ô nhục chi danh, hữu kiến tiếu chi sỉ, tốt năng thành tựu vương nghiệp, thanh trước thiên tải. Ngô Khởi tham tướng, sát thê tự tín, tán kim cầu quan, mẫu tử bất quy, nhiên tại Ngụy, Tần nhân bất cảm đông hướng, tại sở, tặc tam tấn bất cảm nam mưu. Kim thiên hạ đắc vô hữu chí đức chi nhân phóng tại dân gian, cập quả dũng bất cố, lâm địch lực chiến; nhược văn tục chi lại, cao tài dị chất, hoặc kham vy tướng thủ; phụ ô nhục chi danh, kiến tiếu chi hành, hoặc bất nhân bất hiếu, nhi hữu trị quốc dụng binh chi thuật: kỳ các cử sở tri, vật hữu sở di.

Đại ý là :

Vào thời cổ đại Y Doãn, Phó Thuyết đều là người xuất thân từ dân chúng hèn mọn, Quản Trọng là người đối địch với Tề Hoàn Công, cả hai đều được trọng dụng mà làm cho đất nước thêm hưng thịnh. Tiêu Hà và Tào

Tham đều là những thư lại nhỏ ở các huyện phủ. Hàn Tín và Trần Bình đều mang ô danh chịu nhục, bị người chê cười, nhưng cuối cùng đều có công giúp Đế vương thành đại nghiệp, lưu danh thiên cổ. Ngô Khởi vì muốn được làm Tướng đã giết vợ để có được tín nhiệm, không tiếc bạc vàng để mua được quan chức, mầu thân qua đời cũng không trở về chịu tang. Lúc Ngô Khởi ở nước Ngụy, nước Tần không dám nhòm ngó phương đông (tức nước Ngụy). Khi Ngô Khởi ở nước Sở, Tam Tấn (Hàn, Triệu, Ngụy) dám có mưu đồ thôn tính phương nam (tức nước Sở). Ngày nay trong thiên hạ có hay không người mang đạo đức cao thượng ẩn mình trong bách tính; người quả quyết, dũng cảm, gặp địch liều chết; hoặc có viên quan văn thông tục nhưng có tài năng có khí chất, có thể làm mưu sỹ cho tướng lĩnh trấn thủ; hoặc là những người từng mang ô danh, bị người đời chê cười đức hạnh, hoặc người từng có hành vi bất nhân bất hiếu, nhưng lại biết cách dùng binh, trị nước, thì mọi người đều phải tiến cử, không được bỏ sót.

Trong sử sách ghi chép về Tào Tháo như thế này: “Có tài nhìn người, hơn nữa còn biết cách dùng người, biết ai là nhân tài, chiêu mộ họ đến giúp ngài tạo dựng Đế nghiệp, những người mà ngài trọng dụng hầu như đều được liệt vào hàng ngũ danh tướng.”

Kiến An năm thứ 24 (năm 219), Tào Tháo phong cho Tôn Quyền làm Phiêu Kỵ Tướng Quân, ban cho cờ tiết, cai trị Kinh Châu, phong Nam Xương Hầu. Tôn Quyền phái Giáo Úy Lương Ngụ tiến cống, lại cho phép Chu Quang, vốn dĩ là tù binh, trở về phương bắc, dâng sớ xưng thần với Tào Tháo, nói rằng đây là Thiên mệnh. Tào Tháo nhận lấy tấu sớ của Tôn Quyền liền đề lên

một dòng chữ: “Thị nhi dục cứ ngô trú lô hỏa thượng tà” (Tạm dịch: Trong tình thế lúc bấy giờ, ai xưng Đế trước sẽ trở thành kẻ địch chung của thiên hạ). Vì vậy câu nói này của Tào Tháo có nghĩa là: Người muốn đẩy ta lên ngọn lửa nướng sao?

Thị trung Trần Ngẫu và Thượng thư Hoàn Giai khuyên Tào Tháo nên đoạt lấy thiên hạ nhà Hán, bởi vì nhà Hán đã tận khí số, Hoàng gia đang hưng, tương lai sẽ do Tào Ngụy nắm quyền theo thiên mệnh, trong tấu sớ viết: “Từ đời Hán An Đế quyền lực bị hoàng thất thao túng, cho đến nay chỉ còn lại danh tiếng, khí số đã đến hồi tận. Thời Hán Hoàn Đế và Hán Linh Đế, chỉ cần là người dân bình thường đều biết nhà Hán đã hết. Nay Điện hạ nắm quyền, chín phần thiên hạ đều đã nắm trong tay, xa gần đều kính phục. Ngay cả kẻ thù của ngài là Tôn Quyền cũng đã cúi đầu xưng thần. Đây là thuận theo trời và lòng người mà hành.”

Đại tướng Hạ Hầu Đôn cũng khuyên Ngụy Vương: “Cả thiên hạ đều cảm nhận được nhà Hán đã đến hồi tận, một triều đại khác bắt đầu. Từ xưa đến nay đều cần một Minh chủ có thể giúp dân trừ hại, thống nhất thiên hạ. Điện hạ chinh chiến hơn ba mươi năm, công đức vô lượng, ngày nay có thống nhất thiên hạ cũng là nghe theo Thiên mệnh, thuận theo lòng dân”.

Cuối cùng Tào Tháo cũng không nghe theo khuyên can của thuộc hạ, ngài nói: “Nếu như Thiên mệnh thực sự là do ở ta, vậy ta nguyện làm Chu Văn Vương”. Tào Tháo vẫn muốn làm thần tử, từ chối xưng Đế, tiếp tục phò tá nhà Hán.

Tào Tháo phụng theo Thiên ý, cả đời chinh chiến, giải thích quy tắc “Bình chinh thiên hạ, Vương giả trị

quốc” một cách hoàn mỹ, hoàn thành đại nghiệp. Ngài tuân theo Thiên mệnh, từ chối xưng Đế, thiên hạ phân làm ba. So với những anh hùng cùng thời, thì hàm ý của từ “Nghĩa” được Tào Tháo giải thích triệt để. Lưu lại cho hậu thế một thiên anh hùng ca tuyệt thế.

Tháng Giêng năm Kiến An thứ 25 (năm 220), Tào Tháo đến Lạc Dương, ông mất ở Lạc Dương khi vừa tròn 66 tuổi.

Trước khi mất, Tào Tháo đã hạ lệnh an bài hậu sự của mình như thế này: “Theo phong tục từ xưa đến nay, người mất đều phải an táng ở một nơi hoang vắng. Mộ phần nên chọn nơi dốc cao ở gần biên giới Từ Tây của Tây Môn Báo. Như vậy thì sẽ không cần đến nhân lực đắp mộ cao, đạt đến hiệu quả cao, thích hợp với địa hình nơi đó. Không cần phong tỏa khu vực đất đai, xây dựng mộ phần, cũng không cần lập bia vãn. Tuy nhiên có thể dựa theo “Chu lễ” bồi lẫm, vì vậy nên chọn khu vực đất đai rộng rãi, dung nạp những người đã qua đời cùng bồi lẫm.”

Ông còn dặn dò: “Ta thực hiện pháp lệnh trong quân là đúng, nhưng không tránh khỏi những lúc thất thoát, tức giận, không đáng để người đời học hỏi. Thiên hạ vẫn chưa ổn định, không nên tuân theo chế độ lễ táng cổ đại. Sau khi an táng ta, thì hãy cởi bỏ tang phục, những tướng sĩ trấn thủ quan ải không được rời khỏi vị trí. Những quan chức trong triều đình nên làm đúng chức trách. Khi tấn liệm cứ để nguyên y phục ta đã mặc, mai táng ở trên Sơn Cương phía tây Nghiệp Thành, gần với Từ Tây của Tây Môn Báo. Không được dùng vàng ngọc trân bảo bồi táng.”



Con trai trưởng của Tào Tháo và Biện Thị là Tào Phi kế vị, ảnh “Tam quốc chí”, bản được cất giữ tại Đại Khôi Đường. (Ảnh: Tài sản công)

Con trai trưởng của Tào Tháo và Biện Thị là Tào Phi kế vị, Tào Tháo được truy phong làm Vũ Vương. Tháng 2 năm Đinh Mão, dựa vào di lệnh của Tào Tháo, ông được an táng ở Cao Lăng.

Lưu Bị viết thư thể hiện lòng thương xót: “Bị nghe tin Tào Công hoẵng (đây là từ dùng để chỉ các chur hầu qua đời), sai Hàn Nhiễm đến dâng thư điếu”, “tình cố gắng” (cố gắng nặn vài giọt).

Tháng 11 năm Quý Dậu, Hán Đế tuyên bố nhường vị, đối xưng là Sơn Dương công. Tào Phi lên ngôi Hoàng Đế, sử dụng lễ nghi Thiên Tử truy tôn Tào Tháo làm Vũ Hoàng đế, miếu hiệu Thái Tổ.

Trần Thọ viết: “Cuối thời nhà Hán, thiên hạ đại loạn, anh hùng hào kiệt nổi dậy ở khắp nơi, mà Viên Thiệu giống như hổ vồ tứ châu, hùng mạnh không ai địch nổi. Ngụy Thái Tổ Tào Tháo bày mưu tính kế, không ngừng chiến đấu dẹp loạn, sử dụng tư tưởng Pháp gia của Thân Bất Hại và Thương Ưởng, áp dụng mưu kế biến hóa khôn lường của Hàn Tín và Bạch Khởi. Chọn dùng người hiền tùy vào tài năng, cho dù nắm quyền lớn trong thiên hạ nhưng không hiềm thù cũ. Cuối cùng cũng nắm giữ được thời vận của bậc Đế Vương, lập nên nghiệp lớn. Ngụy Thái Tổ có mưu lược và sự sáng suốt ưu việt. Có thể nói ngài là một người phi thường, một bậc hào kiệt vượt cả thời đại.” (*Tam Quốc Chí*).

La Quán Trung viết: “Anh hùng thay Ngụy Thái Tổ, quét sạch những can qua khói lửa trong thiên hạ. Dù trong bất kỳ tình huống động hay tĩnh đều luôn giữ vững tài trí, giỏi dùng người hiền đức.” (Trích chương 13 “Hào kiệt khắp nơi đồng khởi, ai ai cũng hưởng ứng”, “Tam quốc chí thông tục diễn nghĩa”)

Lý Toản viết: “Anh hùng thời loạn thế không ai qua được Tào Tháo.” (*Hậu Hán Thư quyển thứ 67, Đãng Cổ Liệt Truyện quyển thứ 57*).

Lương Mậu viết: “Tào Công buồn rầu vì sự nguy bại của đất nước, xót thương trước cảnh bách tính lầm than, vì thiên hạ mà thống lĩnh nghĩa binh tiêu diệt những kẻ hung bạo. Công đức vô lượng, có thể nói là có một không ai.” (*Tam Quốc Chí*).

Tôn Sở: “Thái Tổ tiếp nhận vận mệnh, mang theo sức mạnh của bậc thánh nhân mà chinh phạt bạo loạn, bình định thiên hạ. Thiên mệnh đã định, cơ nghiệp của nhà Ngụy ngày càng hưng thịnh, mở rộng lãnh thổ.” (*Tấn Thư – Liệt truyện quyển 26*).

Lục Cơ: “Cuối thời nhà Hán là tình cảnh đất nước loạn lạc. Từ trong đầm sâu tiềm ẩn một mãnh long vỗ cánh lướt trên những đám mây cát tường bay về phương xa. Vận dụng Thần đạo làm nhiều việc thiện phù hợp đạo đức, uy phong cưỡi gió, lướt mây. Phá hủy quần hùng cũng nhanh như tia sét đánh vào vạn vật. Đánh bại đối thủ lớn mạnh cũng dễ dàng giống như vứt đi một đồ vật. Dùng mưu lược cao thâm chỉ huy tám phương, trước tiên diệt trừ họa hoạn, sau đó mới tiến hành vỗ về, an ủi. Chính lý lại pháp chế bị mai một, mở ra cấm địa trong trời đất. Chính đốn kỹ cương vốn dĩ đã đánh mất, kết thúc sự chia cắt lãnh thổ, thống nhất đất nước, thiên hạ thái bình. Dùng ánh sáng đạo đức hòa lẫn cùng ánh sáng nhật nguyệt đồng thời chiếu sáng khắp thiên hạ. Thực hiện công lớn đầu tiên tại Cửu Châu, người khắp thiên hạ đều ngưỡng mộ.”

Phan Nhạc: “Ngụy Vũ tức giận như sấm vang, dùng lý do vì “nghĩa” mà thảo phạt phản loạn. Thuộc hạ của

Hàn Toại, Mã Siêu mặc dù nhiều vô số kẻ nhưng vẫn không có tác dụng, vẫn bị Ngụy Vũ Đế đánh bại một cách thần kỳ.” (*Tây Chinh Phú*).

Vương Đạo: “Xưa Ngụy Vũ đạt được quyền bính của bậc Đế Vương; Tuân Văn Nhược là công thần có công lớn nhất.” (*Tấn thư – Liệt truyện quyển 35*).

Bùi Tùng Chi: “Ngụy Thái Tổ sử dụng kế sách linh hoạt, mưu lược cao minh.” (*Tam Quốc Chí – Ngụy chí – Vũ Đế kỷ – Bùi Tùng Chi chú*).

Vương Bột: “Tào Tháo dụng binh giống như Tôn Tử và Ngô Tử, dùng kỳ mưu đối với kẻ địch và rất ít khi thất bại. Vì vậy mà ngài có thể bắt được Lữ Bố ở phía đông, đánh bại Viên Thiệu ở phía bắc. Ở Thọ Trương đánh bại Hoàng Cân (Khăn Vàng), chém chết Huy Cố tại Xạ Khuyển. Đại quân của Tào Công tiến quân đến phương bắc giết chết Đạp Đốn, tiến công đến phương nam bắt giữ được Lưu Tông.” (*Tam quốc luận*)

Trương Thuyết thơ rằng :

“Quân bất kiến Ngụy Võ thảo sang tranh thiên lộ,
Quần hùng nhai tỳ tương trì trực.
Trú huề tráng sĩ phá kiên trận,
Dạ tiếp từ nhân phú hoa ốc.
Đô ấp liễu nhiễu tây sơn dương,
Tang du hãn mạn chương hà khúc.
Thành quách vy khư nhân đại cải,
Đãn kiến tây viên minh nguyệt tại.
Nghịệp bàng cao trủng đa quý thần,
Nga my mạn lộ cộng hôi trần.

Thí thượng đồng đài ca vũ xứ,
Duy hữu thu phong sâu sát nhân. ”

(“Nghịệp thành dẫn”)

Trương Đĩnh thơ rằng :

Quân bất kiến Hán Gia thất thống tam linh biến,
Ngụy Võ tranh hùng lục long chiến.
Đặng hải thôn giang chế trung quốc,
Hồi thiên vận đấu ượng nam diện.
Ẩn ẩn đô thành tử mạch khai,
Điều điều phân dã hoàng tinh kiến.
Lưu niên bất trú chương hà thủy,
Minh nguyệt nga chung nghịệp quốc yến.
Văn chương do nhập quản huyền tân,
Duy tọa không tiêu hồ thổ trần.
Khả tích vọng lãng ca vũ xứ,
Tùng phong tứ diện mộ sâu nhân.

(“Nghịệp thành dẫn”)

Hà Khứ Phi bình luận rằng: “Tào Tháo bàn binh pháp không giống Tôn Vũ, dùng binh không giống Hàn Tín. Tôn Vũ viết ra binh thư nhưng không chắc có thể tự thân sử dụng, vẫn được lưu truyền hậu thế. Ngược lại Hàn Tín không viết binh thư, Tào Tháo mặc dù có viết tuy nhiên không được lưu truyền cho hậu thế. Tất nhiên Hàn Tín và Tào Tháo đều học binh pháp Tôn Vũ, nhưng họ phải có bản lĩnh, có năng lực của riêng mình mới có thể đánh thắng trận, lưu danh thiên cổ. Cũng



Ngụy Võ Đế Tào Tháo (Ảnh: Tài sản công)

như khắp thiên hạ vô số người đọc binh pháp Tôn Vũ nhưng không phải ai cũng có thể lãnh quân đánh trận, nếu không thì tất cả những người đọc qua đều đã là Hàn Tín và Tào Tháo rồi.”

Tuy nhiên, bắt đầu từ triều đại nhà Tấn, có nhiều người phỉ báng, bêu xấu Tào Tháo. Trong “Dị Đồng Tạp Ngữ”, Tôn Thịnh cũng đồng ý với lời bình của Hứa Thiệu về Tào Tháo, gọi ngài là “gian hùng thời loạn”. Còn thuật lại Tào Tháo giết chết Lã Bá Sa. Câu nói:

“Thà ta phụ người, tuyệt không để người phụ ta” cũng được gắn vào cho Tào Tháo. Hơn nữa thông qua “Tam quốc diễn nghĩa”, hình ảnh phản diện về Tào Tháo bị tô đậm, mặc dù chỉ là các tình tiết được biên tạo ra nhưng lại hủy diệt hình tượng anh hùng chân chính của Tào Tháo, khiến cho Tào Tháo trở thành một gian hùng nổi tiếng nhất trong thiên hạ. Đối với việc Tào Tháo công phạt Từ Châu của Đào Khiêm, Tôn Thỉnh thậm chí còn nhận xét như thế này: “Dùng lý do trách tội Đào Khiêm để tàn sát giết hại bộ hạ của Đào Khiêm là một hành vi vô cùng sai trái”...

Trong tác phẩm “Hán Tấn Xuân Thu” của Tập Tạc Xỉ, vào thời Đông Tấn, Tào Tháo bị coi là kẻ phản nghịch, soán ngôi vua. Tập Tạc Xỉ đã đưa ra nhận định của bản thân như thế này: “Vào thời đại Tam quốc, chính quyền chính thống kế nghiệp nhà Hán nên là Thục Hán, còn Ngụy Vũ Đế mặc dù nhận được chỉ lệnh của vua Hán, nhưng đó cũng chỉ là phản nghịch, soán ngôi”. Những điều này hoàn toàn làm nghiêng lệch lịch sử.

Bị Tôn Thỉnh và Tập Tạc Xỉ ảnh hưởng, sau thời Nam Bắc Triều và Đường Tống chuyên lưu hành những câu chuyện hủy hoại hình tượng của Tào Tháo, khiến cho hình tượng anh hùng của ngài ngày càng sút kém.

Trong tác phẩm “Thế thuyết tân ngữ”, Lưu Nghĩa Khánh (một nhà văn học của Nam Triều Tống, cháu của Tống Vũ Đế Lưu Dự) đã xem Tào Tháo là “kẻ xảo trá”.

Sau Ngũ Đại Thập Quốc, Nam Đường, Nam Tống làm đại biểu cho chính quyền phương nam, tự sánh bản thân giống như Tôn Ngô và Thục Hán của thời đại Tam quốc, sáng tạo ra cái gọi là “Nam triều chính thống luận” (luận về Nam triều chính thống), lên án những

chính quyền Phương bắc là kẻ cướp, những Vương triều không chính thống. Hơn nữa, vào thời đại nhà Tống, “Trình Chu Lý học” trở nên hưng thịnh và phổ biến, đặc biệt chú trọng và nhấn mạnh lễ Quân – Thần, vì vậy hình tượng của Tào Tháo ngược lại với hình tượng mà triều đại đương thời cần thiết.

Vào thời nhà Tống, Tư Mã Quang biên soạn cuốn sử nổi tiếng “Tư trị thông giám” đã đưa ra đánh giá về Tào Tháo, tuy nhiên ông không dùng cụm từ “anh hùng thời loạn” của “Hậu Hán Thư- Hứa Thiệu Truyện”, mà lựa chọn dùng cụm từ “gian thần thời loạn” của Tôn Thịnh.

Đến triều đại Nam Tống, Tào Tháo bị kỳ thị và thù ghét, khi Chu Hi biên soạn “Thông giám cương mục”, ông thà rằng bỏ qua một đoạn thời gian dài loại bỏ “Hoàng Sơ kỷ niên” của Tào Ngụy mà sưu tập “Chương Vũ kỷ niên” của Lưu Bị. Hơn nữa còn trực tiếp gọi Tào Tháo là “Soán đạo”, ý nói ngài là một kẻ cướp chiếm đoạt quyền lực.

Từ thời nhà Nguyên đến thời Nguyên Minh, có hơn 60 loại Hí Khúc lấy chủ đề về thời Tam Quốc. Trong đó, đại đa số đều lấy Thục Hán làm trung tâm, tôn kính Lưu Bị, chê bai Tào Tháo, tâng bốc Lưu Bị, hạ thấp Tào Tháo. Vào thời kỳ Nguyên Minh, Thanh, hình tượng của Tào Tháo được định là “gian hùng”, vì vậy những mặt tốt của ngài đều không được đưa vào kịch.

Dưới đây là một số đoạn ghi chép lại sự kiện lịch sử, chứng thực Tào Tháo là một vị anh hùng chân chính.

“Tam Quốc Chí, Thục Chí Gia Cát Lượng truyện” được hậu thế gọi là “Long Trung Đối” có ghi chép một đoạn Gia Cát Lượng trả lời Lưu Bị như thế này: “Nếu so sánh giữa Tào Tháo và Viên Thiệu thì Tào Tháo danh

tiếng nhỏ, binh lực yếu. Tuy nhiên Tào Tháo có thể đánh thắng Viên Thiệu, từ nhỏ yếu biến thành hùng mạnh, điều này không những nhờ vào thời cơ tốt, mà còn nhờ vào mưu lược cao thâm của người. Bây giờ Tào Tháo đã sở hữu trăm vạn đại quân, khống chế Hoàng Đế hiệu lệnh chư hầu, về điểm này chúng ta thật sự không thể sánh bằng.”

Gia Cát Lượng là quân sư của Lưu Bị, hiểu thiên tượng và đại nghĩa, nói Tào Tháo “khống chế Hoàng Đế hiệu lệnh chư hầu”, hoặc “kẻ địch” cũng không có gì lạ. Nhưng đồng thời ông cũng dùng những từ ngữ đánh giá cao như “thời cơ”, “mưu lược cao thâm” để nói về Tào Tháo, điều này cho thấy, cho dù đạo bất đồng tuy nhiên Gia Cát Lượng vẫn kính trọng, ngưỡng mộ Tào Tháo.

“Tam Quốc Chí, Ngụy Thư, Mao Giới Truyện” ghi chép: Giới ngữ Thái tổ từng nói với Tào Tháo: “Dùng binh thắng ở tuân thủ lễ nghĩa, muốn bảo vệ địa vị nhất định phải dựa vào tài lược, ngài nên tôn phụng Thiên Tử mà phát lệnh với những kẻ không tuân thủ đạo làm thần tử.”

Trong “Tam Quốc Chí, Ngụy Thư, Giả Hủ Truyện” ghi chép lời nói của Giả Hủ: “Tào Công phụng lệnh Thiên Tử mà hiệu lệnh thiên hạ.”

Đồng thời, trong “Tam Quốc Chí, Ngụy Thư, Viên Thiệu Truyện” cũng có ghi chép, mưu sĩ Thư Thụ từng hiến kế cho Viên Thiệu như thế này: “Khống chế Hoàng Đế hiệu lệnh chư hầu, chiêu hiền nạp sĩ, thảo phạt những kẻ không nghe lệnh.” Tuy nhiên, trong “Tam Quốc Diễn Nghĩa”, La Quán Trung có ý muốn dùng cụm từ “Khống chế Hoàng Đế hiệu lệnh chư hầu” vốn dĩ chỉ Viên Thiệu thay thế cho cụm từ “phụng lệnh Thiên Tử”

chỉ Tào Tháo, điều này hoàn toàn làm ô danh một vĩ nhân trong lòng của hậu thế.

“Tam quốc diễn nghĩa” khiến cho hình tượng Tào Tháo xấu đi, từ anh hùng biến thành gian hùng, không ngừng miêu tả Tào Tháo thích giết người, tàn nhẫn, âm hiểm, quỷ quyệt, gian trá, soán đạo, gây hiểu lầm nghiêm trọng cho các thế hệ tương lai, làm biến chất hình tượng lịch sử cao đẹp của vị anh hùng Tào Tháo.

Chương 3: Binh pháp Tào Tháo

Vô số sinh mệnh trên Thiên quốc trong đại khung vũ trụ đều hy vọng được chuyển sinh vào vùng Trung Thổ, để kết duyên và diển dịch nội hàm văn hóa. Sau khi kết duyên xong, một triều chúng sinh sẽ tiếp tục chuyển sinh đến các quốc gia khác. Tại nhân gian, người ta thường hay nói rằng triều đại “khí số đã tận”, và đã đến lúc phải thay đổi triều đại. Vào thời điểm như thế, thiên tượng sẽ báo điềm cho biết, ví như thiên tai, nhân họa, nền chính trị hủ bại, sau cùng thường là chiến tranh để kết thúc triều đại cũ. Một triều đại mới và những sinh mệnh mới sẽ lại tiến nhập vào vùng đất Thần châu đại địa. Chiến tranh, cũng giống như thiên tai, dịch bệnh, bệnh tật, sinh, lão, bệnh, tử, là một phần không thể thiếu và rất trọng yếu của xã hội và văn hóa nhân loại. Binh pháp được sử dụng để xây dựng quân doanh, chỉ huy chiến tranh, cũng là phương thức mà Thần lưu cấp cho con người thế gian theo lý “Binh chinh thiên hạ, Vương giả trị quốc.”

Trong các cuộc chiến tranh thời thượng cổ, Binh pháp vì chưa được truyền thừa một cách hiệu quả nên phần lớn là bị mai một. Vào thời Xuân Thu – Chiến Quốc, là thời kỳ “Bách gia chư tử”, Binh gia trở thành một trong hàng trăm gia phái xuất hiện tại thế gian. Trong thời Chiến Quốc, quy mô chiến tranh lớn chưa từng có, nhiều Binh thư, Binh pháp được lưu truyền và sử dụng rộng rãi. Trong đó nổi tiếng có: Tôn Vũ, Ngô Khởi, Tôn Tẫn, Úy Liêu,... đều có binh pháp, binh thư lưu truyền trong thiên hạ, nhưng hầu hết đều thất truyền vào các

triều đại sau này. Trong đó, Binh pháp của Tôn Vũ truyền dạy lại được Tôn Tần bổ sung, quyển sách cả hơn chục vạn chữ, có thể coi là xuất sắc của Binh pháp thời cổ đại.

Binh pháp của Tôn Vũ được hậu thế tôn xưng là “Binh Tiên”, “Chiến thần” của Hàn Tín, cho dù là quân vương, chư hầu, hay tướng sĩ đều dùng đến. Vào thời Sở-Hán tranh hùng, binh pháp của Tôn Vũ được người đời đánh giá là: “Quốc sĩ vô song, công cao vô nhị, lược bất thể xuất” (Không có binh pháp nào có thể sánh bằng, thành tựu có một không hai, mưu lược xuất thế). Tuy nhiên, binh pháp ấy đã sớm bị thất truyền từ lâu.

Tào Tháo thống lĩnh quân đội hơn 30 năm, chinh phạt hơn 50 trận chiến, sách chưa từng rời tay, ban ngày xem binh thư, sách lược, ban đêm suy ngẫm Kinh thư, văn chương. Tào Tháo sử dụng mưu lược hơn người, biết địch biết ta, biến hóa như Thần. Ngoài ra, ông còn tự mình viết binh pháp đạt đến số lượng hơn mười vạn chữ, toàn thể đều là kinh nghiệm đích thân chinh chiến của ông, được tập hợp trong “Tân thư” hay còn được gọi là “Mạnh Đức Tân Thư”.

Gia Cát Lượng từng nhận xét Tào Tháo như thế này: “Tào Công có thể biến yếu thành mạnh, ngoài yếu tố Thiên thời địa lợi, còn phải dựa vào mưu lược cao minh của con người; Tào Tháo có mưu kế hơn người”. Tôn Quyền cũng có đánh giá về Tào Mạnh Đức như sau: “Là một bậc Ngự Tướng, từ cổ chí kim hiếm có”.

Những binh thư của Tào Tháo gồm có: “Mạnh Đức tân thư”, “Tôn Tử lược giải”, “Binh thư tiếp yếu”, “Ngụy Vũ Đế binh pháp”, “Tur Mã pháp chú”, “Thái Công âm mưu giải”, “Tục Tôn Tử binh pháp”. Trong đó chỉ có

“Tôn Tử lược giải” là còn đầy đủ bản hoàn chỉnh lưu truyền cho đến ngày nay, ngoài ra bộ binh thư này cũng được gọi là “Tôn Tử binh pháp chú”. Đỗ Mục từng nhận xét như thế này: “Binh pháp của Tôn Vũ có hơn mấy chục vạn chữ, sau khi được Ngụy Vũ lựa chọn tỉ mỉ tinh hoa trong đó thì còn lại quyển sách này”. “Tôn Tử lược giải” của Tào Tháo không những để lại cho hậu thế những điểm trọng yếu trong binh pháp Tôn Tử, mà còn thể hiện ở trong đó cả tài hoa binh pháp của Tào Tháo: mưu lược, vì lịch đại binh gia chinh phạt thiên hạ, để lại tấm gương sáng của bậc Vương giả trị quốc.

“Tôn Tử lược giải” hay còn gọi là “Tôn Tử chú”

Trong cuốn binh pháp này, Tào Tháo có viết: “Ta từng nghe nói đến từ thời viễn cổ đã bắt đầu ứng dụng cung tiễn. Trong ‘Luận Ngữ’ có nhắc đến: ‘Cần có đầy đủ lực lượng vũ trang’. Một trong tám chuyện lớn trong ‘Thượng Thư’ chính là ‘quân sự’. Trong ‘Chu Dịch’ có nói: ‘Xuất binh là chính nghĩa, chủ soái là cát lợi’. Trong ‘Thi Kinh’ cũng nói: ‘Chu Văn Vương vô cùng tức giận, lập tức chinh đốn quân đội của mình’. Hiên Viên Hoàng Đế, Thành Thang Vương, Chu Vũ Vương đều là những người sử dụng lực lượng vũ trang để cứu lấy xã tắc. Trong ‘Tư Mã Pháp’ có ghi chép: ‘Ai cố ý giết người vô tội thì có thể giết chết hẳn’. Chỉ dựa vào sức mạnh vũ trang hoặc chỉ nói đến “nhân nghĩa” thì kết quả sẽ dẫn đến vong quốc. Vua Ngô Phù Sai và Từ Yến Vương chính là hai ví dụ điển hình. Thánh nhân dùng binh, đầu tiên sẽ làm công tác chuẩn bị, chỉ khi nào cần thiết mới bắt đầu dùng binh”.

Ngô quan binh thư chiến sách đa hỹ, Tôn Võ sở trước thâm hỹ. Tôn Tử giả, Tề nhân dã, danh võ, vi Ngô vương Hạp Lư tác “Binh pháp” nhất thập tam thiên, thí chi phụ nhân, tốt dĩ vi tướng, tây phá cường Sở nhập dĩnh, bắc uy Tề, Tấn. Hậu bách tuế dư hữu Tôn Tấn, thị Vũ chi hậu dã. Thấm kế trùng cử, minh hoạch thâm đồ, bất khả tương vu, nhi đãn thế nhân vị chi thâm lượng huấn thuyết, huống văn phiên phú, hành ư thế giả, thất kỳ chỉ yếu, cố soạn vi lược giải yên.

Ở đoạn giới thiệu này Tào Tháo đặc biệt chỉ ra: “Thánh nhân dùng binh đầu tiên sẽ làm công tác chuẩn bị, chỉ khi nào cần thiết mới bắt đầu dùng binh”. Trong “Thi Kinh Chu tụng” ghi chép: “Tái Tập can hoa, Tái Thác cung hĩ”. Tập, Thác đều nói đem binh khí giấu đi nhưng lại không tiêu hủy. Chiến tranh là thứ nhất thiết phải tồn tại trong lịch sử, từ xưa Thánh nhân đối với chiến tranh luôn giữ thái độ bình thản, hơn nữa còn cho rằng nên làm tốt công tác chuẩn bị trước khi chiến tranh xảy ra, cần chuẩn bị binh lực đầy đủ, tướng soái dũng mãnh, thậm chí còn chủ trương “chỉnh lý quân lữ” và thảo phạt. Tào Tháo chỉ ra: “Chỉ dựa vào sức mạnh vũ trang hoặc chỉ nói đến ‘nhân nghĩa’ thì kết quả sẽ dẫn đến diệt vong”. Có nghĩa là nếu cứ cố chấp sức, dùng sức mạnh mà mặc kệ đạo đức nhân nghĩa, hoặc luôn nói về nhân nghĩa đạo đức nhưng không làm tốt công tác chuẩn bị chiến tranh thì chỉ có thể dẫn đến diệt vong.

Tào Tháo nói rất rõ ràng chiến tranh là tất yếu, và còn có tác dụng làm nên lịch sử, ông dẫn dụng câu nói trong “Tư Mã pháp”: “Ai cố ý giết người vô tội thì có thể

giết chết hẳn”. Thuận theo Thiên ý, an bang định quốc, cứu giúp bách tính lê dân.

Theo ghi chép của lịch sử, Vua Ngô Phù Sai sau khi đánh bại Việt Vương Câu Tiễn, không chịu trị quốc an dân mà ý vào sức mạnh muốn tranh bá phương Bắc, không ngừng tranh cường cùng Tấn, Tề. Chính vì vậy mà Việt Vương Câu Tiễn mới có thể lợi dụng điểm yếu, nhân cơ hội mà tiêu diệt nước Ngô. Từ vua Ngô Phù Sai có thể thấy được, chỉ dựa vào sức mạnh thì sẽ dẫn đến diệt vong. Còn Từ Yển Vương lại hoàn toàn trái ngược, ông chỉ chăm lo nhân nghĩa, văn học mà không có mưu lược quân sự. Trong “Hàn Phi Tử” – Ngũ Đố ghi chép: “Từ Yển Vương sống ở phía đông Hán Thủy, đất đai hơn năm trăm dặm, tiến hành chính trị lấy nhân nghĩa làm đầu. Vào thời điểm đó có tổng cộng ba mươi sáu nước, Sở Văn Vương lo lắng Từ Yển Vương sẽ làm hại đến mình nên phái binh đi tiêu diệt nước Từ, nước Từ cũng vì vậy mà hoàn toàn diệt vong”. Mặc dù Từ Yển Vương luôn nói đến nhân nghĩa, nhưng lực lượng quân đội không đủ mạnh, vì vậy mới khiến cho đất nước diệt vong.

“Tôn Tử lược giải” của Tào Tháo có hơn vạn chữ. Tư tưởng quân sự của ông được các chuyên gia binh pháp mọi thời đại không ngừng ca ngợi. Ông nhấn mạnh rằng “Binh dĩ nghĩa động” (nghĩa là chỉ động binh vì việc nghĩa) [trích trong “Tam quốc chí – Vũ đế kỷ”], “Thị thiên hạ hình thể, dĩ thuận chu nghịch” (nghĩa là: thuận theo hình thế của thiên hạ mà tiêu diệt nghịch tặc). Vì để giành quyền chiến thắng trong chiến tranh, ông “vâng mệnh Thiên tử hiệu lệnh chư hầu”, vì diệt trừ bạo loạn bảo vệ nhà Hán mà cử nghĩa binh; sau

khi chiếm lĩnh Hà Bắc đã miễn tô thuế cho nạn dân, và ban bố lệnh kiềm chế cường hào địa phương, khiến cho “bách tính thân cận, quân đội cường thịnh”.

Tào Tháo cũng liên tục thu nạp tinh binh, quan tâm tướng sĩ, khích lệ sĩ tốt. Trong “Cổ Xuy lệnh”, ông nói: “Ta có thể lấy ít địch nhiều chiến thắng quân địch là vì có tiếng trống thúc trận, tướng sĩ quý trọng ngựa chiến, lương thực”.

Đối với “Tướng”, Tào Tháo yêu cầu: “Tướng cần có đầy đủ ngũ đức (trí, tín, nhân, dũng, nghiêm), một vị Tướng cần biết thiên thời, địa lợi”. Cách Tào Tháo sử dụng tướng sĩ lúc bấy giờ quả thật có chút phá cách, thực tế thời ấy cho thấy rằng: “Tướng hiền tắc quốc an, ngày nay thiên hạ đang lúc khẩn cấp cần dùng đến người tài”. Vì vậy, ông chủ trương: “Đề cử hiền tài không câu nệ đức hạnh”, chỉ cần có tài thì phải lập tức đề cử. Khi cần thiết phải quyết định mưu lược, kế sách, Tào Tháo sẽ thảo luận với các tướng và lựa chọn ra phương án tốt nhất. Lại còn yêu cầu thuộc hạ tìm kiếm khuyết điểm và đưa ra nhiều đề xuất hay hơn.

Kiến An năm thứ 11, Tào Tháo hạ lệnh: “Cai trị đất nước, thống lĩnh quân dân, tất cả quan lại được lựa chọn để phù tá khuông chính cần phải có năng lực tương đương với chức vụ của mình và một lòng thuận phục. Trong “Thi Kinh” có ghi chép: “Nghe theo mưu lược của ta, sẽ không mắc phải sai lầm hoặc hối hận, đây mới chính là sự chân thành cần có giữa quân thần. Từ sau khi ta đảm đương trọng trách, thường sợ đưa ra quyết định sai lầm, liên tiếp những năm gần đây, không nghe thấy ý kiến nào, lẽ nào ta trưng cầu còn không đủ hay sao? Từ nay về sau, quan lại ở khắp mọi nơi cần

phải cùng nhau bình luận, mỗi người chỉ ra những sai lầm mà bản thân nhìn thấy, ta sẽ tự mình kiểm tra”. Dưới đây là một số trích đoạn quân lệnh thể hiện chủ trương binh pháp vô cùng công minh của Tào Tháo:

“Ngụy Vũ quân lệnh”

Hậu Hán Ngụy Vũ quân lệnh: “Tướng sĩ trong quân của ta không được phép sử dụng cung nỏ trong doanh trại. Trong khi hành quân có thể điều chỉnh cung nỏ nhưng không thể lên tiến. Người nào vi phạm, phạt đánh hai trăm roi, không thu nhận làm quan. Quan lại trong doanh không được phép giết chết những người không bị thu làm nô lệ đồng thời cũng không được bán họ. Vi phạm lệnh mà Đô Đốc không khống chế hoặc không báo cáo thì phạt đánh 50 quân côn.

Khi quân đội ra khỏi doanh trại phải cầm thẳng mâu kích, nâng cao cờ hiệu, không ngừng đánh trống. Sau khi đi ra ngoài ba dặm có thể tự do cầm mâu kích, cuộn lại cờ hiệu và dừng tiếng trống. Khi sắp đến địa phận của doanh trại lần nữa nâng cao cờ hiệu, vang lên tiếng trống, sau đó khi về đến doanh trại thì lần nữa cuộn lại cờ hiệu, dừng lại tiếng trống. Nếu như vi phạm sẽ bị cắt tóc trách phạt trước công chúng. Trong lúc hành quân, không được phép chặt phá các loại cây trên cánh đồng ví dụ như cây dâu, cây chanh, cây táo...”

“Bộ chiến lệnh”

Hồi trống thứ nhất, tập hợp binh mã, hồi trống thứ hai, binh sĩ lên ngựa, hồi trống thứ ba lần lượt xuất

phát theo thứ tự cũng chính là theo sự chỉ huy của cờ hiệu. Người trụ đứng phía sau cờ hiệu, chỉ cần nghe thấy hồi trống dồn dập thì phải ổn định xong quân trận. Người đứng trên trạm gác quan sát địa hình bốn phía rộng, hẹp, quyết định trận sau đánh như thế nào. Những nhóm ở chỗ ngoặt tự di chuyển tập hợp quanh trận, liền kín và thưa ít đan xen nhau. Nếu như muốn tác chiến trước doanh trại của địch, trước tiên phải báo cáo rõ ràng.

Trong lúc chiến đấu, không được làm ồn, phải nghe kỹ tiếng trống, nhìn kỹ cờ hiệu chỉ huy, nếu trái lệnh giết không tha. Trong đội ngũ nếu như có kẻ chùn bước thì sẽ do Đội trưởng giết hẳn, nếu như Đội trưởng không tiến về phía trước sẽ bị Ngận trưởng giết, nếu như Ngận trưởng chùn bước thì sẽ do Đô Bá chấp hành hình phạt. Bộ đốc chiến ở phía sau nếu thấy kẻ vi phạm có thể giết chết kẻ đó. Nếu như đồng đội gặp phải kẻ địch mà không ứng cứu thì bị chém đầu.

Khi lâm trận binh khí không được rời khỏi người, nếu có người rời khỏi quân ngũ mà Đội trưởng và Ngận trưởng không báo lên sẽ đồng tội. Không có lệnh của Tướng Quân không được rời khỏi vị trí. Khi lâm trận, kỵ binh đứng ở hai đầu trong đội hình, du kỵ đứng ở phía sau. Nếu như kháng lệnh nhẹ thì cạo đầu, nặng thì phạt đánh hai trăm roi. Nếu như bộ, kỵ binh đối đầu với quân địch, quan sát tình thế, muốn phái kỵ binh đơn độc giết địch, thì nghe ba tiếng trống, kỵ binh hai đầu sẽ tiến vào trận, hành động theo chỉ huy, nghe ba tiếng kim thì trở về vị trí.

Cách này chỉ dùng khi độc lập tác chiến. Nếu như bộ-kỵ đại chiến, tiến thoái lưỡng nan cũng có thể dùng

biện pháp đồng dạng. Trong khi tác chiến, kẻ gây rối loạn quân ngũ giết không tha. Không được đơn độc truy đuổi kẻ địch, người vi phạm sẽ bị trừng phạt. Tướng sĩ muốn tác chiến mà cướp đoạt vũ khí và ngựa của người khác, đem ra trăm. Khi đánh trận phải sử dụng danh hiệu của bản thân, nếu không cho dù lập được công lao cũng không được ban thưởng.

“Thuyền chiến lệnh”

“Hồi trống thứ nhất, binh sĩ nghiêm chỉnh vào hàng ngũ, hồi trống thứ hai, chia thành đội ngũ. Điều chỉnh mái chèo, quân sĩ mang theo binh khí lên thuyền. Cờ hiệu kéo cao theo tướng lĩnh của mình. Hồi trống thứ ba, các thuyền lớn nhỏ xuất phát theo thứ tự, thuyền bên trái không được sang phải, bên phải không được sang trái, trước sau không được dịch chuyển, nếu vi phạm sẽ bị trăm”.

Từ tư tướng dùng binh trị quân, cho thấy Tào Tháo là một người vô cùng coi trọng việc tuyển chọn quan lại tư pháp trong quân đội. Ngài cho rằng: “Một tướng sĩ lên chiến trường không phải chỉ liên quan đến sống chết của hắn mà đó là chuyện sinh tồn của ba quân”.

“Bại quân lệnh”

“Tư Mã Bình Pháp” thuyết: “Người lãnh binh lâm trận bỏ chạy phải xử tội chết”. Cho nên, mẹ của Triệu Quát mới thỉnh cầu đừng giết bà khi Triệu Quát đánh thua trận, bởi vì vào thời cổ đại chỉ cần tướng lĩnh đánh thua trận thì thân thuộc ở quê nhà cũng bị trị tội

theo. Từ sau khi mệnh lệnh cho tướng sĩ xuất chinh chỉ thưởng không phạt, điều này không phù hợp với quốc pháp. Nay lệnh này ban xuống đối với những người xuất chinh nếu đánh bại trận đều phải trị tội, người gây ra tổn thất thì loại bỏ quan tước”.

Tào Tháo dụng binh như thần, thưởng phạt phân minh, ông từng nói: “Thưởng phạt rõ ràng, ai cũng không ngoại lệ, việc ban thưởng không nên để lâu, kẻ bại trận nên bị xử tội, kẻ gây tổn hại lợi ích nên miễn quan tước”...

Tào Tháo biết được tầm quan trọng của kinh tế trong thời chiến loạn, một quân đội nếu như không có lương thực và vũ khí thì cũng giống như “con đường chết”. Ngài coi trọng lương thực, khí giới hiểu được câu “Tần nhân dĩ cấp nông kiêm thiên hạ, Hiếu Vũ dĩ truân điền định Tây Vực”, ý nói: nhà Tần và Hiếu Vũ đều nhờ vào làm nông nghiệp mà thắng được thiên hạ và Tây Vực (Tam Quốc Chí – Vũ Đế Ký). Bởi lẽ đó, ngài quyết đạt đến mục tiêu sở hữu một quân đội hùng mạnh với đầy đủ lương thực và binh khí.

Chương 4 : Bút pháp như Thần

Tào Tháo là một nhà quân sự, nhà chính trị lỗi lạc, xuất chúng, thống lĩnh quân đội hơn ba mươi năm, sách chưa từng rời tay; ban ngày xem binh thư sách lược, ban đêm suy ngẫm Kinh sách, Tả Truyện. Ông leo núi ắt sáng tác thi phú, múa giáo liền ngâm thơ, chơi đàn thổi sáo đều ngẫu hứng thành nhạc khúc. Rất nhiều thơ ca của Tào Tháo đã thất lạc, duy còn lưu lại 18 thiên thơ Nhạc phủ, tổng cộng có 26 bài.

Lưu Hi Tải thời nhà Thanh từng nói: “Thơ của Tào Công, luôn thể hiện hùng khí kiên định, đủ để bao phủ hết thủy.”

Đông Phương Thụ từng nói: “Đại khái thơ Vũ Đế trầm uất, mộc mạc, có những đoạn khí phách trập trùng tầng tầng lớp lớp, chứ không hề bình phẳng đồng đều. Thường thường mỗi khi nâng bút ông đều chuyển đổi khí thế; tìm kiếm ý tự, không gì không minh bạch; bút pháp văn chương thường hay chơi chữ, hàm ý lảng đong súc tích, khiến người đọc luôn thỏa mãn”. (“Chiêu Muội Chiêm Ngôn” – Quyển 2).

Thơ văn của Tào Tháo được lưu truyền cho đến ngày nay, có rất nhiều câu đã trở thành danh ngôn thiên cổ: “Thiên địa gian, nhân vi quý” (Trong trời đất, con người là đáng trân quý), “Đối tửu đương ca, nhân sinh kỷ hà?” (Trước chén rượu nên hát ca, bởi vì đời người có được bao lâu?), “Hà dĩ giải ưu? Duy hữu Đỗ Khang” (Muốn giải nỗi ưu sầu? Chỉ có rượu Đỗ Khang), “Sơn bất yếm cao, hải bất yếm thâm” (Núi chẳng ngại cao, biển chẳng ngại sâu), “Lão ký phục lịch, chí tại thiên lý;

liệt sĩ mộ niên, tráng tâm bất dĩ” (Ngựa già bên máng cỏ, Chí tại ngàn dặm xa, Tráng sĩ tuổi đã già, Hùng tâm còn nung nấu) .v.v.

Vào thời kỳ thơ ngũ ngôn thịnh hành, Tào Tháo lại viết thơ tứ ngôn, đồng thời đưa thể thơ này trở thành tuyệt tác. Ông chính là người sáng lập phong cách thơ văn Kiến An, ảnh hưởng rất lớn đến đương đại và hậu thế, được người đời sau gọi là “Phong cốt Kiến An” (Nghiêm Vũ thời Nam Tống), “Văn chương Bồng Lai, cốt cách Kiến An” (Lý Bạch), “Phong cốt Hán Ngụy” (Trần Tử Ngang triều Đường).

Thơ ngũ ngôn của Tào Tháo thâm trầm bao nhiêu thì hùng tráng bấy nhiêu, lúc khảng khái, chính trực, lúc bi thương, cô tịch. Ví như “Hao lý”, “Giới lộ” được xưng là “Đệ nhất cao thủ”, “Lão luyện vô địch”, đã thể hiện một mặt xúc động nhất trong thơ ca Kiến An. Tào Tháo đã dẫn dắt ca từ Nhạc phủ hướng đến một con đường hoàn toàn mới mẻ. Ông được ngợi khen là “Đệ nhất cao nhân” về thơ ngũ ngôn, “Ông tổ đầu tiên của thiên cổ thi nhân”, “Phong cách cổ phác, khai mở con đường cho thơ ngũ ngôn thời nhà Đường.”

Tào Tháo đã sử dụng thơ ca như một cách thuật lại những thể ngộ và điều nhìn thấy trong quá trình tu luyện của mình, mở ra một làn gió mới trong thời đại của ông. Ông sáng tác rất nhiều tác phẩm khiến Tào Thục và lớp người hậu thế thời kỳ Lục triều phải xưng tụng là thơ du Tiên (thơ ca cổ mượn cảnh Tiên để gửi gắm hoài bão của mình), trở thành một đóa hoa quý của nền văn hóa Thần truyền Trung Hoa.

Những bài thơ ca này phần lớn là thơ ca vịnh Tiên nhân, đề cao tu luyện, đa phần sáng tác dành cho những

người tu Đạo. Tào Tháo và Lý Bạch là những nhân vật xuất sắc nhất về thể loại thơ du Tiên này. Trong số hơn hai mươi bài thơ hiện còn của Tào Tháo, có bảy bài thuộc loại thơ du Tiên: ba bài “Khí xuất xương”, một bài “Tinh liệt”, một bài “Mạch thượng tang”, hai bài “Thu hồ hành”. Những bài thơ này thuật lại việc thi nhân bước vào Tiên cảnh, ngao du cùng Thần Tiên và tu Đạo dưỡng sinh.

Thơ du Tiên gợi mở cho thế nhân biết kính Thần tín Phật, hướng đạo tu thành Thần Tiên, phấn bốn quy chân. Thế nhưng, ngày nay có rất nhiều người bị ảnh hưởng bởi thuyết vô Thần, cho rằng thơ du Tiên là do các nhà thơ đã huyền hóa và tưởng tượng ra cảnh giới mờ昧, kỳ ảo, thậm chí còn cho rằng thi nhân sử dụng cả thủ pháp lãng mạn trong thơ ca, vì vậy họ không thể chân chính lý giải được hàm nghĩa trong thơ du Tiên.

Tào Tháo ứng với Hoàng Tinh, thuận theo vận mà sinh. Ông chính là Chân nhân hạ phàm, tu đạo và dưỡng sinh. Vậy nên thơ du Tiên của ông dĩ nhiên chủ yếu đều ghi chép về những trải nghiệm và lĩnh hội trong quá trình tu luyện, mang khí phách phi phàm của Thần Tiên lưu lại cho người đời sau. Thơ du Tiên của Tào Tháo có khí thế khoáng đạt, ngôn từ giản dị, lưu loát, ẩn chứa nội hàm phong phú, khi đọc lên mỗi âm tiết đều vang vọng và trôi chảy.

“Khí xuất xương” Kỳ 1:

Giá lục long, thừa phong nhi hành.

Hành tứ hải, lộ hạ chi bát bang.

Lịch đăng cao sơn lâm khê cốc, thừa vân nhi hành.

Hành tứ hải ngoại, đông đảo Thái sơn.
Tiên nhân ngọc nữ, hạ lai cao du.
Tham giá lục long ẩm ngọc tương.
Hà thủy tận, bất đông lưu.
Giải sàu phúc, ẩm ngọc tương.
Phụng trì hành, đông đảo Bồng Lai sơn, thượng chí
thiên chi môn.
Ngọc khuyết hạ, dẫn kiến đắc nhập,
Xích Tùng tương đối, tứ diện cổ vọng, thị chính hỗn
hoàng.
Khai ngọc tâm chính hưng, kỳ khí bách đạo chí.
Truyền cáo vô cùng bế kỳ khẩu, dẫn đương ái khí
thọ vạn niên.
Đông đảo hải, dữ thiên liên.
Thần Tiên chi đạo, xuất yếu nhập minh, thường
đương chuyên chi.
Tâm điền đậm, vô sở khái dục.
Dục bế môn tọa tự thủ, thiên dữ kỳ khí.
Nguyện đắc Thần chi nhân, thừa giá vân xa,
Tham giá bạch lộc, thượng đảo thiên chi môn, lai tứ
thần chi dục.
Quy thụ chi, kính Thần tề.
Đương như thử, đạo tự lai.

Tạm diễn nghĩa:

Cưỡi lục long, lướt gió mà đi.
Đi khắp bốn bể, ngang qua tám bang
Vượt núi cao vực sâu, cưỡi mây đi.
Dạo chơi bốn bể, đến núi Thái Sơn phía đông.
Tiên nhân ngọc nữ, giáng hạ ngao du.

Cưỡi lục long, uống ngọc tương.
Nước sông cạn, chẳng xuôi về đông.
Trút lòng sầu muộn, uống ngọc tương.
Tín phụng hành, đến núi Bồng Lai phía đông, thẳng
lên cổng Thiên cung.
Cung ngọc đỏ, dẫn người vào tương kiến.
Cùng Xích Tùng, trông vợ bốn phương, rức rở huy
hoàng.
Tâm ngọc rộng mở, trăm khí đều thông.
Truyền bảo muôn phần an tĩnh, nhưng lúc ấy ái khí
thọ vạn năm.
Đông đến tận biển, nổi liền chân trời.
Đạo Thần Tiên, ra vào nơi huyền ảo, cần chuyên
tâm bền lòng.
Tâm điềm tĩnh, không khởi dục vọng.
Đóng cửa ngòi yên giữ mình, chờ đợi khí lành trời
ban.
Nguyện thành Thần Tiên, cưỡi mây bay xa.
Cưỡi bạch lộc đến cổng trời, được ban Thần dược.
Quy gối nhận lễ, kính bậc Thần Tiên.
Được như thế, Đạo sẽ tự đến.

“*Khi xuất xưởng*” Kỳ 2:

Hoa âm sơn, tự dĩ vi đại.
Cao bách trượng, phù vân vi chi cái.
Tiên nhân dục lai, xuất tùy phong, liệt chi vũ.
Xuy ngã động tiêu, cổ sắt cầm, hà ngân diêm ngân!
Tửu dĩ ca hý, kim nhật tương nhạc thành vi nhạc.
Ngọc nữ khởi, khởi vũ di sở thời.
Cổ xuy nhất hà tào tào.

Tòng tây bắc lai thời, Tiên đạo đa giá yên,
Thừa vân giá long, uất hà vụ vụ.
Ngao du bát cực, nãi đảo Côn Luân chi sơn,
Tây Vương Mẫu trắc, Thần Tiên kim chỉ ngọc đình.
Lai giả vi thù? Xích tùng vương kiều, nãi đức toàn
chi môn.
Nhạc cộng ẩm thực đảo hoàng hôn.
Đa giá hợp tọa, vạn tuế trường, nghi tử tôn.

Tạm diễn nghĩa:

Núi Hoa âm, cao lớn trường tồn .
Cao trăm trượng, mây giăng phủ kín.
Tiên nhân muốn đến, thuận gió tùy mưa.
Thổi sáo, tiêu, đánh đàn cầm đàn sắt, réo rắt thay!
Uống rượu cùng ca hát, hôm nay tụ họp thật là vui.
Ngọc nữ đứng lên, nhảy múa chẳng để ý thời gian.
Tiếng trống huyền ảo.
Từ Tây Bắc đến, nhiều vị Đạo Tiên cười khói mờ
ảo.
Người cười mây, người ngự long, rục rờ đông đúc.
Ngao du Bát Cực, hướng đến núi Côn Luân.
Bên cạnh Tây Vương Mẫu, Thần Tiên dừng bước
nơi ngọc đình.
Người đến là vì ai? Xích Tùng với Vương Kiều, bước
vào cửa công đức viên mãn.
Cùng nhau tiệc tùng đến hoàng hôn.
Ngồi với nhau, thọ đến muôn tuổi, con cháu thụ ích.

“Khí xuất xứ” Kỳ 3:

Du Quân Sơn, thậm vi chân.
Thôi ngôi tạc các, nhĩ tự vi Thần.
Nãi đảo Vương Mẫu đài, kim giai ngọc vi đường, chi
thảo sinh điện bàng.
Đông tây sương, khách mẫn đường.
Chủ nhân đương hành trường, tọa giả trường thọ
cự hà ương.
Trưởng nhạc phủ thủy nghi tôn tử.
Thường nguyện chủ nhân tăng niên, dữ thiên
tương thủ.

Tạm diễn nghĩa:

Ngao du Quân Sơn, quá chân thật.
Đỉnh núi cao ngất, cảm giác như Thần.
Đến đài Vương Mẫu, vàng kim ngọc quý họa khắc,
linh chi mọc đầy cạnh bên.
Nhà đông nhà tây, khách tấp nập.
Rót rượu kính Thần, cầu chúc được trường thọ.
Niềm vui lâu dài, nên để cho con cháu.
Mãi mong chủ nhân trường thọ, sánh cùng Trời.

Trong “Khí xuất xứ” Kỳ 1 có ghi lại Tào Tháo cưỡi lục long, lướt gió mà đi, đến Thái Sơn ở phía Đông. Thái Sơn là ngọn núi đứng đầu trong năm ngọn núi tiêu biểu ở Trung Quốc, là nơi Thần tiên hay lui tới tụ họp, thường có Tiên nhân và Ngọc nữ hạ phàm gặp gỡ. Tiếp tục đi về hướng Đông đến núi Bồng Lai. Núi Bồng Lai hướng lên thông với trời, chính là thông thẳng đến

cổng Thiên Chi Môn. Đứng trước Cung ngọc, được dẫn vào trong gặp gỡ Xích Tùng Tử, ngoảnh nhìn khắp nơi, thấy Thần Tiên đàm đạo, “Tâm ngọc rộng mở, trăm khí đều thông”. “Đạo của Thần Tiên, ra vào nơi huyền ảo, cần chuyên tâm bền lòng. Tâm điềm tĩnh, không khởi dục vọng. Đóng cửa ngòi yên giữ mình, chờ đợi khí lành trời ban.” Tào Tháo chuyên tâm tu luyện.

Trong “Khí xuất xứng” Kỳ 2, nhà thơ nhớ lại cảnh tượng hội hợp cùng Tiên nhân trên núi Hoa Âm, thổi sáo, đánh trống, gảy đàn, uống rượu hát vang, sau đó là ngao du Bát Cực, đến núi Côn Luân, sẽ gặp Tây Vương Mẫu, được thấy Xích Tùng Tử, Vương Tử Kiêu, “Cùng nhau ăn uống đến buổi hoàng hôn”. Xích Tùng Tử còn có tên là Xích Tụng Tử, hiệu là Tả Thánh Nam Cực Nam Nhạc Chân nhân, Tả Tiên Thái Hư Chân nhân. Ông là vị Thần trông coi làm mưa thời Thần Nông. Vương Kiêu cũng gọi là Vương Tử Kiêu, là Thái tử Tấn của Chu Linh Vương đời Đông Chu, từng làm Bách Nhân lệnh, đắc Đạo ở núi Tuyên Vụ vùng Đông bắc. Thời Hán Hoàn Đế, trong thành Bách Nhân còn có người dân huyện Bách Nhân lập bia cho huyện lệnh Vương Kiêu, trên đó có khắc: “Núi có Quán Mao (Tuyên Vụ), nơi Vương Kiêu đắc Đạo thành Tiên”, ấn chứng Vương Kiêu cưỡi hạc bay lên trời ở núi Tuyên Vụ.

Trong “Khí xuất xứng” Kỳ 3 ghi chép chuyện Tào Tháo gặp gỡ các vị Thần Tiên trong một dịp khác tại núi Quân Sơn. Trong núi Quân Sơn có hồ Động Đình, là nơi ở của vị phi tần thứ hai của vua Thuấn. Ngoài ra trong núi còn có đài Vương Mẫu, nơi đó “vàng kim ngọc quý họa khắc, linh chi mọc đầy cạnh bên”. “Nhà đông nhà tây, khách tấp nập”, kết thúc bài thơ thi nhân

cuối cùng chúc nguyện “Chủ nhân tăng thọ, sánh cùng với Trời”.

“Thu hồ hành” Kỳ 1:

Thần thượng tán quan sơn, thử đạo đương hà nan.
Thần thượng tán quan sơn, thử đạo đương hà nan.
Ngưu đốn bất khởi, xa đọa cốc gian. Tọa bàn thạch
chi thượng, đàn ngũ huyền chi cầm. Tác vi thanh giác
vận, ý trung mê phiền. Ca dĩ ngôn chí, thần thượng tán
quan sơn.

Hữu hà tam lão công, tốt lai tại ngã bàng. Hữu hà
tam lão công, tốt lai tại ngã bàng. Phụ yểm bị cầu, tự
phi hằng nhân. Vị khanh vân hà khốn khổ dĩ tự oán,
hoàng hoàng sở dục, lai đáo thử gian? Ca dĩ ngôn chí,
hữu hà tam lão công.

Ngã cư Côn Luân sơn, sở vị giả Chân nhân. Ngã cư
Côn Luân sơn, sở vị giả Chân nhân. Đạo thâm hữu hà
đắc. Danh sơn lịch quán, yêu du bát cực, chấm thạch
sấu lưu ẩm tuyền. Trầm ngâm bất quyết, toại thượng
thăng thiên. Ca dĩ ngôn chí, ngã cư Côn Luân sơn.

Khứ khứ bất khả truy, trường hận tương khiên
phàn. Khứ khứ bất khả truy, trường hận tương khiên
phàn. Dạ dạ an đắc寐, trừ trướng dĩ tự lân. Chính nhi
bất quyết, nãi phú y nhân. Kinh truyện sở quá, tây lai
sở truyền. Ca dĩ ngôn chí, khứ khứ bất khả truy.

Tạm dịch:

Sáng đi trên núi Tản Quan, đường đi xiết đổi gian
nan trập trùng

Sáng đi trên núi Tản Quan, đường đi xiết đổi gian
nan trập trùng
Trâu mệt dốc sức khôn cùng, xe rơi xuống dưới tận
vùng vực sâu
Ngồi trên hòn đá lúc lâu, gảy lên khúc nhạc lắng
sâu huyền cầm
Khúc Thanh Giác chốn sơn lâm, phá tan bao nỗi
thương tâm ưu phiền
Đàn thay ý nguyện vô biên, Tản Quan núi hiểm một
miền núi sông
Bồng đầu ba lão tam công, chẳng hay tên tuổi đến
bên cạnh mình
Bồng đầu ba lão tam công, chẳng hay tên tuổi đến
bên cạnh mình
Ba ông khoác áo hồ cừu, xem ra cũng giống như là
thường dân
Hỏi khanh sao lại thảm thương, sầu bi oán trách
lòng vương vấn gì, đến đây là có việc chi?
Lời ca bày tỏ chí nguyện, bồng đầu ba lão tam công
Ta ngụ ở núi Côn Luân, người thường gọi là Chân
nhân
Đạo lý sâu thăm thẳm có thể đắc được chăng
Danh sơn muôn thuở, ngao du Bát Cực, gối đầu lên
đá, súc miệng uống dòng suối mát lành
Trầm ngâm suy tính, liền thăng lên trời
Lời ca bày tỏ chí nguyện, ta ngụ núi Côn Luân
Đến đi không thể cưỡng cầu, oán hận lẫn nhau nín
lấy không buông
Đến đi không thể cưỡng cầu, oán hận lẫn nhau nín
lấy không buông
Đêm ngủ an nhiên, phiền muộn tự nuốt tiếc

Chân chính không dối lừa, bèn nương theo làm bài phú
Kinh điển đã từng nhắc, truyền lại từ phương Tây
Lời ca bày tỏ chí nguyện, đến đi không cưỡng cầu.

“*Thu hồ hành*” Kỳ 2

Nguyện dâng Thái Hoa sơn, Thần nhân cộng viễn du.
Nguyện dâng Thái Hoa sơn, Thần nhân cộng viễn du.
Kinh lịch Côn Luân sơn, đảo Bồng Lai. Phiêu diêu bát cực, dữ Thần nhân cụ. Tư đắc Thần dược, vạn tuế vi kỳ. Ca dĩ ngôn chí, nguyện dâng Thái Hoa sơn.

Thiên địa hà trường cửu, nhân đạo cư chi đoán.
Thiên địa hà trường cửu, nhân đạo cư chi đoán. Thế ngôn bá dương, thù bất tri lão. Xích Công Vương Kiêu, diệp vân đắc đạo. Đắc chi mật văn, thứ dĩ thọ khảo. Ca dĩ ngôn chí, thiên địa hà trường cửu.

Minh minh nhật nguyệt quang, hà sở bất quang chiếu.
Minh minh nhật nguyệt quang, hà sở bất quang chiếu. Nhị nghi hợp thánh hóa, quý giả độc nhân bất? Vạn quốc sắt thổ, mạc phi vương thân. Nhân nghĩa vi danh, lễ nhạc vi vinh. Ca dĩ ngôn chí, minh minh nhật nguyệt quang.

Tứ thời cánh thế khứ, trú dạ dĩ thành tuế. Tứ thời cánh thế khứ, trú dạ dĩ thành tuế. Đại nhân tiên thiên nhi thiên phát vi, bất thích niên vãng, ưu thế bất trị. Tồn vong hữu mệnh, lự chi vi si. Ca dĩ ngôn chí, tứ thời cánh thế khứ.

Thích thích dục hà niệm, hoan tiếu ý sở chi. Thích thích dục hà niệm, hoan tiếu ý sở chi. Tráng thịnh trí tuệ, thù bất tái lai. Ái thời tiến thú, tương dĩ huệ thù,

phiếm phiếm phóng dật, diệp đồng hà vi! Ca dĩ ngôn chí, thích thích dục hà niệm.

Tạm diễn nghĩa:

Nguyện lên núi Thái Sơn, cùng Thần Tiên ngao du.
Nguyện lên ngọn Thái Sơn, cùng Thần Tiên ngao du.

Vượt dãy Côn Luân, đến núi Bồng Lai.

Phiêu diêu Bát Cực, dạo cùng Thần Tiên.

Muốn đắc Thần dược, sống lâu muôn tuổi.

Lời ca là chí nguyện, nguyện đến Thái Hoa Sơn.

Thiên địa nào có dài lâu, đời người vốn ngắn ngủi.

Thiên địa nào có dài lâu, đời người vốn ngắn ngủi.

Thế gian nói Bá Dương, chẳng già đi chút nào.

Xích Tùng, Vương Kiêu cũng đều đắc Đạo.

Chẳng là đắc điều chi, đó chính là thọ mệnh

Lời ca bày tỏ chí nguyện, thiên địa nào có dài lâu

Nhật nguyệt sáng tỏ, rạng chiếu muôn nơi.

Nhật nguyệt sáng tỏ, rạng chiếu muôn nơi.

Trời Đất sinh vạn vật, tôn quý chỉ riêng người?

Vạn nước quán đất riêng, đều xưng Vương xưng Thần.

Lấy nhân nghĩa làm danh, lấy lễ nhạc làm vinh.

Lời ca bày tỏ chí nguyện, nhật nguyệt sáng tỏ.

Bốn mùa đổi thay trôi qua, ngày đến đêm đi trọn một năm

Bốn mùa đổi thay trôi qua, ngày đến đêm đi trọn một năm

Bạc đại nhân trước tiên không trái mệnh Trời, không ưu tư quá khứ, chẳng sầu muộn thế gian.

Tồn vong có mệnh, lo sinh tử ấy là kẻ ngu si.
Lời ca bày tỏ chí nguyện, bốn mùa đổi thay trôi qua.
Vì cầu dục vọng mà sầu bi, hay đạt được ước nguyện
mà hoan hỉ
Vì cầu dục vọng mà sầu bi, hay đạt được ước nguyện
mà hoan hỉ
Tuổi tráng niên trí tuệ, đã qua thì không trở lại.
Quý tiếc thời gian mà tiến thủ, sẽ đem lại lợi ích
cho ai?
Hời hợt phóng túng an nhàn, cũng sẽ như thế thôi!
Lời ca bày tỏ chí nguyện, vì cầu dục vọng mà sầu bi.

“Thu hồ hành” được sáng tác vào năm Kiến An thứ 20 (năm 215). Tào Tháo Tây chinh thảo phạt Trương Lỗ, vào mùa hạ tháng Tư, từ Trần Thương đi qua núi Tản Quan. Vào lúc bình minh đi lên núi Tản Quan, đường đi hiểm trở, “Trâu mệt chẳng đi nổi, xe rơi xuống vực sâu”. Thi nhân “ngồi nghỉ trên tảng đá, gảy ngũ huyền cầm. Vọng lên khúc Thanh giác, ý chừng mệt muộn phiền”. Trong tác phẩm “Lễ ký – Nhạc ký”, “Vua Thuấn tạo tác ngũ huyền cầm, để tấu lên bài ca ‘Nam Phong’”. “Thanh giác”, tương truyền là do chính Hoàng Đế sở tác, nếu không phải kẻ sĩ đại đức thì không được tấu nghe. Chính lúc ấy ở núi Côn Luân, có ba vị Tiên đến bên cạnh thi nhân, hỏi: “Hỏi khanh sao lại thảm thương, sầu bi oán trách lòng vương vấn gì, đến đây là có việc chi?” Sau khi trò chuyện, nhà thơ nhớ rằng bản thân mình đã từng: “Ta ngự ở núi Côn Luân, người thường gọi là Chân nhân, Đạo lý sâu thăm thẳm có thể đắc được chẳng. Danh sơn muôn thuở, ngao du Bát Cực, gối đầu lên đá, súc miệng uống dòng suối mát

lành”. Cuối cùng, Tào Tháo giải thích rõ nguyên do làm bài phú này, ghi chép và lưu truyền lại những nơi đã đi qua, và nhấn mạnh những nơi này là chân chính tồn tại chứ không hề giả dối. “Chân chính không dối lừa, bèn nương theo làm bài phú. Kinh điển đã từng nhắc, truyền lại từ phương Tây”.

Trong “Thu hồ hành” Kỳ 2, Tào Tháo phát nguyện trèo lên núi Thái Hoa, ngao du cùng Thần Tiên. Tiếp đến “Vượt dãy Côn Luân, đến Bồng Lai. Phiêu diêu Bát Cực, dạo cùng Thần Tiên”. Khi trở về lại nhân gian, thi nhân cảm khái: “Thiên địa nào có dài lâu, đời người vốn ngắn ngủi”. Nhân gian lưu truyền Bá Dương, Xích Tùng Tử, Vương Tử Kiêu đều là người đắc Đạo. Tào Tháo “Chẳng là đắc điều chi, đó chính là thọ mệnh”. Nhà thơ đều thấy được họ chẳng hề hỏi đến tuổi thọ. Trên nhân gian có nhật nguyệt sáng tỏ, không chỗ nào là không chiếu đến, “Vạn nước quản đất riêng, đều xưng Vương xưng Thần. Lấy nhân nghĩa làm danh, lấy lễ nhạc làm vinh”. Tào Tháo đang thực thi sứ mệnh của bản thân khi chuyển sinh đến nhân gian, cũng là nói cho người đương thời và người đời sau biết, “bậc đại nhân trước tiên không trái mệnh Trời, không ưu tư quá khứ, chẳng sâu muộn thế gian. Tồn vong có mệnh, lo sinh tử ấy là kẻ si ngốc”. Nói cách khác, thuận theo Thiên mệnh mà hành sự thì mọi việc sẽ thành, tồn vong đều có mệnh, không cần phải quá lo lắng.

“Mạch thượng tang”

Giá hồng nghệ, thừa xích vân, dâng bử Cửu Nghi lịch ngọc môn.

Tề thiên Hán, chí Côn Luân, kiến Tây Vương Mẫu
yết Đông Quân.

Giao Xích Tùng, cập Tiễn Môn, thụ yếu bí đạo ái
tinh thần.

Thực chi anh, ẩm lễ tuyền, trụ trượng quyết chi bội
thu lan.

Tuyệt nhân sự, du hồn nguyên, nhược tạt phong du
huất phiêu phiên.

Cảnh vị di, hành số thiên, thọ như Nam Sơn bất
vong khiên.

Tạm diễn nghĩa

Cưỡi cầu vồng, đạp mây đỏ, lên đỉnh Cửu Nghi,
nhập Thiên cung.

Qua Thiên Hán, đến Côn Luân, gặp Tây Vương Mẫu,
yết kiến Đông Quân.

Làm bạn với Xích Tùng, Tiễn Môn, tiếp nhận bí đạo,
dưỡng tinh thần.

Ăn linh chi, uống cam tuyền, chống gậy quế, treo
thu lan.

Dứt mọi chuyện đời, ngao du khắp chốn, như gió
lốc bay nhảy muôn nơi.

Cảnh chẳng đổi, băng ngàn dặm, thọ như Nam Sơn,
không quên lỗi lầm.

Trong tác phẩm “Mạch thượng tang”, Tào Tháo lại đến Côn Luân, yết kiến Tây Vương Mẫu cùng Đông Quân, kết giao với Xích Tùng Tử, Tiễn Môn (cũng gọi là Tiễn Môn Cao, là Tiên nhân, khi Tần Thủy Hoàng đến Kê Thạch từng phái người đi tìm cầu), được truyền thụ

“bí đạo”, ăn linh chi, uống cam tuyền, cùng Thần tiên
ngao du trong vũ trụ.

“Tinh liệt”

Quyết sơ sinh, tạo hoạch chi đào vật, mạc bất hữu
chung kỳ.

Mạc bất hữu chung kỳ.

Thánh hiền bất năng miễn, hà vi hoài thử ưu?

Nguyện ly long chi giá, tư tưởng Côn Luân cư.

Tư tưởng Côn Luân cư.

Kiến kỳ ư vu quái, chí ý tại Bồng Lai.

Chí ý tại Bồng Lai.

Chu lễ thánh tồ lạc, Cối Kê dĩ phần khâu.

Cối Kê dĩ phần khâu.

Đào đào thùy năng độ? Quân tử dĩ phát ưu.

Niên chi mộ nại hà, thời quá thời lai vi.

Tạm diễn nghĩa:

Thuở ban đầu, tạo hóa sinh vạn sự vạn vật, đều có
an bài vận mệnh.

Đều có an bài vận mệnh.

Thánh hiền cũng không thể miễn, làm sao có thể
hoài nghi điều này?

Nguyện cưỡi ly, long, lòng muốn đến sống ở Côn
Luân.

Lòng muốn đến sống ở Côn Luân.

Gặp điều cổ quái, chí nguyện đến chốn Bồng Lai.

Chí nguyện đến chốn Bồng Lai.

Chu Lễ, Thánh nhân đã mất, Cối Kê là nơi có mộ phần.

Cối Kê là nơi có mộ phần.

Ai có thể vượt qua tháng năm dằng dặc, vạn thế trường tồn? Kẻ quân tử không sàu lo

Cuối đời không biết làm sao đây, thời gian trôi qua, tháng ngày còn lại không nhiều.

Tào Tháo lấy thơ để nói lên chí nguyện, “Lòng muốn đến sống ở Côn Luân”, “Chí nguyện ở chốn Bồng Lai”. Làm người trên thế gian, vô luận là Thánh nhân hay người phàm, đến lúc đều có mộ phần, không cần phải âu lo khi lâm chung.

Lý Bạch rất am hiểu văn học Kiến An, đặc biệt đối với thơ văn của Tào Tháo có thể nói là thông tỏ rõ ràng, ông đã dùng “Bồng Lai văn chương Kiến An cốt” để đánh giá. Cái gọi là “Bồng Lai văn chương”, chính là chỉ nội hàm tu Tiên đắc Đạo phong phú, là phong cốt của văn học Kiến An.

Tào Tháo cùng con trai ông là Tào Phi, Tào Thục đều là các thi nhân trứ danh của nền văn học sử Trung Quốc, được tôn xưng là “Tam Tào”. “Ngụy Vũ được tôn xưng Tướng Vương, yêu thích thơ ca thanh cao”. Ở ông hội tụ rất nhiều văn nhân học sĩ, trong đó, Kiến An Thất Tử nổi bật hơn cả: “Khổng Dung tự Văn Cử người nước Lỗ, Trần Lâm tự Khổng Chương người Quảng Lăng, Vương Xán Trọng Tuyên người Sơn Dương, Từ Cán Vỹ Trường người Bắc Hải, Nguyễn Vũ Nguyên Du người Trần Lưu, Ứng Sương Đức Liễu người Nhữ Nam, Lưu Trinh Công Cán người Đông Bình. Bảy tài tử này học vấn không thiếu sót điểm nào, ngôn từ không vay

mượn người nào” (Tào Phi, “Điển luận – luận văn”). Tào Thực chịu ảnh hưởng trực tiếp từ Tào Tháo, từ hoài nghi Thần cho đến về sau tín Thần, cũng sáng tác rất nhiều thơ phú du Tiên.

Tào Thực sáng tác “Bảo đao phú”, thuật lại rằng, Tào Tháo khi chế tạo bảo đao có cầu cúng Thái Ất. Thời nhà Hán, Thái Ất là vị Thần tôn quý nhất, Hán Vũ Đế từng sùng kính Thái Ất là Thiên Đế. Tào Tháo cầu nguyện Thái Ất, trong giấc mộng được thông linh, chế ra bảo đao.

“Bảo đao phú” (cùng lời tựa)

Trong thời Kiến An, gia phụ Ngụy Vương có lệnh cho Hữu ti tạo năm cây bảo đao, trong ba năm thì thành, đặt tên là Long, Hổ, Hùng, Minh, Tước. Thái tử giữ một cây, ta và đệ đệ ta Nhiêu Dương Hầu mỗi người giữ một cây. Còn lại hai cây, do Vương nhà ta sử dụng.

Phú viết: Hữu Hoàng Hán chi minh hậu, tư minh đạt nhị huyền thông. Phi văn tảo dĩ bác trí, dương võ bị dĩ ngự hung. Nãi sí hỏa viêm lô, dung thiết đĩnh anh. Ô Hoạch phẩn chuy, Âu Dã thị dinh. Phiến cảnh phong dĩ kích khí, phi quang giám ư Thiên đình. Viên cáo từ ư Thái Ất, nãi cảm mộng nhi thông linh. Nhiên hậu lệ dĩ ngũ phương chi thạch, giám dĩ trung hoàng chi nhưỡng. Quy viên cảnh dĩ định hoàn, sự thần tư nhi tạo tượng. Thùy hoa phân chi uy nhuy, lưu thúy thái chi hoàng dưỡng. Cố kỳ lợi lục đoạn tê cách, thủy đoạn long giác. Khinh chế phù tiệt, đao bất tiêm lưu. Du Nam Việt chi cự khuyết, siêu Tây Sở chi Thái a. Thực Chân nhân chi du ngự, vĩnh thiên lộc nhi thị hà.

Đại ý là: Đại Hán thánh minh Ngụy Vương, suy nghĩ thông suốt thấu đáo. Gửi bài văn chiêu hiền tài trong thiên hạ, rèn luyện võ nghệ đầy đủ, trừ bạo diệt kẻ hung ác. Đốt cháy lò lửa, hóa sắt luyện tinh. Tựa như Ô Hoạch vung búa, giống như Âu Dã rèn gươm. Lửa hùng hực tăng khí thế, ánh lửa sáng xung đến Thiên đình. Cầu nguyện Thái Ất, trong mộng hiển linh. Sau đó hướng ngũ phương mài đao, dùng đất hoàng thổ mà lau lưỡi đao. Đoang đo độ tròn mà chế vòng đao, phát xuất thần thông vẽ tạo nên đồ hình. Hoa văn rực rỡ vô cùng, lưỡi đao lấp lánh quang huy. Vì thế nó là bảo đao sắc bén nhất trên đời có thể trảm cả tê giác, trong nước có thể chặt đứt giao long. Nhẹ nhàng mà dứt khoát, lưỡi đao không hao tổn gì. Hơn cả Cự Khuyết của Việt Vương Câu Tiễn, vượt qua Thái A của Sở Vương. Xứng đáng được Chân nhân đeo dùng, vương vị vĩnh cửu kiên cố.

Chương 5: Một nhà văn lớn

Vào cuối thời Đông Hán, đội quân Khăn vàng nổi dậy, Đông Trác gây họa, dẫn đến việc thế lực các châu cát cứ, chiến họa liên miên, xã hội hỗn loạn chưa từng có. “Đời chất chứa loạn ly, phong tục ai oán,” nhân dân hoặc mất mạng trong chiến loạn, hoặc ly biệt gia đình. Văn nhân phải rời bỏ quê hương, phiêu bạt vô định, không lo được cơm ăn, áo mặc chứ đừng nói đến việc sáng tác thơ phú, phát triển văn học và nghệ thuật. Dù sáng tác được những tác phẩm lẻ tẻ thì ảnh hưởng cũng rất hạn chế.

Tào Tháo tính tình chân thật. Ông nhìn thấy những năm cuối niên hiệu Kiến An thiên hạ loạn lạc, chinh chiến gian khó, dân tình khốn khổ. Người anh hùng thấy sự khắc nghiệt của thế gian, nên dùng văn thơ để nói lên chí khí của mình, trực tiếp bày tỏ tấm lòng, khảng khái bi thương. “Nhìn Lạc Dương thành quách, Vi tử buồn thương thay,” “Dân đen trăm như một, nhớ nghĩ đứt đoạn trường,” “Chẳng buồn năm tháng, đời loạn chẳng bình,” (những dòng thơ như vậy) tạo nên phong cốt Kiến An, dẫn lối văn chương một thời.

Trần Tộ Minh nói: “Các thiên truyện Mạnh Đức viết tuy bắt chước theo lối xưa, nhưng đều viết về hoài bão của bản thân, ban đầu ưu lo về sự nghèo đói, sau đó thương xót thế sự hỗn loạn, cảm khái địa thế đã lựa chọn, nghĩ về việc giải thoát nhưng không thể. Câu từ vô vàn nhưng đều nằm trong số đó thôi. Vốn lời nói vô định, nhưng gốc rễ nằm ở tính tình, cho nên chất giọng đê nén, bi thương, một mình đạt đến chỗ siêu

việt. Nếu xem xét kỹ cách điệu, Mạnh Đức toàn sử dụng âm Hán, còn Phi, Thực sử dụng âm Ngụy nhiều hơn.” (“Thái Thực Đường thi tập,” quyển 5)

“Quan sát văn phong thời đó, tao nhã, khoáng khái; thể sự tích chứa nhiều loạn ly, phong ai tục oán, lại thêm chí hướng sâu xa mà bút lực dồi dào, cho nên cứng cõi mà đầy chí khí.” (“Văn tâm điều long – Thời tự biên”)

Trên con đường lập nghiệp đan đầy lam lũ của Tào Tháo, ông đã quy tụ được văn nhân ở Nghiệp Thành, trực tiếp khai sáng và hình thành nên cục diện phồn vinh “rực rỡ tươi tốt” của văn học Kiến An. Các tác phẩm của ông đã đặt định nên phong cách văn học Kiến An, đưa văn học Kiến An lên đỉnh cao huy hoàng trong lịch sử văn học Trung Quốc, khiến văn hóa Thần truyền Trung Quốc dù trong bối cảnh chiến loạn liên miên, xã hội tàn phá nhưng vẫn được thừa truyền và hưng thịnh. Tào Tháo “yêu thích thi ca, thư tịch. Tuy ở trong quân đội, nhưng tay không rời ống quyển” (Tào Phi), “không chỉ coi xét chính sự mà còn trông khắp chốn Nho lâm. Cúi mình trước sự tao nhã khi nghe tiếng cầm sắt” (Tào Thực).

Sáng tác của Tào Tháo khá phong phú. Ngoài thơ, phú còn có một quyển “Gia truyện,” 10 quyển “Ngụy chủ tấu sự,” “Ngụy Võ tứ thời thực chế,” 30 quyển “Ngụy Võ đế tập,” 10 quyển “Ngụy Võ hoàng đế dật sự,” 10 quyển “Ngụy Võ đế tập tân soạn,” một quyển “Ngụy Võ đế tập bản,” 03 quyển “Ngụy Võ đế tập biên tập bản,” 09 quyển “Ngụy Võ đế lộ bố văn.” Tuy nhiên, phần lớn chúng đã bị thất lạc, chỉ còn lại khoảng 150 thiên tản văn. Phần lớn trong số chúng là lệnh, giáo, còn lại là thư, biểu.

Tào Tháo giỏi sáng tác văn. Thư, biểu, giáo, lệnh của ông lời gọn ý đủ, mạch lạc, lập ý sâu sắc, khí phách hùng vĩ, tình cảm lẫn văn phong đều tràn đầy, hấp dẫn người đọc. Hai câu “Phu hữu kỳ chí, tất thành kỳ sự” (Nam có chí khí, hành sự tất thành) (“Bao lữ kiên lệnh”), đủ trở thành cách ngôn, khích lệ những kẻ sĩ có chí khí. Trước đó, bài tán văn tự thuật “Nhuỵng huyện tự minh bốn chí lệnh” của Tào Tháo có nét đặc sắc riêng biệt đã trở thành một tác phẩm xuất sắc. Nếu nói tài cầm quân thống suất của Tào Tháo đủ để quật ngã quần hùng, thì cách hành văn của Tào Tháo cũng có thể đứng vững ngàn năm. Ngay cả những người có thành kiến với Tào Tháo cũng không thể không thở dài rằng “văn từ tuyệt diệu” (lời văn tuyệt vời).

Tào Tháo tinh thông thư pháp, binh thư, Kinh Thi, sách của bách gia chư tử, cờ vây, dục lý .v.v. Ông còn đặc biệt giỏi âm nhạc và am hiểu kiến trúc. “Bác vật chí” của Trương Hoa, người thời Tấn cho biết: Vào thời nhà Hán, An Bình Thôi Viện, Viện Tử Thực, Hoảng Nông Trương Chi, Chi Đệ Húc đều giỏi thảo thư, còn Thái Tổ xếp sau họ. Hoàn Đàm, Thái Ung đều giỏi âm nhạc, ... Thái tổ tài năng sánh ngang họ (giỏi như nhau). (Hoàn Đàm “giỏi âm luật, hay cổ cầm”, Thái Ung “am tường âm luật”, “giỏi cổ cầm”.)

“Thái Tổ cầm quân hơn ba mươi năm, tay chưa bao giờ buông sách. Sách ắt đọc sách về võ lược, ban đêm nghiền ngẫm kinh truyện. Lên đài cao tất sáng tác phú, có lúc sáng tác thơ mới, nghe tiếng đàn, tiếng sáo cũng sáng tác được bài nhạc.” (“Ngụy thư” của Vương Thấm). Tào Tháo còn sáng tác nhạc khúc và rất giỏi thưởng thức âm nhạc. Ông coi trọng

tài năng âm nhạc. Thái Ung, Nguyễn Vũ, Nễ Hành, Đỗ Quỳnh .v.v. đều nhận được đãi ngộ hợp lễ của Tào Tháo. Ông cho phép họ sáng chế nhã nhạc, diễn tấu âm luật. Tào Tháo thông hiểu âm luật, loại bỏ những thứ giả tạo, lưu giữ điều chân, đồng thời dẫn dắt sự phát triển của âm nhạc đời sau. Trước sự thất truyền của nhã nhạc cổ đại trong thời chiến loạn, Tào Tháo sai Đỗ Quỳnh sửa lại nhạc luật, “phục hưng cổ nhạc của đời trước.”

Đỗ Quỳnh tinh thông nhã nhạc. Người này vốn trước đây dưới trướng của Lưu Biểu, sau này theo Lưu Tông đầu hàng Tào Tháo. Tào Tháo bổ nhiệm ông làm Tế tửu mưu việc quân và lo liệu Thái nhạc. Một người chơi nhạc khác là Sài Ngọc đúc một chiếc chuông đồng không hợp ý của Đỗ Quỳnh nên hai người xảy ra tranh chấp. Sau khi Tào Tháo giám định và phán đoán đã trừng phạt Sài Ngọc có tội. Trong “Tam Quốc Chí – Đỗ Quỳnh truyện” có ghi lại sự việc này: Thái Tổ dùng Quỳnh làm Tế tửu mưu việc quân, lo liệu Thái nhạc. Nhân đó Quỳnh nhận lệnh sáng chế nhã nhạc. Quỳnh giỏi về luật đồng, hẳn tiệp hơn người, bát âm tơ trúc không cái nào không giỏi. Thợ làm vũ chuông nhà Hán là Sài Ngọc có hứng thú, trong khi làm hình dáng khí cụ đa phần đều có nét sáng tạo, được các nhà quyền quý biết đến. Quỳnh lệnh cho Ngọc đúc chuông đồng, thanh âm của nó trong đục không theo phép cũ, mấy lần phải hủy đi làm lại. Ngọc rất chán ghét điều đó, cho rằng Quỳnh không giỏi nhận biết thanh âm, có ý kháng cự lại Quỳnh. Hai người bèn cùng đến gặp Thái Tổ. Thái Tổ lấy chiếc chuông đã đúc ra nghe thử, liền biết Quỳnh đúng là tinh thông, mà

Ngọc xằng bậy. Thế là, trùng phạt Sài Ngọc cùng những người làm cùng, thả đều cho làm người nuôi ngựa.

Ngoài việc sáng lập, cổ súy văn học Kiến An như đã nói ở trên, Tào Tháo còn có những đóng góp to lớn cho sự phồn vinh của nghệ thuật thư pháp lúc bấy giờ. Vào thời điểm đó, Tào Tháo đã tập hợp các tài năng thư pháp từ khắp nơi trong thiên hạ về Hứa Đô, như Sư Nghi Quan, Lương Hộc, Chung Dao, Hàm Đan Thuần, Vĩ Diên .v.v. Tào Tháo rất thích đọc bút tích của các nhà thư pháp và nghiên ngẫm nó. Ông còn thường xuyên so tài với các nhà thư pháp thời bấy giờ về kỹ năng thư pháp. Tào Tháo đặc biệt yêu thích thư pháp của Lương Hộc. Ông thường treo thư pháp của Lương Hộc trong trướng hoặc trên tường để thưởng thức. Chúng được tán xưng là tác phẩm khiến “Thái Tổ quên ngủ, mãi mê ngắm nhìn.” Một trăm năm sau, khi Vương Hi Chi học thư pháp, ông đã đến Hứa Xương để phỏng theo các tác phẩm bằng mực của Lương Hộc, Chung Dao, Thái Ung, rồi đem chúng dung hợp và quán thông, dần trở thành bậc thầy thư pháp một thời.

Tào Tháo được tán dương là thư pháp gia một thời. Những người từng xem các tác phẩm thư pháp của Tào Tháo trong lịch sử đều ca ngợi thư pháp của ông có vẻ đẹp “hoa vàng rơi thưa thớt, khắp nơi hóa lung linh; Kinh Ngọc đều tỏa sáng, Dao Nhược thành xán lạn,” và “bút mực hùng hồn, phóng soái tuyệt luân.” Các nhà phê bình thư pháp đánh giá rằng, có năm bậc thầy về thư pháp vào cuối thời Hán, đó là Tào Tháo, Thôi Viện, Thôi Thực, Trương Chi và Trương Húc.

Bút tích bằng mực duy nhất của Tào Tháo còn lưu lại đến nay là hai chữ “Cổn tuyết”. Lúc đi qua cổng đá

trên con đường lát bằng ván gỗ từ Trương Lỗ đến Hán Trung (nay là Bao Thành, Thiểm Tây), nhìn thấy cảnh tượng trên sông, ông liền ngẫu hứng viết thư pháp, dấu tích mực được khắc trên tảng đá ngầm dưới sông. Hai từ “Cổn tuyết” dùng để chỉ cảnh nước sông cuộn cuộn, xô qua các rạn san hô, nước bắn tung tóe, trong nước có nhiều tảng đá lớn, giống như sóng tuyết cuộn cuộn nên gọi là “Cổn tuyết”. Viên đá này hiện lưu giữ ở Bảo tàng Thiểm Tây, có khắc hai chữ “Ngụy Vương” ở đầu bên trái.

Lời kết

Ngụy Vũ Đế Tào Tháo điềm ứng Hoàng Tinh, là Chân nhân hạ thế, dẹp loạn trị bình, thiên hạ không ai địch nổi. Công lao to lớn mà ông lập được vạn đời lưu danh.

Tào Tháo tạo nên văn học Kiến An vào thời kỳ hoàng kim của lịch sử văn học Trung Quốc, khiến nền văn hóa Thần truyền của Trung Quốc được thừa truyền hưng thịnh trong bối cảnh chiến tranh liên miên, xã hội bị tàn phá. Những tác phẩm lớn về võ học như “Mạnh Đức tân thư,” “Tôn Tử lược giải” cho đến mưu kế dụng binh của ông được các nhà quân sự nhiều thế hệ tôn sùng và truyền bá. Vì vậy, hậu nhân khen ngợi “nói về binh không ai bằng Tôn Vũ, dụng binh không ai bằng Hàn Tín, Tào Công” (“Hà bác sĩ bị luận”). Tào Tháo chấm dứt tục thờ cúng dân tà của quan lại và dân chúng, diệt trừ linh thể tầng thấp và quỷ loạn, ủng hộ Đạo giáo mới chớm sinh, khiến việc thực hành Đạo giáo trở thành phong tục trong dân

chúng nước Ngụy, mang lại thanh bình cho đất nước. Trong thời loạn thế, việc thúc đẩy sự phát triển và hưng thịnh của Đạo giáo đã đề cao phong thái, đạo đức người đời. Công này không gì to lớn hơn!

Ngụy Vũ Đế công cao đức lớn, có ảnh hưởng lớn đối với việc hưng suy về sau. Ông luôn nắm vững bộ máy chính quyền, làm nên nghiệp lớn, khiến nhà Hán nắm giữ thiên hạ kéo dài trong mấy chục năm. “Nếu đất nước không có thừa nối, không biết có bao nhiêu người xưng Đế, bao nhiêu người xưng Vương...Nếu bản thân thất bại, thì đất nước lâm nguy, không thể hâm mộ hư danh mà gặp thực họa. Điều này không thể làm được vậy.” Ông “phụng mệnh chủ thượng, nắm giữ công bình, hoằng dương nghĩa lớn,” vì nghĩa mà tận lực thuận theo ý trời cai trị đất nước, vì nghĩa mà trung quân báo quốc. Ông và các bậc như Gia Cát Lượng, Chu Du, Lưu Bị, Tôn Quyền, cùng nhau diễn dịch, giảng giải ý nghĩa sâu sắc về “Nghĩa” mà đấng Sáng Thế Chủ đã ban tặng cho người có phẩm đức, vì hậu thế mà lưu lại thiên cổ truyền kì, khắc cốt ghi tâm.

Tài liệu tham khảo chính:

Tư Mã Nương Thư, “Tư Mã Pháp”, thời Xuân Thu Chiến Quốc.
Lý Phương và những người khác biên chép, “Thái Bình ngự lãm”, thời Tống.
Không rõ tác giả, “Xuân Thu sấm”, thời Hán.
Tào Thực, “Tào Tử Kiện tập”, thời Ngụy.
Trần Thọ, “Tam Quốc chí”, thời Tấn.
Bùi Tùng chú giải, “Tam quốc chí”, thời Tấn.
Tư Mã Quang và những người khác biên chép, “Tư trị thông giám”, thời Tống.
Ly Đạo Quang, “Thủy kinh chú”, thời Bắc Ngụy.
Lưu Hy Tái, “Thi khái”, thời Thanh.
Đỗ Hữu, “Thông điển”, thời Đường.
Lục Cơ, “Điều Ngụy Võ Đế văn”, thời Tấn.
Không rõ tác giả, “Lễ ký-Nhạc ký”, thời Tiên Tần.
Tào Tháo, “Tôn Tử lược giải”, thời Hán.
Tào Tháo, “Nhượng huyện tự minh bốn chí lệnh”, thời Hán.
Trần Thọ, “Tam Quốc chí-Ngụy chí”, thời Tấn.
Phạm Diệp, “Hậu Hán thư”, thời Nam Triều.
Phan Nhạ, “Tây chinh phú”, thời Tấn.
Phương Huyền Linh, “Tấn thư”, thời Đường.
Chung Tinh, “Cổ thi quy”, thời Minh.
Hà Khứ Phi, “Hà bác sĩ bị luận”, thời Bắc Tống.
Trương Thuyết, “Nghịệp Đô Dẫn”, thời Đường.
Trần Tộ Minh, “Thái Thực Đường thi tập”, thời Thanh.
Lưu Hiệp, “Văn tâm điêu long”, thời Nam Bắc Triều.
Phương Đông Thụ, “Chiêu muội chiêm ngôn”, thời Thanh.
Thẩm Đức Tiềm, “Cổ thi nguyên”, thời Thanh.

Nhân vật thiên cổ anh hùng



Đế Nghiêu



Đế Thuấn



Đế Vũ



Tần Thủy Hoàng



Hán Vũ Đế



Hàn Tín



Tào Tháo



Lưu Bị



Tôn Quyền



Gia Cát Lượng



Chu Du



Đường Thái Tông



Lý Bạch



Dương Diên Chiếu



Nhạc Phi



Thành Cát Tư Hãn



Hốt Tất Liệt



Minh Thành Tổ



Trương Tam Phong



Lý Tự Thành



Khang Hy



Hồng Tú Toàn



Tôn Trung Sơn



Tưởng Giới Thạch